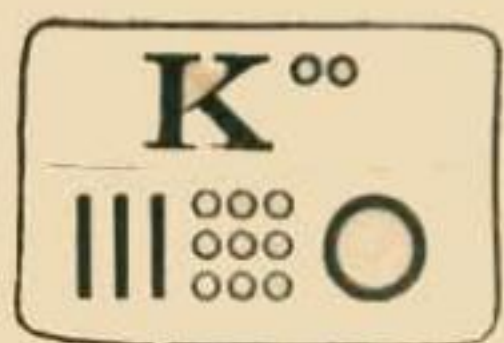




*Độc thơ Nguyễn Trãi • Châm thuật
trên đất Pháp • Người Huế • Nhân
vật nữ của Hoàng Đạo và Nhất Linh*

BÁCH KHOA

GIẢI PHẪM

BÁCH-KHOA

160 Phan Đình Phùng Saigon

Chủ trương : LÊ NGỘ CHÂU

Bài vở : TÔN THẤT HÀM

Tiền bạc : NGHIÊM NGỌC HUÂN
NGUYỄN HUY NHÂN

GIÁ MUA DÀI HẠN

SÁU THÁNG
MỘT NĂM

1.100đ.

2.100đ.

* Cao Nguyên và Miền Trung : thêm cước phí máy bay một năm : 360đ.

* Ngoại quốc đường thủy : thêm cước phí một năm : 500đ

* Ngoại quốc đường hàng không, mỗi số :

Gửi đi Kampuchia	: 30đ.	Gửi đi Úc, Tích-lan v.v...	: 195đ
— Ai-lao	: 40đ.	— Pháp	: 220đ
— Đông-Nam-Á (Hồng-kông, Đài-loan, Thái-lan v.v...)	: 55đ.	— Âu-châu (trừ Pháp, Bắc Phi-câu, Đại-dương-châu	: 245đ
— Nhật-bản, Đại-hàn, Ấn-độ, Hồi-quốc	: 120đ.	— Hoa-kỳ, Gia-nã-đại	: 270đ

* Chi phiếu, bưu phiếu, xin đề tên ông Lê-Ngộ-Châu 160 Phan đình Phùng Saigon, bưu chi phiếu xin gửi Trương mục 27-46, Bách Khoa Thời Đại Trung Khu Saigon.

GIÁ BIỂU QUẢNG CÁO

1 trang giấy mẫu	:	mỗi kỳ	:	6000đ
1/2 trang giấy mẫu	:	mỗi kỳ	:	4000đ
oOo				
1 trang trong	:	mỗi kỳ	:	5000đ
1/2 trang trong	:	mỗi kỳ	:	2500đ
1/4 trang trong	:	mỗi kỳ	:	1300đ

Muốn đăng quảng cáo từ 6 tháng trở lên có giá đặc biệt, xin liên lạc với Ty Quản-lý Bách Khoa, 160 Phan-đình-Phùng Saigon. Đ.T. 25.539.

B Á C H K H O A

Giấy phép số 278/PTUDV/PHBCNT/
KSALP/GP Ngày 21 - 4 - 1973

K :

TRẦN NGỌC NINH <i>Nguyễn Trãi, Huyền Thực và Sắc Không</i> (đọc bài thơ Mộc cặn của Nguyễn Trãi)	05
VÕ PHIẾN <i>người Huế</i>	17
TRẦN VĂN TÍCH <i>châm thuật trên đất Pháp</i>	23
NGUYỄN THIẾU DŨNG <i>văn học thời Duy Tân</i>	31
NGUYỄN VĂN XUÂN <i>nhân xem một kỷ niệm của Nguyễn</i> <i>Tường Long (suy ra : các nhân vật nữ của Hoàng Đạo</i> <i>và Nhất Linh)</i>	39
TỪ MINH <i>nữ văn hào Pearl Buck, một cây bút Tây phương phục</i> <i>vụ cho đạo lý Đông phương</i>	49
MINH-ĐỨC HOÀI-TRINH <i>lá thư Vạn tượng : ngưng bắn tại</i> <i>Ai-lao</i>	59
HOÀNG LỘC <i>khi trở về Hội-an (thơ)</i>	66
NGUYỄN BẮC SƠN <i>đại lân (thơ)</i>	67
TRẦN QUÍ SÁCH <i>người chờ đợi (truyện ngắn)</i>	71
BÙI KHIẾT <i>mùa Xuân tưởng niệm Thân</i>	78

SINH HOẠT

TỪ MINH <i>thời sự thế giới</i>	79
TRẦN ĐẠI 9 <i>nhà văn nhìn về Đông Hồ</i>	87
THU THỦY <i>thời sự văn nghệ</i>	89
<i>Trình bày mẫu bìa : Họa sĩ VĂN-THANH</i>	

Chủ trương : LÊ NGỘ CHÂU

Địa-chỉ : 160, Phan Đình Phùng Saigon
Điện thoại : 25.539
H.T. 339 Saigon

In tại nhà in TRÍ ĐĂNG
21, Nguyễn Thiện Thuật - Saigon
GIÁ : 100\$ Công sở : 200\$
Cao Nguyên và Miền Trung
cước phí máy bay 15\$ mỗi số

Sách nhận được trước 1 và 15-4-1973

Bách Khoa trân trọng cảm ơn quý vị đã gửi tặng những sách sau đây và xin ân cần giới thiệu cùng quý bạn đọc :

— Một ngày ở Hà-nội (18-2-73) của Phạm Huấn và Nguyễn Đình Toàn do tác giả ấn hành và gửi tặng. Sách dày 90 trang, khổ $19,5 \times 25$, Phạm Huấn tái ngộ Hà nội sau 19 năm trong chuyến hành trình đặc biệt ngày 18-2-73 và những hình ảnh ngày nay.

Tiếp đó là những thơ văn viết về Hà nội của Nguyễn Mạnh Côn, Đinh Hùng, Vũ Bằng, Vũ Hoàng Chương, Mai Thảo v.v... do Nguyễn Đình Toàn sưu tập. Giá 500đ.

— Kỹ-thuật thảo-luận hội-nghị của Trần Đại, do tác giả xuất bản và gửi tặng. Sách dày 196 trang gồm các phần : Lý thuyết căn bản của nguyên tắc thảo luận hội-nghị. Các trở ngại của sự thông đạt trong hội-nghị. Cách tổ chức và điều khiển một hội nghị. Giá 460đ.

— Bản Tango cuối cùng truyện dài của Lê Hăng, do Tở hợp Gió xuất bản và tác giả gửi tặng. Sách dày 580 trang, nội dung lôi cuốn, trình bày đẹp. Bản đặc biệt.

— Hiện tượng Quỳnh Dao tiểu luận của Đào Trường Phúc do Khai Hóa xuất bản và tác giả gửi tặng. Sách dày 170 trang trình bày : Quỳnh Dao là ai ? Không khí tiểu thuyết và thể giới nhân vật Quỳnh Dao ; « Hiện tượng » Quỳnh Dao ở V.N. Bản đặc biệt.

— Tình người tập truyện của Tâm Quán (Nhất Hạnh) do Lá Bối xuất bản và gửi tặng. Sách in lần thứ 3 dày 150 trang gồm 10 truyện ngắn. Bản đặc biệt. Giá 250đ.

— Châu ngọc cách ngôn (thượng hạ thiên) của Hải-Thượng Lãn-Ông Lê Hữu Trác do Đinh-Ninh Lê Đức Thiếp phụng dịch xuất bản và gửi tặng. Sách dày 160 trang gồm 21 câu cách ngôn (quyền trên) và 16 câu (quyền dưới) bằng chữ Hán, phiên âm, dịch nghĩa, và giải thích, bàn thêm, rất rõ ràng. Có thêm phần « Y huấn cách ngôn » và tiểu sử đức Y-tồ. Bản đặc biệt.

— Mùa thu mưa bay truyện dài của Từ Kế Tường, do Sông Đà xuất bản và tác giả gửi tặng. Tác phẩm thứ 6 được xuất bản của tác giả, dày 366 trang, trình bày đẹp, bìa Nguyễn Trọng Khôi. Bản đặc biệt.

— Đốt xác truyện dài của Bùi Kim Đình, do Huyền Trân xuất bản và tác giả gửi tặng. Tác phẩm thứ 3 được xuất bản của tác giả, dày 100 trang, bìa do họa sĩ Vi Vi trình bày. Giá 200đ.

— Dòng Cờ Nguyệt tuyển tập thi văn của Đông Hồ do Ban Truy Niệm Cổ Thi-sĩ Đông Hồ 1973 sưu tập vào dịp lễ húy nhật năm thứ 4 của nhà thơ, Nhà xuất bản Bốn Phương ấn hành và gửi tặng. sách dày 126 trang gồm các bài văn trích trong những tác phẩm còn là di cảo hoặc đăng trên các báo chí cùng một số bài thơ chưa công bố hoặc trích ở Thơ Đông Hồ và Cô gái Xuân. Bản đặc biệt.

Nguyễn Trãi

Huyền-Thực và Sắc-Không

Mộc cậ

*Ánh nước hoa in một đóa hồng
Vần như chẳng bén bụi là lòng
Chiều mai nở chiều hôm rụng
Sự lạ cho hay tuyệt sắc không*
NGUYỄN TRÃI — Quốc-Âm-Thi

Nguyễn Trãi là một đại-anh-hùng và một đại-văn-hào của dân-tộc. Trong lịch-sử của nước Việt-nam, Ông đứng ngang với Trần Quốc Tuấn và Nguyễn Huệ. Nhưng trong lịch-sử văn-chương Việt-nam, thì không có một ai có thể sánh với Ông, vì Ông là người đã khai sinh ra nền văn-chương quốc-âm của ta.

Trước Ông, truyền-thuyết nói rằng có Hàn Thuyên, có Chu Văn An, có Nguyễn Bỉnh, có Trần Quý Khoáng. Nhưng nếu các vị này có văn thơ bằng tiếng Việt thực, thì tất cả đều đã bị ngọn lửa tàn-bạo của quân Minh đốt hết, không còn để lại được một chữ nào gọi là chắc chắn, và Nguyễn Trãi vẫn là người khai nguyên cho dòng văn Việt, trong đó sau này đã nổi lên một Lê Thánh-tông, một Nguyễn Gia Thiều, một Nguyễn Du, một Phan Bội Châu, một Nguyễn Đình Chiểu. Cho đến giờ phút này, tập Quốc-Âm-Thi của Nguyễn Trãi với 254 bài thơ vẫn là

tác-phẩm cổ nhất viết bằng tiếng Việt mà chúng ta còn có.

Thơ quốc-âm của Nguyễn Trãi rất khó đọc : đó là một điều dĩ nhiên, vì Ông viết bằng tiếng Việt của thời Ông, là của thế kỷ thứ 15 ; lúc ấy là lúc kim-việt-ngữ đang hình thành, tuy đã có những nét cơ-cấu chính của Việt-ngữ đời nay, nhưng vẫn chưa bỏ hẳn ngữ-pháp của trung-việt-ngữ. Một số tiếng được dùng trong Quốc-Âm-Thi lại đã mai một và không còn ai biết nghĩa nữa, nếu không có công nghiên cứu.

Một điều rất đáng chú ý là Nguyễn Trãi, một người không gì là không biết trong khoảng thời-gian ba ngàn năm trăm năm văn-chương học-thuật của Trung-quốc, lại đặt một vài câu sáu tiếng, khi thì vào đầu, khi thì vào giữa, khi thì vào cuối, một bài thơ phần lớn là dùng câu bảy tiếng. Nhìn qua những niêm-luật đời nay, người ta lại còn có cảm-tưởng rằng có nhiều câu thất niêm, thất luật. Tiếp tục

công-cuộc xây dựng sự độc-lập của Việt-nam, Nguyễn Trãi đã muốn dựa vào Đường-thi mà đặt ra những thể thơ đặc-thù cho dân-tộc. Ông đã thử nhiều cách, nhưng chưa đi đến được một sự quyết-định dứt-khoát nào cả. Sau Ông, cho đến thời Nguyễn Bình Khiêm với *Bạch-Vân Thi-Tập*, thơ bốn câu và thơ tám câu vẫn còn chấp nhận sự xen-kẽ của một câu sáu tiếng. Nhưng từ họ Mạc trở đi thì thể thơ này mất hẳn, và nhường chỗ cho thơ theo luật của Đường-thi.

Trên đây là một bài thơ, trích ở *Quốc-Âm-Thi*. Trong toàn thể *Quốc-Âm-Thi*, người ta thấy ở Nguyễn Trãi một vị đại-nho, nhưng là một vị đại-nho thấm nhuần nền văn-hóa của dân-tộc. Tư-tưởng của Ông luôn-luôn hướng về sự kinh-bang tể-thế. Thái-độ của Ông là thái-độ của người quân-tử, lấy chữ « Trung » làm cái đích của cuộc đời. Lời văn của Ông vô cùng trang-nhã : các cách nói của dân-gian được hoà đồng với những điển-cổ tể-nhi mượn trong văn-chương hoa-ngữ, một cách tuyệt-diệu.

Nhưng đây là một bài thơ khác thường, chứng tỏ rằng Nguyễn Trãi cũng có một sự kính-trọng đặc biệt đối với Đạo Phật. Tôi đã trích bài này, một phần vì lí-do ấy : đó là một sắc-thái chưa được nói tới của Nguyễn Trãi. Nhưng lí-do chính đã khiến cho tôi nói đến bài ấy là lí-do văn-chương.

oOo

Bài này là bài số 237 của *Quốc-Âm*

Thi; đầu-đề là *Mộc Cận*, tức là bông hoa thường được gọi là « *râm bụt* », (*Hibiscus rosasinensis*), nhưng chính tên thì là « *bông bụt* » hay « *hoa dâng bụt* ». Trong thời ấy người ta thường gọi Đức Phật là Bụt, ở Cồ-Ấn-ngữ *Buddha* mà ra, vì nước ta cũng như Chiêm-thành và Phù-nam, đều đã đón nhận Đạo Phật trực tiếp từ Ấn-độ sang.

Bài thơ có bốn câu, cấu-tạo vô cùng tinh-vi, tỏ ra rằng tác-giả đã nhìn sự-vật một cách tượng-trưng, qua thuyết Không-tính mà một cái bóng hoa in trong ánh nước đã gọi lên.

Mới đọc, một người nghĩ theo kiểu nhà trường sẽ cho rằng ba câu đầu là đề tả bông hoa bụt : câu I là bông hoa trong một cảnh-trí ; câu II là tính -cách của hoa ; câu III là cuộc đời ngắn-ngủi của hoa. Sau cùng, đề kết luận, câu IV nói về ý-nghĩa của đời hoa theo giáo-lí nhà Phật.

Thực sự ra, không phải là tác-giả đã tả một bông hoa, mà Ông đã nói đến một cái bóng hoa lồng dưới nước : đó là một cái ảnh, một sự ảo-huyễn. Cái thực chỉ được nói tới bằng một tiếng *hoa*, và chỉ hiện ra như một cái bóng chiếu trong nước. Nó ở đâu, nó như thế nào, người ta không biết. Nó không có một chất-liệu, nó không được chống đỡ. Người ta chỉ thấy nó vì có một đóa hồng in trong ánh nước.

Đó là câu mở đầu. Một thế-giới huyền-ảo được mở ra, trong đó cái được nói tới là một cái giả, lồng

trong một cái, không phải là chính-đề, nhưng lại là một cái thực. Ý-nghĩa « sắc không » bắt đầu ngay từ đây. Nước là một chất-liệu thực, bông hoa là một cái giả-ảnh. Nhưng cái thực lại được gọi như cái ảo, là *ánh nước*; còn cái ảnh giả thì lại được gọi như thực, là *một đóa hồng*. Cái ánh nước thì không có màu sắc gì cả, nhưng cái ảnh hoa được tả như một nét chấm đỏ, với một màu-sắc rực-rỡ.

Câu thứ hai vẫn là nói đến cái ảnh hoa dưới đáy nước. *Vần nhor* (I) thuộc về nước: những cái *vần* trong nước, những cái *nhor* trong nước trôi qua, nhưng không rây vào cái ảnh của đóa hoa bọt được. Tác-giả dùng tiếng *bén*, là một tiếng cồ, nghĩa là « quẹt phải, chạm vào » như *bén lửa*, *bén duyên*; và những thành-ngữ này làm cho ta nghĩ rằng những « *vần-nhor* » chính là tình đời, là những bụi-bậm của trần-gian, là những cái ô-trọc của kiếp sống mà hoa đã không cho bợn tới lòng mình. Sự táo-bạo của tác-giả là đã ghép tiếng *bén* vào những *vần-nhor* của giòng nước, trong khi tiếng *bén* thường chỉ đi với *lửa* và *duyên*. Các *vần-nhor* đột nhiên được khêu lên cho cháy với sức nóng của dục tình. *Nhor* cũng là một tiếng cồ, nay đã thành *dơ*, «bần», nhưng còn tồn tại trong từ *nhor-nhuốc*, và vì thế, với chúng ta ngày nay, tiếng *nhor* có một âm-hương tinh-thần. *Vần* nay chỉ còn dùng để chỉ những hạt bụi ở trong nước; biến-thể của *vần* là *bần*, (*bửn*) được dùng một cách rộng-rãi trong thơ-ngữ Bắc-Việt. Cái hình

ảnh của đóa hoa mà bụi-bậm trong nước có thể đi qua được, làm cho tác-giả nghĩ rằng hoa đã có cái tâm của Phật. *Bụt* là lòng có nghĩa là bông hoa trong suốt, và cũng có nghĩa là trong lòng hoa có Đức Toàn - Giác thuần thành thanh tịnh.

Chiều mai nở, chiều hôm rụng là câu sáu tiếng độc nhất của bài thơ. Câu này được cắt thành hai nửa giống nhau về hình-thức (cấu-tạo của mỗi nửa) và nghịch nhau trong nội-dung (ý-nghĩa). Về phương diện âm-vận, lại có một sự tương-đồng và tương phản nữa: cả hai nửa câu đều dùng một tiếng *chiều* để mở đầu; những tiếng sau trong nửa câu trên là *vần* thông, và trong nửa câu dưới là *vần* chặn. Câu III nổi bật lên trong cơ-cấu của bài thơ, vì chỉ có sáu tiếng, lại có những sự đối-chiếu ẩn trong sự tương-tự trên cả hai bình-diện biểu-hiện và nội-dung. Đó là cái nhân của bài thơ, đề chuyển xuống câu IV.

Từ cái bóng hoa dưới nước được tả trong hai câu đầu, xuống đến câu III thì tác-giả lại đưa ta lên cái thực là bông hoa, mà ta cũng vẫn không nhìn thấy, và chỉ thấy qua sự nở và sự tàn. Cái giả thì đặt trong không-gian với hình-ảnh, với cảnh-trí, với tính-cách và tâm-hồn. Cái thực thì được đề trong thời-gian như một sự thoáng qua, *chiều mai nở, chiều hôm rụng*. Tiếng *chiều* ở đây còn giữ cái ý-nghĩa của thời xưa, là « buổi », là « ban » cũng như trong tục-ngữ nói

(I) Bản chữ nôm viết là [viện], ông Trần văn Giáp đề nghị đọc là vết: *Vết nhor chẳng bén, bọt là lòng*.

là *năng quai chiều hôm*. Cuộc sống của hoa gói trọn trong nửa ngày, từ buổi mai đến buổi hôm, mai nở, hôm rụng. Đó cũng là cái hình-ảnh của sự vô-thường, đến rồi lại đi, có sinh và có tử.

Câu IV là câu giải :

Sự lạ cho hay tuyệt sắc không.

Sự lạ là bông hoa bụi mà đời sống ngắn-ngủi diễn hình cho sự vô-thường; là sự trong-suốt không bợn của bóng hoa trong những vân-như của đời ; là cái ảnh hồng của đoá hoa in trong dòng nước.

Nhưng sự lạ cũng là cái cơ-cấu của bài thơ. Cơ-cấu của bài thơ được dựng lên để diễn tả cái tương-quan giữa sắc và không, hai cái tuy đối nghịch trong hình-thức nhưng đồng nhất trong bản-chất, mà sự vận chuyển và biến hóa làm thành ra cả cái vũ-trụ duy-thức. Ta hãy nhìn lại bài thơ trong toàn thể.

Trong câu I, cái sắc là nước, nhưng nước chỉ có ánh và vô hình,

vô sắc ; cái không là cái bóng, nhưng cái bóng ấy có hình, là một đoá, và có sắc, là màu đỏ.

Trong câu II, cái lộ-ra đối với cái tiềm-ẩn, hay nói cách khác, cái ngoài đối với cái trong, cái giả đối với cái thực; nhưng cái giả là cái trông thấy, là sự không vấy bụi của bóng hoa, còn cái thực là cái giác thấy, là cái Phật-tâm hoàn-toàn trong-sáng của hoa. Tới đây, không và sắc lại đối nhau và lồng vào nhau trong những cặp đối-ngịch khác.

Câu III lập ra hai sự đối-ngịch nữa để tả cái tương-quan sắc không : một sự đối-ngịch giữa hai lúc, là chiều mai và chiều hôm ; sự đối-ngịch thứ hai là giữa hai sự trình, sự nở và sự rụng. Cái đồng nhất trong bản-thể không được nói ra, nhưng chính là bông hoa bụi với một kiếp sống vô-thường.

Bao gồm cả những nhận-xét trên lại, ta có thể lập thành bảng dưới đây :

nước	-----	trong	-----	mai		
THỰC	đóa hồng	(có)	vân như	(đã)	nở	SẮC
HUYỄN	ánh (∅)	(không)	bụi	(sẽ)	rụng	KHÔNG.
bóng	-----	ngoài	-----	hôm		

Có ba cái ô ở trong, là những sắc-tướng ; ô đầu là hình-thể và màu sắc ; ô thứ hai là cấu tạo ; ô thứ ba là hiện-tượng. Hình và sắc thuộc về

vật và chất ; hiện-tượng gồm cái đã thành và cái sẽ thành. Với hai cặp đối-ngịch đầu-tiên, là nước/ bóng và trong/ ngoài, thực với huyền lồng

vào với nhau, cái thực thì có tính huyền, cái huyền lại có tính thực. Cái thực đựng cái huyền với cặp nước (thực) và bóng hoa (huyền). Ngược lại, với cặp ngoài/ trong, cái huyền (giác thấy) lại ở trong lòng của cái thực (nhìn thấy). Tới cặp đối-ngịch thứ ba, giữa quá-khứ + hiện-tại (*mai* : « sáng ») và tương-lai (*hôm* : « chiều »), thì sự phân-biệt đã trở nên rõ ràng giữa sự nở (đã nở rồi) và sự rụng (chưa nhưng sẽ rụng). Sự hỗn-mang đã thành sự sáng-tỏ để bước vào thuyết sắc không.

oOo

Ngữ-pháp cũng phản ảnh những bước đi của tư-tưởng. Về phương-diện ngữ-pháp, bài *Mộc Cạn* có thể chia ra thành hai đôi là (I + II) và (III + IV). Trong đôi thứ nhất, cú-pháp theo cách đảo-ngược được ưu thắng. Xuống đến đôi sau, lại là cú-pháp thuận thuần-túy. Sự đảo-ngược không những đã khêu lên những tiếng hình dung trong câu, mà còn diễn tả một trạng-thái của tự-nhiên như mới được nhìn thấy trong toàn thể. Nếu là lời nói thường, thì sẽ là : *Hoa (Mộc Cạn) in (trong) ánh nước một đóa hồng ; (cái đóa hoa trong ánh nước ấy) không bén (những) vẫn nhờ*. Nay đã thành :

*Ánh nước// hoa in/ một/ đóa hồng
Vẫn nhờ/ chẳng bén// (bụt/ là lòng).*

Sau đó thì mọi sự như lắng xuống với đôi sau, để đưa tới hai chữ sắc không.

Các diễn-thuật-từ trong bài có bảy

tiếng, chia thành sáu loại khác nhau. Trong câu I là *in*, một diễn-thuật-từ động, chuyển-tác : *hoa in một đóa hồng*. Câu II có hai diễn-thuật-từ, một là *bén*, hình-thức thì động và chuyển tác, nhưng nội-dung thì thụ : (đóa hoa) *chẳng bén vẫn nhờ* ; hai là *là*, một diễn-thuật-từ nối tiếp và trống rỗng, để đặt một phương-trình giữa đoạn trước và đoạn sau : *bụt là lòng*. Câu III dùng hai diễn-thuật-từ không-chuyển-tác, tức là đồng-loại nhưng đối nhau về ý-nghĩa : *nở* và *rụng*. Đến câu thứ tư, thì hai từ *cho* và *hay* được ghép với nhau thành *cho hay*, với hai đích-từ ở ẩn-thể là (ta) *cho (anh) hay : sự lạ (này là) tuyệt sắc không*. Sự biệt-tạp của các diễn-thuật-từ thực là kỳ diệu.

oOo

Thi-thước và thi-diệu của bài thơ còn có tính cách tự-do, và chính sự tự-do này có nghĩa-lí.

Tác-giả theo thể thơ bốn câu bảy tiếng, với câu III chỉ có sáu tiếng.

Bằng và trắc là sự đối-ngịch về thanh, được coi là quan-trọng nhất, sau vần, trong niêm-luật cổ-diễn của Việt-thi. Hai tính-cách âm-thanh trọng-yếu nữa là cường-độ và trường độ của mỗi tiếng. Bài thơ *Mộc Cạn* được xây dựng như sau :

+	⊕		-	⊖		⊕		+	⊖
⊕	-		⊕	+		⊕		-	⊖
⊖	-		⊕			⊖		-	⊕
+	⊕		-	⊖		⊕		+	⊖

Tiếng trắc có kí-hiệu + ; bằng là —.

Những tiếng có cường-độ mạnh được khoanh tròn.

Trường-độ của tiếng không được ghi.

Điểm ngắt ngắn là một vạch dọc; điểm ngắt dài là hai vạch dọc.

Điều nhận-xét đầu-tiên là sự giống nhau về thước và điệu của câu I và câu IV. Bài thơ được đóng khung bởi hai câu ấy.

I 2// 2 / 3.

IV 2// 2 / 3.

Câu II và câu III không theo cùng một thước-diệu với câu I và câu IV. Mới đọc lên thì tưởng là hai câu không giống nhau về nhịp. Nhưng theo thiên-ý, đó chỉ là một cái cảm tưởng đầu-tiên, mà sự ngâm, theo dụng-tâm của tác giả, có thể giải tỏa. Toàn bài thực ra được xây dựng theo một cái khuôn đối-xúng.

Câu II, tôi nghĩ rằng ngâm lên, thì phải là :

Vần như / chẳng bèn // bụt là lòng
cho đúng với cái ý-nghĩa mà tác-giả muốn đặt vào câu ấy : sự *không* bèn các *vần* như là điều quan-trọng, đề giảng giải cho (hoặc được giảng giải bằng) câu *bụt là lòng*.

Câu III chỉ có 6 tiếng, với một điểm ngưng dài sau tiếng thứ 3 *nở*, là một tiếng có một nguyên-âm dài và một thanh uốn. Tiếng này khác hẳn, trong cấu-tạo âm-thanh, với tiếng thứ 6, *rụng*, là một tiếng có một vần chẵn và một thanh uốn bị ngắt ở cửa hầu. Người ngâm kéo dài tiếng thứ ba ra thành trường-độ ngang với hai

tiếng, một dài một ngắn, trước khi ngưng lại. Câu III sẽ có một thước điệu giống như câu II, nhưng đối nhau về bằng trắc ở ba tiếng nhấn là tiếng 1, tiếng 5 và tiếng 7 :

⊕ - | ⊕ + || ⊕ - ⊖
⊖ - | ⊕ → || ⊖ - ⊕

Về phương-diện thước điệu, sự đối xứng dọc lại được nâng lên vì câu III tận cùng bằng vần (-*ung*), nhắc lại những vần (-*ông*) và (-*ong*) của các câu I, II, IV. Về một phương diện nào đó, cũng có thể nói rằng I và IV dùng một vần (-*ông*), còn II và III dùng (-*ong*) và (-*ung*) đề tiếp nhau. Sự đối-xúng hình thức như vậy là gần như hoàn toàn giữa hai đôi (I + II) và (III + IV).

Tác-giả đã dùng cái hình-thức đối xứng ấy làm một hình-ảnh để diễn tả bông hoa và cái phản-ảnh của nó nó trong nước, cũng như cái quân-thể giữa sắc và không.

Theo chiều ngang, lại có một kiến-trúc âm-thanh và tiết-diệu lạ-lùng, với sự láy-lại một nhạc-khúc trong cấu-tạo của mỗi câu. Cái cảm-tưởng của ta là đứng trước một ngôi chùa có những cái cột, những khuôn cửa và những pho tượng đứng thành hàng, giống nhau trong sự xếp-đặt, nhưng khác nhau trong nghĩa-lí ; qua một đợt này rồi, lại đến một đợt sau, tuy xây dựng khác nhưng cũng vẫn là một lối kiến-trúc ; cứ như thế ba tầng, rồi cuối-cùng lại thấy lại cái mẫu-hình ở mặt trước, nhưng

tâm-hồn đã hòa vào với cái mênh-mông của đạo-lí.

Câu I mở đầu bằng bốn tiếng, chia thành hai cặp với các thanh là [sắc-sắc] [không-không]. Khúc thứ nhì dùng một thanh [huyền] ở cuối, nói lên sự bưng-tĩnh của tác-giả trước cảnh đẹp của bóng hoa lồng trong ánh nước. Câu có bảy tiếng, thì năm tiếng là vần chẵn, chỉ có hai tiếng *hoa*, *đóa* là vần thông, và hai tiếng ấy lại âm hưởng với nhau, *hoa* trên, *đóa* dưới, như trong thực-cảnh :

I- Ánh nước // hoa in / một đóa hồng

Câu II mở đầu cũng với bốn tiếng chia thành hai cặp, nhưng theo một mẫu-hình thanh-âm khác :

II- Vần nhờ / chẳng bền // bứt / là lòng

Các thanh nối nhau trong khúc này theo mẫu [hỏi - không / hỏi - sắc]. Khúc sau dùng hai thanh [huyền] và hai phụ-âm lỏng [l-] liên-tiếp, như đề tháo gỡ một sự bế-tắc. Hai khúc đối nhau trong nội-dung và cú-pháp, lại được đối nhau cả về âm-thanh và tiết-điệu, khúc trên chặt, khúc dưới lỏng, khúc trên đóng, khúc dưới mở.

Câu III với sáu tiếng, lấy lại tiếng *Chiều* hai lần và cũng lấy lại hai lần một thanh-khúc thành [huyền-không / huyền-không] :

III- Chiều mai nở // chiều hôm rụng

Nhưng *mai nở* thì là hai vần thông; *hôm rụng* thì là hai vần chẵn ; tiếng cuối trong mỗi khúc dùng những thanh đối nhau, *nở* thì thanh [hỏi] là một thanh uốn lên và kéo dài, *rụng*

thì thanh [nặng] là một thanh uốn xuống và ngắt cụt ở họng. Cái âm-điệu đóng - mở của câu II đã bị đảo ngược lại thành mở - đóng trong câu III.

Câu IV lấy lại nhạc-điệu của câu I : một khúc đầu bốn tiếng, theo điệu [nặng-nặng / không-không], theo sau bởi ba tiếng theo điệu [nặng-sắc-không]. Nhưng ba tiếng thanh [không] đều ở cuối khúc, kết liên với ba tiếng thanh [nặng], đồng thời lại có một chùm ba chính-âm dài và hai nhị-trùng-âm nối đuôi nhau trong cấu tạo của câu, đã làm cho câu kết này kéo dài ra đến vô tận :

IV-Sự lạ // cho hay / tuyết / sắc không.

Từ câu I đến câu cuối-cùng, bài thơ đưa ta đi từng đợt, từ cái đẹp của cảnh đến cái chân-lý của cuộc đời. Có một điều cũng vẫn còn chưa rõ : không biết rằng tác-giả có mượn cái ảnh *hoa* mà nói về một bóng hồng nào khác, mà cuộc sống mỏng-manh đã bị cướp đi trong một sớm một chiều hay không ? Đứng hoàn-toàn về khía-cạnh thi-ca, thì đầu bài thơ có ảm-tình hay không có, ta cũng phải nhận rằng chỉ trong có bốn câu mà tác-giả mở rộng được cả một chân trời triết-lí bao-la.

Sau J. Cocteau, người ta thường nói rằng thơ là một ngôn-ngữ ; và sau R. Jakobson, người ta sẽ nói rằng có một ngữ-pháp của thơ. Ở Việt Nam, vào đầu thế-kỉ thứ 15, Nguyễn Trãi, nhà thơ thứ nhất của dân-tộc đã thực-hiện được một sự hoà-hợp
(xem tiếp trang 82)

- Quý vị lo lắng khi nghĩ đến tương lai gia đình con cái ?
- Quý vị muốn an tâm làm ăn để khi nghỉ việc, về già có được một số tiền khả quan đủ chi dụng ?
- Chỉ có một giải pháp duy nhất :
Đó là bảo hiểm sinh mạng quý giá của Quý vị.
Xin hưởng ứng Bảo-Hiểm Nhân-Thọ và vui lòng liên lạc với :



HƯNG-VIỆT BẢO-HIỂM CÔNG-TY

39, Hồng-Thập-Tự và 1B Duy-Tân Saigon
Điện thoại : 98.382 98.605.
Sẽ có chuyên viên đến tiếp xúc Quý vị.

HIỆU

NGUYỄN VĂN TẬP

241 đường Nguyễn-Trãi, Bàu-sen, Chợ-lớn

Bán cây kiềng và cây ăn trái

Chủ nhơn : Bà NGUYỄN-THỊ-ĐƯỢC

Tăng cường sinh lực bằng

CETONIC

VITAMINE C 250mg

433-YTDP.Đ.

NGƯỜI HUẾ

VỖ PHIẾN

« Nước Đại Việt, phong thổ khí hậu, đại ước khí âm thịnh, khí dương suy. Nghiệm chứng : muôn vật phát sinh về thu đông, làm việc dùng ban đêm, con trai thông minh không bằng con gái » (1).

Cái « nước Đại Việt » của ông hòa thượng Thích Đại Sán thật ra là xứ Huế đó. Vị tu sĩ Trung-hoa này sang « Đại Việt » một năm rưỡi, ngoài bốn tháng vào Hội-an mang bệnh nằm khoèo, hầu hết thời gian còn lại đều ở Huế.

Và điều ông ta viết về xứ Huế trên đây, ai nấy tha hồ mỉm cười, vì nó thật ngộ ngĩnh. Nhận định đã ngộ : âm thịnh dương suy ? Nghiệm chứng cũng ngộ nữa : « Làm việc dùng ban đêm ». (Làm việc gì cũng vậy cả sao ? Lẽ nào ? Chắc hòa thượng chủ ý nói riêng một vài việc nào đó thôi chứ !) « Con trai thông minh không bằng con gái » (Liệu hòa thượng biết được bao nhiêu về gái Huế mà nói nghe chắc nịch, rành rẽ quá vậy ?)

Cười hòa thượng thì tha hồ cười, tuy nhiên nhận xét của người khách phương xa ấy dường như cũng không phải là hoàn toàn vô căn cứ đâu. Dường như cái giọng Huế có thể giúp cho ông ta một « nghiệm chứng » nữa : một giọng nói có âm vực hẹp, nghe ngọt ngào, dịu dàng, uyển chuyển, không thể oai dũng (2), một giọng nói đầy âm tính. Và nếu vui tươi, phấn phát, nhanh nhẹn v.v...

là thuộc tính của dương, thì những điệu hò điệu hát lững lờ, buồn thảm, chùng chình, chậm chạp, kéo dài lê thê của Huế (2) cũng có thể nói chứa nặng âm chất.

Nhưng chuyện âm dương khí hóa là các sở trường của một người Tàu ba trăm năm trước. Chúng ta ngày nay, dù nghĩ về giọng Huế hay người Huế, thiết tưởng cũng không nên dừng lại quá lâu ở vấn đề âm dương ấy.

oOo

Giọng Huế dịu dàng, hò Huế nghe thê thiết : có nhiều cách giải thích.

Có cách giải thích của các nhà nhạc học, bằng sự truy tầm nguồn gốc xa xôi của một cung điệu, như Trần văn Khê và Phạm Duy đã làm : « Âm giai hò mái đầy là yếu tố còn sót lại của một hệ thống âm nhạc độc đáo phổ biến trên đất Việt, trước khi người Việt chấp nhận hệ thống âm giai ngũ cung của nhạc Trung hoa » (...) « Tiếng hát (của Hò mái đầy hay Hò mái nhì) xây dựng trên một hệ thống âm giai Ấn-độ, mẹ đẻ của âm nhạc Chăm, vì những cung bậc lơ lơ mà thể hiện ra được sự thâm bí của cõi lòng, và vì vậy mà đi sâu vào tâm hồn chúng ta hơn

(1) Thích Đại Sán. *Hải ngoại Ký sự*. Bản dịch của viện Đại học Huế — 1963 — trang 49.

(2) Xin xem lại bài « Giọng Huế », cùng tác giả, trên tạp chí *Bách Khoa*, số H* ra ngày 15-3-1975.

nhạc miền Bắc». (1)

Có cách giải thích bằng hình thể sông núi, bằng cảnh trí địa phương, như Nguyễn xuân Khoát và Thanh Tịnh đã làm : « Cũng một điệu hò chèo thuyền nghe ở một khoảng phá hay ở một khúc sông là đã khác nhau : giọng hò lan dài rộng trên mặt phá, nghe thanh thoát hơn giọng hò văng trên sông ; giọng hò trên sông nghe « mùi » hơn, gần gũi hơn. Làng nào ở khúc sông, hay khoảng phá hẹp, giọng hò của người làng này nghe ngắn và trong ; ở khúc sông hay khoảng phá rộng, giọng hò nghe trầm và mạnh ». (2)

Có cách giải thích bằng sinh hoạt địa phương : Điệu hò khoan thai vì điệu sống bình thản. (3)

Có cách giải thích giọng Huế bằng người Huế : giọng nói giọng hát biểu hiện tâm tình, người nào giọng ấy v.v...

Lướt qua các lối giải thích trên, lối thứ nhất quá chuyên môn, kẻ phàm tục nên tránh xa : Tại sao âm giai Ấn độ chọn một vùng Trị Thiên con con mà không chọn nơi khác để đánh rơi lại những cung bậc lơ ló ? Ai mà hiểu ?

Lối thứ hai quá xa vời : Con sông Hương có tiếng lững lờ thật. Nhưng còn những sông Bồ, sông Thu rời v.v... đều thế chẳng ? đều khác biệt với sông ngòi trong Nam ngoài Bắc cả chẳng ? Người thiếu phụ ru con giữa đêm khuya trên chiếc võng trong gian nhà chật hẹp, giọng ru cũng chịu ảnh hưởng của giọng nước

lững lờ các con sông chẳng ?

Rốt cuộc, kẻ phàm tục đành lắc đầu trước những cái hóc búa, và quay về với những điều gần gũi giản dị hơn : vài nét đặc biệt trong tính tình và sinh hoạt của người địa phương.

oOo

Sự sinh hoạt ở Huế không giống ở các nơi khác khắp miền Trung.

Hồi cuối thế kỷ thứ XVII, vẫn theo lời Thích Đại Sán, « trong nước dân rất khổ, đất ruộng ít ỏi, lúa chẳng đủ ăn. Dân thổ trước một dải Thuận hóa Hội an đều sống nhờ lúa của các hạt khác. Thổ âm gọi « phạn » là « cơm », kiếm đủ cơm ăn không phải chuyện dễ... » (4)

« Trong nước dân rất khổ », cái « nước » mà hòa thượng nói đó là « một dải Thuận hóa Hội an », hay chẳng qua là một vùng xung quanh Huế. (Bởi vì « các hạt khác » đã thừa lúa đưa đến nuôi sống vùng này thì đâu có « đất ruộng ít ỏi »).

Sau Thích Đại Sán ba thế kỷ, nhà văn Phan Nhật Nam than rằng giặc đánh chỗ nào trên đất nước cũng chết người dân Trị Thiên cả (3) : nói cách khác, là dân Trị Thiên tản mác đi làm ăn khắp nơi. Một nhà văn khác, cũng người Huế, là Hoàng Ngọc Tuấn, viết : « Bà ngoại

(1) Do Lê Văn Hào trích dẫn trên tạp chí Đại học, số 35 — 36, tháng 10 và 12 năm 1963, trang 711.

(2) Bđd, trang 708.

(3) « Giọng Huế », Bách Khoa số 15-3-73.

(4) Tạp chí Đại học số 35-36, trang 105.

tôi có thông lệ rải con cái khắp các tỉnh trên toàn lãnh thổ» (1).

Thông lệ ấy chắc hẳn có liên hệ với cái tình trạng đất ruộng ít ỏi. Đã vậy, Huế cũng không phải là nơi đề kinh doanh buôn bán. Sài Gòn, Nha Trang, Qui Nhơn, Đà-nẵng v.v... mỗi năm mỗi khác: đường mới, phố mới, nhà mới mọc thêm lung tung... Nhưng kể xa Huế năm năm mười năm, ngày về thấy cảnh cũ vẫn còn nguyên, có thêm chẳng là mấy ngôi trường, một khu bệnh viện, mấy cơ sở hành chánh, chứ hoạt động kinh tế yếu ớt không đủ sức làm thay đổi xáo trộn bộ mặt thành phố.

Cửa tiệm chỉ tập trung ở vài đường phố; còn lại là nhà ở. Không có đô thị nào mà « khu gia cư » chiếm phần rộng lớn như vậy. Sống ở đây như là đề nghị ngơi: mỗi nhà một khoảnh vườn, có cây có kiềng... Nhiều biệt thự quá: biệt thự nguy nga và biệt thự lụp sụp, biệt thự lợp ngói và biệt thự lợp tôn, biệt thự vách bê-tông và biệt thự vách phên tre v.v... Giữa phố thị mà giàu nghèo đều được hưởng thú ăn dật trong khung cảnh tĩnh mịch. Cuộc sống « bình thản » là vậy đó chẳng?

Như thế, bình thản là do thiếu hoạt động. Đây không phải là nơi đến để làm ăn, dù là làm ruộng, hay làm thợ, hay bán buôn. Đây là đất « thần kinh », là chỗ đặt triều đình trong nhiều thế kỷ, là cứ điểm của bộ máy cai trị đông đảo nhất nước thời trước. Bộ máy khổng lồ ấy dung nạp từ những nhân tài học rộng tài cao giữ các địa

vị rường cột quốc gia cho đến những tùy phái, lao công, những ông đội, thầy cai..., nó nuôi sống một giới khá lớn trong thời thịnh phát của nó.

Và dĩ nhiên, nó cũng ghi lại ít nhiều nét riêng trong nếp sống, trong tính người. Sao cho khỏi?

oOo

Người nông dân khác người thư lại.

Trên các cánh đồng Nam Ngãi Bình-Phú Khánh-Thuận, nông phu lam lũ vất vả. Có vài danh từ quen thuộc đề mô tả dân quê: cục mịch, chất phác. Không phải không có lý do: sự lấu lỉnh ranh mãnh hay lời nói khôn khéo ngọt ngào điều vô ích đối với khoai, lúa. Muốn hoa màu được tốt, chỉ cần có công phu chăm sóc tỉ mỉ.

Trái lại, người buôn bán không thể không lém lỉnh, người thư lại không khéo léo khó tiến thân. Làm quan phải có chữ nghĩa đã đành, nhưng còn phải biết giao thiệp. Biết ăn chơi chút ít: nghe hát, đánh bài..., biết rượu trà chút ít, biết lựa lời cho đẹp lòng cấp trên vui lòng cấp dưới; biết thuật đàm đạo ở những chỗ hội họp bạn bè, biết cách yến tiệc đãi đằng đề kết giao v.v... Do sự đòi hỏi của nghề nghiệp, xã hội thư lại phải chăm sóc cái ăn, cái mặc, lời ăn tiếng nói, trau dồi nghệ thuật xử thế...

Về cái ăn, Huế đòi hỏi nhất miền

(1) Nhà có hoa mimosa vàng, An Tiêm, trang 154.

Trung. Mâm cơm Huế trông cảnh vẻ, mỗi món một chút, nhưng thật nhiều món, nhiều màu sắc. Chất liệu có thể nghèo nàn nhưng món ăn thật phong phú. Người đàn bà Huế sau này được « rải khắp toàn lãnh thổ » ở các miền nam Trung Việt và Cao nguyên họ toàn làm chủ những quán ăn ngon nhất, truyền dạy các món ăn được ưa chuộng: tré, nem (nem Ninh hòa, nem Tuy phước cùng một vị và chắc cùng làm theo một cách thức của nem Huế), bún bò v.v...

Về cái mặc, tục ngữ còn xếp hạng Huế trên xứ Bắc: « Ăn Bắc mặc Kinh ». Có lẽ câu này ra đời vào thời kỳ mà triều đình Huế với các đại thần, mệnh phụ, các vương tôn công tử còn giữ vai trò hướng dẫn kiêu thức trang phục cho cả nước. Thời ấy qua rồi; nhưng cho đến ngày nay trông áo quần ở Huế vẫn trang trọng hơn ở các nơi: Không một người đàn bà Huế nào — hoặc gánh hàng rong bán dạo, hoặc ngồi ở đầu chợ v.v... — mà chịu bằng lòng với cái áo bà ba chẳng hạn. Dù sờn dù rách, ra khỏi nhà họ vẫn giữ chiếc áo dài.

Và khắp miền Trung thời xưa có lẽ cũng chỉ có ở Huế việc làm đẹp của người đàn bà mới được đưa xa hơn chuyện áo quần. Ở Huế có thứ phấn nọ: đây có phải là thứ mỹ phẩm cổ truyền duy nhất sản xuất ở xứ ta mà các hàng Âu Mỹ nhập cảng vẫn chưa giết chết chấu? Ở Huế, có những người đàn bà cao tuổi, rất cao, vẫn đánh phấn bôi son hàng ngày: cũng là trường hợp duy nhất ở miền Trung nữa chăng? Cũng

lại ở Huế, nghề kim hoàn đạt đến mức tinh xảo nhất. Khi được « rải khắp toàn lãnh thổ », người đàn ông Huế đến làm ăn tại nam Trung Việt và Cao nguyên đều làm chủ những tiệm vàng, tiệm nữ trang: dân địa phương đâu dám đại đột mon men cạnh tranh với họ trên lãnh vực này!

Cái ăn cái mặc như thế, còn về lời nói? — Dân ta có một nguyên tắc về sự khôn ngoan trong lời ăn tiếng nói:

*« Chim khôn hát tiếng rảnh rang,
Người khôn nói tiếng dịu dàng dễ nghe. »*

Trong xã hội thư lại xưa kia, nghề nghiệp bắt buộc phải khôn. Gì chứ « dịu dàng » thì người Huế ăn đứt: lời nói dịu, giọng nói càng dịu. Họ còn đi xa hơn sự dịu dàng một bậc nữa: họ nhỏ nhẹ, (theo cách phát âm địa phương là « dỏ dẹ ».) Trong con mắt những người nông dân, cục mịch khắp các tỉnh khác của miền Trung, người Huế tiêu biểu là đức kết của sự thanh tú: Hình vóc mảnh mai, nói năng nhỏ nhẹ.

Một hình ảnh như thế, thật không có gì khác lạ với người nông dân hơn.

Đây, một người dân quê tỉnh khác nói về sắc diện một người đàn bà Huế: « Chèn ơi, cô có bà má chồng thiệt ngộ mà lâu nay giấu tui há. Bã già mà còn diện đẹp mê hồn vậy đó (...). Đôi môi thoa son đỏ chét, má dôi phấn trắng chạch y chen mấy

cô đào thương của ông « Bang Bạnh » (1)

Và đây là người đàn bà Huế nói về ngôn ngữ của dân quê tỉnh khác : « Cũng thì chửi, mà xừ tui họ chửi dẹ dàng như ca hát, họ chửi thanh tao, có mô mà tục tằn, hàm hồ hàm chứa như con mụ nớ. » (1)

oOo

Chửi dẹ dàng còn như ca hát, huống hồ nói dỏ dẹ thì êm tai biết bao. Do đó mà có một thành kiến về người Huế.

Vì lời nói êm tai có thể khiến ta nuốt trôi những điều cay đắng mà không kịp nhận ra, có thể khiến ta chấp thuận những điều thiệt thòi mà khi nghĩ ra thì đã muộn, lời nói dễ nghe có thể là thuốc đắng bọc đường. Về phía phụ nữ, lời nói dễ nghe tăng thêm mức quyến rũ. « Học trò trong Quảng ra thi » mới trông thấy hình dáng đã mê rồi, nghe nói năng càng quýnh lên. Cho nên bảo : « Sơn bất cao, thủy bất thâm... » Thực ra, cái khéo léo của đàn ông không nhất thiết phải là trí trá, còn cái ngọt ngào nào của đàn bà cũng cho là tình tứ cả thì có ngày hớ to ! Đó chẳng qua là kết quả của một nề nếp sinh hoạt trong đó sự giao tế có vai trò quan trọng.

Nếu phục sức sơ sài hớ hênh của người đi cấy đi cày bắt cua mò ốc được ca ngợi là nét hồn nhiên thì trong xã hội thư-lại sự ăn mặc cầu thả có thể đưa đến một thất bại nghề nghiệp. Nếu lời nói sống sượng của

nông dân được ca ngợi là bộc trực chất phát, thì trong xã hội thư lại nó có thể làm hỏng một tương lai nghề nghiệp.

Do đó, hồn nhiên bộc trực v.v... là những cái cấm kỵ. Ở đây, cũng như ở mọi xã hội « văn minh », ước lệ giao tế trấn áp các phản ứng tự nhiên. Người đàn ông tập quên những cơn phản nộ, người đàn bà tập dằn nén tình cảm, dìm nó xuống thật sâu tận đáy lòng. Ai nấy tập luyện làm chủ lấy mình, khắc phục ức chế bản năng...

« Bình thân » là vậy đó chăng ? Nếu thế bình thân chỉ là cái mặt ngoài. Nó che giấu những cơn sóng ngầm.

Dẫu sao, ở bề ngoài, người Huế sống thật chừng mực, khuôn phép. Họ chống lại những gì sôi nổi, vụt chạc, phiêu lưu. Người Huế có đánh bạc, thật nhiều, nhưng đánh nhỏ để giao thiệp, để tiêu khiển thôi : không có lò sát phạt điên cuồng như ở Đại thế giới trong Chợ-lớn độ nào. Trong năm ba năm gần đây, phong trào đánh số đề hoành hành điên đảo khắp miền Trung : đến đèo Hải vân nó dừng lại, cúi đầu. Người Huế không say mê, không mạo hiểm.

oOo

Đó là phong thái của người cách mạng miền Trung đó sao ?

— Thực ra, miền Trung cách mạng lâu nay chỉ nổi tiếng ở hai vùng

(1) Nguyễn thị Ngọc Minh. « Trái kho qua ». Tạp chí Văn, số tháng 3-1973.

Nghệ Tĩnh và Nam Ngãi. Còn Huế chỉ được chú ý từ vụ 63, một biến cố có nhiều màu sắc tôn giáo, mà dân Trị Thiên vẫn có một lực lượng Phật tử đông và ngoan.

Thế thường người thư lại không có thói quen chống đối, nổi giận. Có một thời người ta đặt ra cái « Liên đoàn công chức cách mạng»... Đó là một sự đùa giỡn : Công chức với cách mạng là hai thứ kỵ nhau như nước với lửa. Một bên là tuân phục một bên là chống đối ; một bên hòa mình vào mọi chế độ, một bên lật đổ chế độ.

Một người dân Huế phản kháng, tranh đấu, dữ dằn ? Hình ảnh ấy không có trong trí tưởng tượng của người miền Trung đâu ; chỉ có hình ảnh người Huế thanh tú.

Riêng ở người đàn bà nét thanh tú nọ có thể che giấu những tình cảm không ngờ. Lại một dịp nhớ đến nhà sư Trung hoa : Âm là thu liễm vào bên trong. Tình cảm ẩn ức thu liễm vào, phải chăng đã ngấm qua những điệu hát buồn thê thiết, thấm thía tình thần nhân nhục...

oOo

— Sao có thể nói về người Huế như về giới thư lại ? Đâu phải ở

Huế ai cũng làm quan ?

— Phong thái nhà quan ảnh hưởng đến kẻ ăn người ở trong nhà, phong thái của vị đại thần ảnh hưởng đến kẻ hầu người hạ xung quanh. Từ đó, lan truyền đến gia đình quyến thuộc của họ, thâm thấu khắp dân gian. Giới quan lại đã đông đảo, lại có địa vị then chốt trong cuộc sống địa phương, là mỗi hành diện của địa phương. Ảnh hưởng của nếp sống giới ấy là tự nhiên.

— Nhưng từ một thế kỷ, khi thực quyền cai trị đã về tay người Pháp, từ ba mươi năm nay, khi chế độ vua chúa đã chính thức cáo chung...

— Huế mất cái đặc điểm nọ của một thời, Huế đang hòa đồng vào nếp sống chung của các tỉnh khác tại miền Trung. Phải, mấy nét cá tính kia đang tự xóa dần. Những nét mới đang thành hình. Những ghi nhận trên đây sắp lỗi thời. Và trước khi lỗi thời, nó đã là những ghi nhận thiếu sót : Nó chỉ căn cứ ở một khía cạnh của cuộc sinh hoạt mà thôi. Đâu có thực tại nào giản dị đến thế ?

VÕ PHIẾN

3-1973

TIN MỪNG

Được tin Ông Bà ĐOÀN THỂ NHƠN (Nhà văn VÕ PHIẾN) sẽ làm lễ thành hôn cho trưởng nam là Anh ĐOÀN GIAO LIÊN cùng Cô PHAN THỊ XUÂN MAI và hôn lễ sẽ cử hành tại Saigon ngày 1-5-1973 (tức ngày 29 tháng 3 âm lịch).

Xin chân thành mừng Ông Bà Đoàn Thể Nhơn và chúc cô dâu chú rể trăm năm hạnh phúc.

LÊ NGỘ CHÂU và các anh chị em trong Bách Khoa

Châm-thuật trên đất Pháp

Bắc một nhịp cầu vừa vững chắc vừa uy-nghi để dọn đường cho y-lý Đông-phương Tây-tiến, góp một vai trò rất tích-cực và xây-dựng trong nhiệm-vụ mai mối giữa Đông-y và Tây-y, giới khoa-học nghiên-cứu và y-sĩ châm-khoa Pháp, trong phong-trào hướng về phương Đông hiện-tại, đang đặc-biệt lưu-tâm đến các bí-quyết của kim vàng kim bạc.

Châm-thuật du-nhập Âu-châu vào khoảng cuối thế-kỷ thứ 17, do các nhà truyền-giáo Gia-tô. Những tài-liệu đầu tiên về nghệ-thuật sử-dụng kim được ấn hành ở Pháp. Năm 1670, Harvieu cho xuất-bản ở Grenoble một cuốn sách có tựa-đề hơi dài : « Các bí-quyết của y-thuật Trung-quốc, chủ-yếu dựa vào mạch-học, do một người Pháp từ Trung-Hoa gửi về ». Năm 1682, một ấn-phẩm khác ra đời, bằng tiếng La-tinh. Năm sau, Then Rhyne, một chuyên-viên giải-phẫu Hòa-lan cho phổ-biến ở Luân-đôn « Trị-liệu bệnh thống-phong bằng kim ». Đầu thế-kỷ thứ 19, vào năm 1826, tại bệnh-viện Saint-Louis, Cloquet, một khuôn mặt lớn của y-giới Pháp, đã sử-dụng châm-thuật và còn giao cho nhà Becher ấn-hành một thư-liệu liên-hệ đến châm thích. Năm 1863, Dabry khai-sinh cuốn « Y-thuật của người Trung-Hoa ».

Nhưng phải chờ đến năm 1934, khi Soulié de Morant cho ra đời cuốn « Tiểu luận về Châm-khoa », đăng trên tờ Mercure de France, thì

y-giới Pháp mới thực-sự bị kích-thích mạnh. Soulié de Morant không phải là y-sĩ, mà chỉ là một nhà ngoại-giao. Chân ướt chân ráo đến Trung-Hoa vào năm 1900, Soulié de Morant rơi ngay vào một trận dịch thờ-tả khủng-khiếp. Nhưng sự kinh-hoàng của người khách viễn-phương không lớn bằng sự kinh-ngạc, khi Soulié de Morant thấy vị y-sư Trung-hoa ở cạnh nhà mình chỉ dùng kim châm mà chữa khỏi hoặc làm dịu bớt được những nạn nhân đang bị dịch. Hai mươi năm phục-vụ ở phương Đông đã giúp Soulié de Morant học được nghề Đông y-sĩ, và nhất là tinh-thông nghệ-thuật sử-dụng kim châm Hồi hương về Pháp, Soulié de Morant truyền nghề cho những bác-sĩ Tây-y, và đặc-biệt cộng-tác với bác-sĩ Thérèse Martiny để mở một phòng chẩn-trị ở bệnh-viện Léopold-Bellan, tại Balê, năm 1930.

Sau thế-chiến 2, châm-thuật không ngừng phát-triển ở Pháp, với sự thành-lập của nhiều hiệp-hội mà nổi danh nhất có lẽ là Hiệp-Hội Châm-Khoa, với những danh-tính Soulié de Morant, de Ferreyrolles, de Flandin... Hiện nay, y-giới Pháp có khoảng năm nghìn châm y.

Khi Hoa-lục bãi-bỏ chính-sách bế quan tỏa cảng, và nhất là sau khi các y-sĩ Hoa-kỳ Hoa-du về Mỹ quảng cáo rùm beng trên báo-chí về y-khoa Trung-quốc, thì y-giới Pháp càng lưu-tâm hơn nữa đến châm-thuật.

Báo chí Pháp liên-tục quảng-cáo cho kỹ-thuật châm-trị độc-đáo mới mẻ của phương Đông, càng trở thành quyến-rũ hơn sau những năm dài biệt vô âm tín. Nhật-báo, tạp-chí định-kỳ thi-đua mở những cuộc phỏng-vấn, đăng những bài khảo-luận, dịch những tài-liệu chuyên-môn tương-đối dễ hiểu đối với đại-chúng. Các nhà xuất-bản y-học tích-cực ấn-hành những thư-liệu châm-khoa mà nhiều bộ có vóc-dáng rất đồ-sộ. Có những sách giá-trị được tái bản : bộ *L'Acupuncture chinoise* của George Soulié de Morant do nhà Maloine in lại, vừa trình diện cuối năm 1972. Rồi châm-thuật lên vô-tuyến truyền-hình Pháp : ngày 1-1-72, màn ảnh nhỏ trình chiếu những cuốn phim về kỹ-thuật gây tê bằng châm-khoa do các y-sĩ Pháp tiến-hành. Ít lâu sau, đến lượt khán thính-giả một quốc - gia lân - bang, Thụy-sĩ, cũng được dịp xem phim về châm-thuật.

Hiện nay thì y giới Pháp đang xúc tiến những công trình khảo cứu đề cố gắng giải thích cơ chế tác dụng của châm thuật cùng phạm vi ứng dụng trong lĩnh vực y khoa và giải phẫu. Những công trình ấy có thể do những cá nhân riêng rẽ, tự lực tìm tòi nhưng cũng có những nhóm lớn hay nhỏ, quy tụ một số đồng nghiệp đồng chí. Chúng ta có thể kể chẳng hạn nhóm Lacretelle với bác sĩ Darras, giáo sư Michel Devic và bác sĩ Antonietti, và nhất là nhóm Nghiên cứu Y-khoa Lyon (GLEM) (1) của Paul Nogier, liên kết hằng trăm y sĩ Pháp

và ngoại quốc, cộng tác mật thiết với Hiệp hội Châm thuật Địa trung hải do J.E.H. Niboyet chỉ đạo. Chúng ta có thể kể thêm Viện Thí nghiệm và Nghiên cứu của giáo sư Rabischong ở Montpellier, những viện khác ở Nimes với giáo sư Bossy, ở Toulouse với các giáo sư André và Mira. Ở Balê, ta có thể đan cử Ming Wong, một chuyên viên Đông phương học, Tiến sĩ khoa học, phục vụ tại CNRS (2) và các quân y-sĩ Jean Borsarello, Georges Cantoni...

Các châm y Pháp thành lập Nghiệp Đoàn Quốc Gia Châm Y Pháp, kết hợp những bác sĩ hành nghề hoặc nghiên cứu châm khoa. Họ cũng có một tờ tạp chí rất uy tín, tờ *Méridiens* (Kinh mạch).

Khá nhiều trường hợp sử dụng kim chích gây tê được báo chí phổ thông Pháp tường thuật, mà điển hình là trường hợp cắt bỏ nhũ hoa vì bướu ở y viện Bouchard, Marseille, ngày 1-7-72 (3). Chuyên viên gây tê là một bác sĩ Việt-Nam, bác sĩ Nguyễn Văn Nghi, hành nghề châm thuật ở Pháp từ lâu, và đã viết một số sách bằng Pháp-ngữ về châm-khoa chủ-yếu dựa vào những tài-liệu Việt-ngữ (4), dịch-thuật bộ Trung y-học của các học-viện Trung-Y Bắc-kinh, Nam-kinh, Thượng-hải, Quảng-châu,

1 — GLEM : Groupe Lyonnais d'Etudes Médicales.

2. — CNRS : Centre National de la Recherche Scientifique.

3. — Icart A. — L'acupuncture réhabilitée par des chirurgiens français. *Lectures pour tous* n° 226, Nov 1972, tr. 28-33.

(4) Do Bắc Việt ấn hành.

Thành-đô. Đây là trường-hợp cắt bỏ vú mà không cần đến thuốc mê đầu tiên ở Pháp, và có lẽ ở khắp cả thế giới, ngoại trừ Trung-Quốc. Trước đây vài ngày, một y-sĩ Pháp, bác-sĩ C. cũng đã được giải-phẫu cột sống dưới ma-lực của những cây kim. Ngày 17-7-72, vị y-sĩ này đã dự-khán công-việc giải-phẫu vú do bác-sĩ Georges Gastaud thực-hiện. Nhưng kể tình-nguyên đầu-tiên, xung-phong chịu sự thí-nghiệm kỹ-thuật gây tê mới, là một chuyên-viên Bru-điện, Claude M. Claude bị sa ruột ở háng. Nhiều chuyên-viên giải-phẫu và tê mê, đã được hỏi ý-kiến, nhưng mọi người đều ngần ngẫm vì bệnh-nhân bị hỗn-loạn hô-hấp trầm-trọng, rất có thể tử-vong trên bàn mổ nếu gây mê theo kỹ-thuật thông thường (1). Bác - sĩ Nguyễn-Văn-Nghị đã nhận lời gây tê cho Claude bằng kim, và vài ngày sau, bác-sĩ Georges Gastaud lần đầu tiên giải-phẫu một bệnh-nhân tỉnh-táo nhưng nhờ bốn cây kim châm vào chi trên, đã không còn cảm thấy đau đớn nữa.

Trong phạm-vi nội-khoa, tại bệnh-viện Boucicaut, Ba-lê, ngày 12-2-72, người ta cũng dùng châm-thuật để gây tê, trong khi cho một dòng điện 5.000 volts chạy qua ngực một bệnh-nhân bị hỗn-loạn nhịp tim. Chúng ta hãy nghe bác-sĩ Bernard Labbé, môn sinh của nhà tâm-bệnh-học danh-tiếng Pháp, giáo-sư Lenègre, trình-bày về trường-hợp liên-hệ. Để tái-lập nhịp tim ở những người tim đập hỗn-loạn, có thể phóng một dòng điện ở

điện thế từ 4000 đến 5000 volts vào cơ-thể người bệnh. Nhưng khi mà một dòng điện mãnh-liệt như vậy chạy qua cơ-thể, đầu là chỉ chạy qua chưa đến một phần mười giây, thì con bệnh cũng đau-đớn tột độ, không sao chịu nổi. Cho nên phải gây mê. Có thể tính-toán thực cần-trọng để giảm-thiểu thời-lượng gây mê đến mức chỉ còn một hay hai phút. Dĩ nhiên đây là một tiến-bộ lớn rồi. Nhưng y-khoa vẫn chưa thỏa-mãn, vì dù sao đi nữa, thì khiến người bệnh mê man trong vài phút để chỉ dùng tình-trạng hôn-mê ấy có một phần mười giây, cũng là một điều bất-hợp-lý. Vả lại, gây mê ở bệnh-nhân đau tim là một vấn-đề nguy-hiêm. Hơn nữa, có phải chỉ làm một lần đâu. Trái lại, bệnh-nhân phải được phóng điện như vậy nhiều lần, lắm khi mười lăm ngày một lần. Thuốc mê sẽ tích-lũy lại trong nhân-thể, và lâu ngày, rất có thể gây ngộ-độc. Tất cả những phiền-toái, hiểm-nghèo ấy được châm-thuật giải quyết một cách dễ dàng. Và người bệnh đầu tiên chịu thí-nghiệm là một bác thợ điện về hưu. Ông cụ sẵn-sàng làm vật thí-nghiệm cho y-khoa viện lẽ trong quá-khứ mình đã bị

(1) Chúng ta càng dễ thông-cảm với các chuyên-viên giải-phẫu và tê mê, Pháp hơn nữa nếu chúng ta biết rằng trong thời-gian gần đây, y-giới Pháp thường bị tai bay vạ gió vì nghiệp vụ, và một số không nhỏ y-sĩ đã bị Tòa án phạt bồi thường nặng nề vì khiếm-khuyết trong lúc gây mê hồi sức, trong lúc sử-dụng huyết-thanh kháng uốn-ván v.v...

điện giật nhiều lần, vậy nay nếu châm-thuật gây tê có không thành-công, thì mình cũng chỉ bị điện giật thêm một phát nữa là cùng chứ có sao đâu ! Nhưng người thợ già đã không bị điện giật, mà chỉ cảm thấy như có ai dùng nắm tay nắm nhẹ vào ngực mình, khi dòng điện 5000 volts chạy qua cơ-thể, cơ-thể đã mang sẵn vài cây kim ma-quái.

Trong những ngày 3, 4 và 5.12.72 vừa qua, Hiệp-nội Châm-Thuật Pháp phối-hợp cùng Trung-tâm Châm-thuật đã tổ chức tại Marseille những ngày Châm-thuật Địa-Trung-Hải với một chương trình rất phong-phú, đề-cập đến kỹ-thuật gây tê bằng kim ở Trung-Hoa, đến các khía-cạnh lý-thuyết và thực-hành, đến giá-trị thống-kê qua năm mươi trường hợp gây tê đầu tiên ở pháp. Triết học Đông-phương, quan-niệm âm dương, học thuyết ngũ-hành, chức năng tam tiêu, vinh vệ khí huyết cũng được trình-bầy bên cạnh những phương-thức áp-dụng thực-tiến châm-thuật trong điều-trị suyễn, nhức đầu, mất ngủ, đau lưng, các bệnh phụ-nữ, chứng tăng huyết-áp, các trường hợp u nhược... Nhiều cuốn phim thực hiện ở Trung-Quốc và Pháp cũng được trình chiếu. Cộng tác vào chương-trình này có một số y-sĩ châm khoa người Ý. Người đứng ra điều-hành là bác-sĩ Nguyễn-văn-Nghi.

Y-giới Pháp thực ra đang tỏ vẻ nôn nóng vì sợ mất địa-vị gần như độc-tôn dưới dưới bầu trời Tây phương, trong địa-hạt châm-thuật. Điều này

đã được một giáo-sư Y-khoa lỗi-lạc rất am-tường y-ly Đông-phương, công-khai trình-bầy trên một tạp-chí y-khoa Pháp (1). Người Pháp nhận-chân rằng họ đang bị Hoa-Kỳ và các quốc-gia Đông-Âu, kể cả Nga-Xô, qua mặt, trong phạm-trù nghiên-cứu châm-khoa và nhất là áp-dụng châm-thuật vào nhiều lĩnh-vực điều-trị mới : bại-liệt mặt, đau nhức thần-kinh mặt, cảm điếc, viêm xoang hàm, ty-viêm, vẹo cổ, chứng mắt xanh, viêm rết thần kinh, chỉ-huyết, bệnh ngoài da, dư-chứng ấu-liệt...

Nhiều y-sĩ Pháp đã qua thăm viếng Trung - Hoa, Nhật-Bản. Tạp-chí hằng tuần Concours Médical, một tờ báo y-khoa Pháp rất có uy tín, đã ra đời được 95 năm nay, số ngày 20.1.1973, đăng hẳn một bài dài, dịch nguyên-văn những tài-liệu do Tổ Điều-Nghiên Châm Thích Ma túy Bắc-Kinh phổ-biến, đề-cập đến những ưu-điểm độc-đáo của kỹ-thuật gây tê bằng kim chích, so-sánh với phương-pháp tê mê, hiện-dụng của y-học Thái-Tây. (2)

Riêng trong phạm vi gây tê bằng kim, y-giới Pháp giữ một thái-độ rất chững - chạc, đúng mực. Bác-sĩ Darras chẳng hạn — bác-sĩ Darras là một trong những y-sĩ cộng-

(1) Huard P. Wong M. — Du nouveau en acupuncture. *Concours Médical*, số 41, ngày 14-10-72, trang 6627-6637.

(2) Brève introduction à l'anesthésie par acupuncture. Groupe de coordination pour l'anesthésie par acupuncture de Pékin. (Avril 1972). *Concours Médical* số 3, ngày 20-1-1973, trang 403-417.

tác vào chương-trình vô-tuyến truyền hình về gây tê bằng châm-thuật đã được trình chiếu — nhấn mạnh rằng nghệ-thuật sử-dụng kim đề làm cho bệnh-nhân mất hoặc bớt cảm-giác đau-đớn không tự đặt cho mình tham-vọng thay-thế hẳn hoặc tranh-đua với kỹ-thuật tê-mê bằng dược-phẩm thông-thường. Mục-tiêu duy-nhất chỉ là cố-gắng mang lại một sự trợ-lực hữu-hiệu cho chuyên-khoa tê mê kinh-diễn trong một số trường hợp, sau khi châm-y đã thảo-luận và thống-nhất tư-tưởng với chuyên-viên tê mê, nhằm giúp thủ-thuật viên giải phẫu trong những điều-kiện khả-quan hơn.

Y-giới Pháp thực-hành châm-thuật có nhiều điểm đặc-biệt hơn ở các quốc-gia khác. Có ba lý-do chính khả - dĩ cắt nghĩa được tình - trạng ấy. (1)

Trước hết, phần lớn các châm-y Pháp là những bác-sĩ y-khoa. Họ đã hành nghề châm-y — có người không hành - nghề, chỉ nghiên - cứu lý - thuyết — sau khi tốt-nghiệp văn-bằng Tiến-sĩ Y-khoa Quốc-gia. Đây là một ưu-điểm to lớn. Nhờ vốn kiến vũng-vàng về chuyên-môn, họ có thể áp-dụng những tri-thức do y-học tân-tiến cung-cấp vào lĩnh-vực nghiên-cứu và thực-hành y-lý cổ-truyền phương Đông. Lợi thế lớn của họ là chẩn-đoán bệnh chính-xác, minh-bạch rồi mới áp-dụng châm-thuật. Và dĩ nhiên họ tránh được cho người bệnh một số trường-hợp hiềm-nghèo mà họ biết chắc-chắn chỉ có thể giải-quyết bằng y-học khoa-

học. Chẳng hạn không bao giờ họ ngu-xuân đến độ chủ-trương dùng châm-thuật để điều trị não-tủy não-mạc viêm hay đối-phó với những ca huyết-nhiễm. Họ không phải là lang băm, lang vườn, lang nháy dù, lang chích ầu. Họ là những bác-sĩ nuôi hoài-bảo biến-cải châm-thuật thành một chuyên-khoa chân chính. Và nếu châm-khoa chưa đạt được thể đứng ấy ở Pháp, thì không phải vì vậy mà châm-thuật không được giảng dạy trong khuôn-khò chương-trình huấn-luyện của Y-khoa Đại-học-đường tại các bệnh-viện Ba-lê, trong khu lý-trị tại bệnh viện Hotel-Dieu chẳng hạn. Những buổi chần-trị bằng kim vẫn xảy ra thường xuyên trong các nhà thương khác ở thủ-đô Pháp, tại Viện Quốc-gia Phế nhân, tại Lyon, tại Alger và ở những nơi khác, như đã trình-bày ở trên. Trong khuôn-khò đào-tạo chuyên-viên hậu-đại-học tại Trung-tâm Châm-thuật Pháp, người y-sĩ muốn trở thành châm-y, phải học ba năm, sau mỗi năm đều có một kỳ thi.

Lý-do thứ hai liên-hệ đến sự bành-trướng của châm-thuật ở Pháp — đúng hay sai, chưa phải chỗ bàn ở đây — là một tâm-trạng gần như chống-đối lại nền y-học hiện-đại của Tây-phương, dành rằng khoa-học nhưng duy-vật, chỉ quen và muốn nhìn con người như một bộ máy, như một con số, như một xấp hồ

1. — Huard P. và Wong M. — Les tendances actuelles de l'acupuncture. *Le Concours Médical*, 1963 số 1, trang 277—279

sơ mà coi nhẹ, có khi gần như quên hẳn nhìn con người đau ốm với nhân-quan toàn-diện. Bệnh-nhân có cảm-tưởng như đối với các vấn-đề của mình, châm-khoa đã luôn luôn lo lắng một cách toàn-bộ tổng-hợp — dĩ nhiên như vậy, bởi đây chính là nguyên lý căn bản của y-học Đông phương — đồng-thời cung-cấp cho mình đầy-đủ những sự chăm-chú, điều-dưỡng cần-thiết mà lại không gây nhiều-hại gì. Cho nên người bệnh thường tin-tưởng châm-thuật một cách tuyệt-đối.

Cuối cùng, người bệnh Pháp hoan-nghênh châm-khoa cũng vì bản-thân châm-thuật không phải là một phương-pháp kém hữu-hiệu. Châm-thuật tác-dụng vào huyết-đồ, vào tốc-độ trầm-giáng, vào phân-xuất huyết-sắc-tổ, vào lượng fibrinogène, vào các agglutinines và hémolysines huyết-thanh, vào sự chuyển-dịch của công-thức Arneth, vào thời gian máu đông, vào đường-huyết, vào lượng calci trong máu... Người ta có thể đo lường được tác-dụng sinh-lý của châm-thuật và chứng-minh châm-thuật có công-năng vừa tăng sức đề-kháng của cơ-thể, vừa tác-dụng trực-tiếp vào bệnh-hoạn. Chính trong chiều hướng này mà y-giới Pháp đang gia-công vận-dụng khả-năng và kỹ-năng của khoa sinh-học tân-tiến để đi tìm cho châm-khoa một lời giải-đáp thực-nghiệm thỏa-đáng.

Ngoài phạm-vi gây tê, nhiều tình-trạng bệnh-lý nội-khoa đã được trị-liệu dưới trời Tây bằng kim chích : vài thê kích-xúc và ngắt-xiêu, các

chứng đau-đớn, các hỗn-loạn cơ-năng, các tình-trạng bất quân-bình giao-cảm và đối giao-cảm, các trường-hợp suy-nhược, những cơn co-bóp (táo-bón, sán-thống gan và thận, nôn mửa), khớp xương hư-biến, vài thê sang-thấp và hen-suyễn... Đối với những bệnh tương-tự ở súc-vật, khoa thú-y cũng đã đạt những thành-quả rất khích-lệ bằng kim-châm.

Kết-quả rõ-ràng nhất của châm-thuật là khi y-giới huy-động kim để đối-phó với những hỗn-loạn cơ-năng và các chứng đau nhức đủ mọi loại (bán đầu thống, nhức răng, đau thần kinh-tọa, đau chi-cụt, đau hậu-chấn-thương...).

Thông thường thì người dân Pháp ít là nạn-nhân của châm-thuật, trước hết, vì người sử-dụng kim là y-sĩ thực-thụ, thứ nữa, vì nhiều bệnh-nhân chỉ cầu-viện đến châm-khoa khi nhiều liệu-pháp khác đã thất-bại, và sau khi họ đã được thám-chẩn kỹ-lưỡng ở những cơ-sở y-khoa, nên mọi tổn-thương cơ-thể-học đều đã được gạt-bỏ rồi.

Trong hiện-tình y-học Pháp, đi tìm một lời giải-đáp thích-đáng cho cơ-chế tác-dụng của châm-khoa là mối ưu-tư lớn nhất. Nhiều giả-thuyết đã được đề xướng. Có người, nhiều hay ít đa-nghi, cho rằng đây có thể chỉ là một tình-trạng ám-thị, và họ đồng-hóa những cây kim với các giả-được. Có người bám víu vào lý-thuyết thần-kinh-học của Nga-sô, vào hệ-thống lý-luận Pavlov, chủ-trương sự liên-hệ mật-thiết giữa các kích-thích bì-phụ và trục não-

tủy. Thực ra thì, cho đến những năm gần đây, vẫn chưa có lời giải-thích thỏa-đáng.

Nhưng hiện nay có vẻ giới nghiên-cứu đã phần nào đến gần sự thực hơn, dựa vào các kết-quả khảo-sát ở Pháp, Nhật, và Trung-Hoa, căn-cứ vào sự trặc-định điện-trở của làn da. Dường như ở người khỏe mạnh, dòng điện đi qua các huyết mạch-cứu không giống như đi qua các vùng da khác. Ở người đau ốm, điện-trở hạ thấp trên lộ-trình của kinh-mạch tương-ứng với cơ-quan, bộ-phận bị đau. Như vậy, có thể dùng máy để đo điện-trở của các huyết bằng micro-ampères và từ đấy, định vị được những huyết, những điểm đau (thống điểm). Đây là một bước tiến lớn, vì huyết đã trở nên những thực-thể hiện-hữu khách-quan, những thực-thể trước hết là cơ-năng, nhưng có lẽ cũng là những thực-thể tổ-chức-học nữa.

Dùng những thứ máy có tên gọi khác nhau nhưng đồng một nguyên lý —punctoscope, dermatomètre—châm-y Pháp đã đạt đến thành-quả rất khả-quan trong chiều-hướng định huyết. Đồng thời, họ cũng chế-tạo những máy-móc để dùng điện kích thích các huyết, thay vì dùng kim. Đại-biểu cho loại máy thứ hai này là cái Thérapuncteur của hãng Sedat. Giá thị trường ước-lượng từ 950 đến 1300 quan Pháp mỗi máy.

Tham-vọng của y-giới Pháp là sát-nhập châm-khoa vào y-học hiện-đại trong vinh-dự. Do những tri thức về

vật-lý mà châm-thuật đòi-hỏi, do những y-cụ điện-tử mà châm-khoa sử dụng, nghệ-thuật dùng kim chữa bệnh có thể trở thành một ngành của điện-học y-khoa hay của quang-tuyến học. Nhưng như vậy chưa đủ. Y-giới Pháp quan-niệm rằng ngay cả trong trường hợp châm-y, vì cần-trọng, từ-chối không chữa-trị các chứng-bệnh thuộc cơ-quan, ngoại trừ khi được một y-sĩ nội-khoa hay một chuyên-viên giải-phẫu yêu-cầu, người châm-y, trong những điều-kiện hành nghề như thế, vẫn phải cố-gắng hiểu-biết đầy đủ về các hội-chứng đau-đớn, về sinh-lý bệnh-lý thần-kinh, về tâm-lý học y-khoa và về y-học tâm-thê. Những hành-trang tri-thức ấy rất cần thiết cho châm-y để biết đường tiến thối, biết lẽ kinh quyền. Họ sẽ biết lúc nào là lúc nên giới-thiệu bệnh-nhân đến những đồng-nghiep chuyên-khoa thần-kinh và tâm-trí, họ sẽ không nhắm mắt chích cần những con bệnh mà đáng lẽ họ phải buông kim đầu hàng. Người châm-y, theo nhãn-quan Pháp, phải là một y-sĩ đã tốt-nghiep một chứng-chỉ chuyên-khoa, xác-nhận họ có những am-tường căn-bản. Họ phải qua những kỳ thi mà nội-dung và chương-trình là các bộ môn vật-lý y-khoa, thần-kinh-học, bệnh-học tâm-trí, tâm-lý y-khoa, lịch-sử y-học và văn-minh Đông-phương. Hội-đồng giám-khảo, gồm những nhà lâm-sàng-học, những chuyên-viên khoa-học căn-bản và những nhà Đông-phương-học, sẽ sát-hạch để xác-minh khả-năng thực-sự của người châm-y hiện-đại, mà

người Pháp quan-niệm là một y-sĩ có thực-học, biết rõ phạm-vi tác-dụng của những cây kim mình dùng hằng ngày.

Chính vì quan - niệm như vậy nên Nghiệp - đoàn Quốc-gia các châm-y Pháp luôn luôn phản ứng mạnh - mẽ khi châm - thuật bị xúc - phạm, dầu sự xúc - phạm ấy xảy ra bất - cứ dưới hình-thức nào. Chẳng hạn, ngày 22-11-1972, tòa-án Versailles đã tha - bổng một thầy chích vườn bị truy - tố về tội hành nghề y - sĩ bất - hợp - pháp (vụ Laville). Lập tức, nghiệp-đoàn, sau phiên-họp ở Ba-Lê kéo dài hai ngày 25 và 26-11-72, đã phản đối kịch-liệt sự phán xét của tòa-án, viện lẽ tòa đã tạo ấn-tượng rằng châm thuật không phải là một động-tác y-khoa. Nghiệp-đoàn khẳng định "châm-thuật là một liệu-pháp chỉ có thể được tiến-hành do những bác-sĩ y-khoa, bởi những lý-do hiển nhiên liên-hệ đến an-ninh của người bệnh". Nghiệp-đoàn lưu-ý rằng luật-pháp quốc-gia đã mặc-nhiên thừa-nhận châm-thuật như là một kỹ-thuật y-khoa, qua bản danh-mục bảo-hiêm xã-hội. (1)

Phản-ứng tích-cực, mạnh mẽ ấy của Nghiệp-đoàn Quốc-gia các Châm-y Pháp rất dễ hiểu. Y-giới pháp vẫn tự-hào rằng họ đã góp phần to lớn nhất trong chiều-hướng đưa châm-thuật đến gần nền y-học Thái-Tây. Và tuy có một vài ưu-tư nhỏ, một vài lo-lắng nhẹ gợn vương trên vầng trán của người châm y Pháp, đối trước những dự-định rầm-rộ của y-giới Hoa-Kỳ, dường

như có vẻ đang quyết-tâm tìm hiểu châm-khoa, nước Pháp cho đến nay, vẫn là quê-hương thứ hai của châm-thuật, ngoài cái tổ nguyên-thủy Hòa-Hán.

Người Pháp có quyền hãnh-diện vì họ đã đóng góp rất nhiều cho vấn-đề hiện-đại-hóa, khoa-học-hóa châm-thuật. Và ít nhất là cho đến ngày hôm nay, bên cạnh những bài khảo cứu nặng phần trình-diễn của báo-chí y-khoa Hoa-kỳ, phần lớn đề-cập một cách hời-hợt đến nghệ-thuật sử-dụng kim chích, những công-trình biên-khảo của các tác-giả Pháp vẫn chưa hề bị các quốc-gia khác qua mặt. Cũng trong đường hướng ấy, châm-thuật Pháp còn có lý-do đề đắ-ý hơn vì y-giới Pháp đã phối hợp Đông Tây một cách tài-tình qua một phương pháp châm-thuật độc-đáo mệnh danh là nhĩ-châm, nhĩ-chần, nhĩ trị. Chúng ta chỉ cần biết rằng những tài-liệu liên-hệ đến nhĩ-châm đã được y-giới Hoa-lục học-tập ngay tức-khắc, khi vừa được người Pháp phổ-biến, bằng cách phỏng-dịch ra Hán-văn và khai-thác áp-dụng cấp-thời (2,3). Người viết mong sẽ có thể đề-cập đến nhĩ-châm, nhĩ-chần, nhĩ-trị trong một dịp khác.

25-03-1973

TRẦN-VĂN-TÍCH

(1) Nomenclature de la Sécurité Sociale. Đây là bảng liệt-kê những thủ thuật, phương-pháp y-khoa thuộc phạm-vi hành nghề của người y sĩ, trong khuôn khổ chương trình bảo hiêm xã hội quốc gia của Pháp.

(2) Khảo cứu về nhĩ trị. Tập san Trung-Y Thượng-Hải, 1959 số 10, trang 32-36.

(3) Une opération du cerveau sous anesthésie acupuncturale. La Chine en construction. Avril 1972, trang 32-33.

Văn học thời Duy Tân

THỬ XÁC ĐỊNH NIÊN LỊCH VĂN HỌC THỜI DUY TÂN

Nếu dựa theo tiêu chuẩn phân chia các thời kỳ văn học của Giáo sư Thanh Lãng thì một niên lịch được chọn làm giới mốc cho một thời kỳ văn học phải :

— một đảng bế mạc sự diễn hành của một hay những hiện tượng của một thời đại,

— một đảng khai mạc sự xuất hiện của những hiện tượng mới trở thành một cái vốn, cái gia tài chung cho cả một thời đại vừa khai mạc,

— đảng khác ghi nhận được cá tính cả thời đại đó như là một xuất hiện đặc thù, khác thời đại mà nó bế mạc và khác luôn cả thời đại mà rồi đây sẽ bị thay thế (BLĐVH, trang XXXII, Q. I)

Ta sẽ thấy thời kỳ văn học Duy Tân (1904-1913) có thể biệt thành một thể hệ văn học có những đặc tính, tuy cũng tranh đấu giành chủ quyền cho Quốc gia, hô hào thức tỉnh đồng bào nhưng thật đã khác hẳn thời kỳ kháng chiến trước (1862-1904) vừa về phương lược đấu tranh vừa cả về nội dung sáng tác và rồi nó cũng chẳng giống gì với thời kỳ 1913-1932 kế chân nó. Tuy cả hai cùng có ý hướng duy tân nhưng cả hai thật đã có những tác phong khác hẳn nhau.

— a) Năm 1904 có thể xem là niên lịch khai mào thời Văn học Duy Tân không ?

Trên phương diện quốc tế, năm 1904 đánh dấu một biến cố trọng đại : sự vùng dậy của giống da vàng, biến cố này tác động vào chính tình Việt Nam mở hẳn con đường mới. Đề cập đến biến cố này Huỳnh Thúc Kháng đã viết : «... một tiếng sét nổ bùng có sức kích thích mạnh nhất, thấm vào tâm não người Việt Nam ta là trận chiến tranh năm 1904 (Nhật Bản thắng Nga).

«Vì sao thế ? Vì từ thế lực người Âu tràn sang phương Đông trên trăm năm nay, mệnh mông một vùng Á châu, đất rộng người nhiều, không một nước nào không bị đè ép, vùi dập dưới bàn chân sắt của người giống da trắng, không dám cự cựa. Riêng xứ Phò tang ba hòn đảo, lấy một nước nhỏ bên Á đông, đánh một nước to kình cường thịnh là nước Nga trắng. Tiếng kèn khải hoàn của Lữ Thuận, lá cờ báo tiếp miền Liêu Dương, tiếng reo «Ngô Á, Ngô Hoàng» vang dội khắp cả thế giới, người da trắng kinh hoàng khiếp vía đã nảy mối lo họa giống da vàng. Cái trận oanh liệt hùng tráng đó đã cho cả giống da vàng tuôn cái khí phẫn uất trách sao người Á châu không múa hát reo hò mà nhộn dậy

cách hăng hái không tự ngăn được. Được tề thuốc hưng phấn ấy, giống cách mạng nước ta sau thời kỳ điều tàn ròi rụng trong vòng không khí bao bọc áp bức bị ngột, hốt nhiên sanh khí trỗi ra một cách bùng bột phấn khởi ». (1)

Năm 1904 cũng chính là năm ghi dấu những biến chuyển lớn trong tư tưởng các nhà cách mạng.

Phan Bội Châu ghi rõ những biến chuyển đó trong Ngục trung thư : «Trận Nga Nhật chiến tranh mà Nhật đại thắng thật có chỗ hay cho chúng tôi rất lớn... Nước Nam ta trước khi chưa có Pháp quốc bảo hộ chỉ biết thế gian này có nước Tàu mà thôi... Kịp đến khi có người Pháp sang xâm lược, dân ta vẫn còn mắt đui tai điếc. Nếu không có tiếng súng nổ đùng đùng ở Liêu Đông, Lữ Thuận đánh thức thì có lẽ ta cũng chưa biết ngoài nước Pháp ra còn có thế giới nào khác nữa » (tr. 28, 29). Cũng trang 28 cụ ghi rõ hơn : «Từ hồi bỏ nước đi ra ngoài, đầu óc tai mắt mình mới là bắt đầu biến đổi. Nhưng không thể nào không bảo được rằng đó là nhờ trận Nhật Nga đánh nhau đã là vang bóng cho tâm não chúng tôi ».

Phan Châu Trinh được bổ làm Thừa biện Bộ Lễ ở kinh từ năm 1903, ở đấy ông nhờ qua lại với Thân Trọng Huề, Đào Nguyên Phổ mà đọc được Tân Thư, nhưng thực đến năm 1904 mới có những quyết định quan trọng : «Chí hướng đã định rồi, xảy có cuộc Nhật Nga chiến tranh (1904)

phong triều giục đến một bên, mà tiên sinh không thể ngồi yên được ». (2)

Về phía Trần Quý Cáp, Huỳnh Thúc Kháng cũng đã ghi nhận những biến chuyển hệ trọng đó : « Năm Giáp Thìn (1904), Tiên sinh ra Kinh chưa đầy nửa năm, cựu học đã hạ màn, tân học bắt đầu khai diễn, trước đó cụ Tây Hồ đã đỗ Phó Bảng ra Kinh, chiếu lệ làm quan tại bộ Lễ, chính lúc cuộc Cách mạng Trung Hoa nổi dậy sau cuộc Mậu Tuất chính biến, Nhật Nga xung đột, ảnh hưởng rất lớn trong nước, báo sách Khang Hữu Vi, Lương Khải Siêu dịch ra xuất hiện ở Kinh, lại có bài Thiên hạ Đại thể luận của Nguyễn Lộ Trạch, bài sớ xin bỏ khoa cử của Thân Trọng Huề là những loại cụ Tây Hồ được thấy sớm, đem lòng say mê, đồng thời cụ Phan Sào Nam lại có bản Lưu cầu Huyết lệ Tân thư, các sĩ phu đua nhau chép đọc, Tiên sinh lúc rảnh, qua lại giao du với hai cụ Phan xem được sách mới tự nhiên phấn khởi, tư tưởng đổi hẳn. Sau thi đỗ Tiến sĩ Tiên sinh tự gánh trách nhiệm bài xích cử nghiệp, đề xướng tân học. Tới bây giờ xem lại mình hình như là hai người khác hẳn qua cầu đứt cầu không ngó lại nữa, » (3)

Qua lời chứng giải của chính vị

(1) Bức thư bí mật của cụ Huỳnh Thúc Kháng — Anh Minh xb.

(2) Xin xem Lê văn Siêu : «Giai nhân kỳ ngộ» — Hương Dương xb.

(3) Lam Giang : Trần Quý Cáp và tư trào cách mạng dân quyền, đầu thế kỷ 20.

sử gia của Phong trào, cụ Huỳnh Thúc Kháng, chúng ta đã thấy rõ vai trò quan trọng của niên lịch 1904, năm khai đường cho cuộc tranh đấu chống thực dân của các nhà cách mạng Việt Nam. Biến cố quân sự 1904 đã gây những biến chuyển trong tư tưởng chính trị của các nhà nho. Thế trận văn hóa được thành hình thay cho thế trận quân sự đã thất bại. Văn chương vì vậy trong trận tuyến đó trở thành những sứ giả tuyên truyền, hướng dẫn, nuôi dưỡng và thúc đẩy quần chúng đấu tranh và duy tân xứ sở. Cụ Huỳnh Thúc Kháng đã trưng dẫn một loạt những tác phẩm quan trọng trong thời kỳ đó như *Sớ xin bỏ khoa cử* của Thân Trọng Huề, *Lưu cầu Huyết lệ Tân thư* của Phan Bội Châu, *Công xa thượng thơ ký*, *Ai nô từ*, *Bát cồ khát ai văn*, *Danh sơn Lương Ngọc phú*, cùng ảnh hưởng tác động lớn lao của chúng. «*Những tác phẩm trên đều viết bằng tay, không chân mà chạy khắp trong nước, sĩ phu đua nhau sao đọc. Cái tiếng hò reo Tân thư cựu thơ muôn miệng một lời, cả nước sôi nổi như điên cuồng.*» (1)

— b) Năm 1913 phải chăng là năm bế mạc thời kỳ?

Năm 1913 có nhiều biến cố làm thay đổi hẳn bộ mặt thời đại.

Mùa Đông năm 1913, Phan Bội Châu bị Long Tế Quang, Đô đốc Quảng đông, bắt giữ. Qua năm sau, trận Thế giới đại chiến lần thứ nhất 1914-1918) bùng nổ. Ở Pháp Phan

Châu Trinh cũng bị giam cầm. Tình hình thay đổi có chiều hướng bất lợi cho những nhà chí sĩ đương bốn ba nơi hải ngoại. Huỳnh Thúc Kháng cũng đã vẽ lại bộ mặt nhân tình bằng những giòng bi thảm: «*Hai nhà lãnh tụ cách mạng, một nhà bị mọt mòi ở phương Đông, một nhà bị cùng khốn ở phương Tây, bọn Hán học cũ mòn rụi như lá sau mùa thu, bọn Tây học mới còn đang non trẻ mới đầu mùa. Hơn nữa, cuộc Âu chiến kết liễu, thanh thế nước Pháp lừng lẫy trên chín tầng trời, mà hơi thừa của đảng cách mạng Việt Nam chìm ngấm dưới chín lớp đất, người Pháp tự tin rằng gối cao ngủ yên không phải lo ngại gì cả. Còn nước ta cả trong lẫn ngoài, phân nửa đã nguội lòng thối chí, bọn trẻ Âu học phần đông quên cả nguồn gốc, sùng bái người Âu đến cực điểm, gần như không biết quốc gia là gì, lại thêm phái Đông học sĩa chân trong có kẻ thay mặt đổi lòng trở làm tay trắng hồ (mặt thắm) cho người Pháp là khác... » (BTBM, tr 42).*

Năm 1913 nhân tâm đổi hướng thì văn tâm cũng xoay chiều. Đã hết rồi cái hào hùng của một thời oanh liệt, văn học từ tay những kẻ vá trời sang tay những kẻ thừa gió bẻ măng Nguyễn văn Vĩnh từ Nam ra Bắc cùng Schneider sáng lập Đông dương Tạp chí mở đầu một thời đại khác: Thời của Báo chí, của Văn học bị lung lạc dưới tay thực dân Pháp.

(1) Bức thư bí mật của cụ Huỳnh Thúc Kháng, tr. 37.

— c) Văn học Thời kỳ 1904-1913 khác Văn học Thời kỳ 1862-1904

Cả hai thời kỳ đều chịu chung một nghịch cảnh, nhưng tình thế mỗi lúc một khác cho nên cách giải quyết vấn đề cũng khác nhau, thể quân sự đã khác, thể chính trị đã khác vì vậy thể văn học do đó cũng phải khác nhau. Nhiều nhà văn học sử đã không nhìn thấy sắc thái sâu xa của hai thời kỳ văn học nên đã vô tình ghép chung hai thời kỳ này làm một.

Trên đại thể ta thấy rằng cả hai thời kỳ các nhà văn đều cố gắng bày tỏ tình yêu nước thiết tha và ý chí diệt thù cứu quốc. Nhưng nếu phân tích kỹ chúng ta sẽ thấy rõ tính cách sai biệt hẳn của hai thời kỳ.

Thời trước quân thù mới giày xéo quê hương, muôn người như một chỉ biết lao mình chiến đấu, văn học do đó xoay quanh trực kháng chiến. Thơ văn phản ánh thời thế :

— Mỗi lời thơ là một giọt lệ máu
khóc than cho số phận của đất nước:

Một cơn gió thảm, mưa sầu
Đúc nung gan sắt dãi dầu lòng son
Chữ Trưng đã rập vuông tròn
Quyết đem gởi cái tàn hồn gốc cây
Trời cao bề rộng đất dày
Núi Nùng, sông Nhị chôn này làm ghi

(Nguyễn văn Giai: Hà thành chính khí ca)

— Mỗi lời thơ là tiếng kèn thúc quân :

«Chi cho nhọc quan Quân gióng trống
kỳ trống giục đạp rào lướt tới, coi
giặc cũng như không.

Nào sợ thằng Tây bắn đạn nhỏ đạn to,
xô cửa xông vào liều mình như chẳng có. »

(Nguyễn đình Chiểu : Tế nghĩa sĩ Cần giuộc)

— Mỗi lời thơ là một bản cáo trạng :

Hát xướng làm chi hỡi các quan
Trời làm hạn hán khô trăm làng
Nước về Phú-lăng lương tiền tận
Dân mắc cu li cốt nhục tàn
Ngán nỗi con người mà chó ngựa
Ngờ đâu địa ngục ở nhân gian
Kẻ nghèo nước mắt lau không ráo
Hát xướng làm chi hỡi các quan

Thời sau (1904-1913) kẻ nghịch đã đặt xong cơ sở, mọi cuộc Cần vương đều tan rã, con người không chỉ đau khổ vì nước mất mà còn gánh chịu nhiều nỗi áp bức của thực dân. Họ uất hận, nguyền ngào đến :

« Giận muốn vò tan quả địa cầu »(1)

Họ căm thù những muốn « một người kêu, trăm người ứng, tay kia bùng máu nóng rưới vào » (2). Họ thiết tha cảnh tình đồng bào :

Cũng có lúc căm gan tím ruột
Vạch trời cao mà tuốt gươm ra

(1) Thơ ông Tú Nguyễn văn Kiền làm ở Côn đảo

(2) Hồ Tá Bang—Dẫn theo Sơn Nam trong Thiên Địa Hội và Cuộc Minh Tân. tr.168

Cũng xương cũng thịt, cũng da
 Cũng còn máu mủ con nhà Lạc Long
 Thế mà chịu trong vòng giam buộc
 Bốn mươi năm nhớ nhuốc lẫm than
 (1) (Á Tế Á ca)

Vì Pháp áp dụng chính sách ngu dân, bần cùng hóa nhân dân bằng sưu cao thuế nặng, bằng cách khai thác thuộc địa, xâm chiếm ruộng nương, bóc lột nhân công. Cho nên phải lên án, phải tố cáo dã tâm đồ đê người dân ý thức quyền lợi của mình đứng lên tranh đấu :

Tiền với bạc đó là máu mủ
 Không có tiền no đủ được sao ?
 Một ngày là một tiêu hao
 Máu rơi, mủ hết sống sao được mà...
 ...Họ không muốn người Nam buôn bán

Đề một ngày một cạn của đi
 Còn trơ đồng sắt đen sì
 Bạc kia không có lấy gì thông thương
 (Nguyễn Phan Lãng : Thiết tiền ca)

Thực dân chiếm cứ Việt Nam cũng chỉ đề tìm tiêu trường và khai thác tài nguyên, nên tận lực bòn vét của dân. Vì vậy thuế là cả một vấn đề đối với người Việt :

Mấy lần thuế lại thuế đi
 Tính cho đủ thuế còn gì mà ăn.
 Con với vợ mặt nhăn vì đói,
 Mà Tây thì cứ trối lấy tiền.

(Lê văn Huân : Cùng người dân nghèo)

Cho nên muốn tranh thủ độc lập

người dân phải có óc hợp đoàn, phải cùng nhau mở mang kinh tế vì, kinh tế tài chánh là một trong những yếu tố quyết định trong công cuộc giải phóng quốc gia :

Bỏ bạc tiền ra đó để buôn chung
 Người có của kẻ có công
 Xúm nhau lại cùng đem lòng thân ái
 Hiệp bãi cát gây nên non Thái
 Hiệp ngàn dòng nên cái biển Đông
 Mới gọi rằng hào kiệt anh hùng
 Miễn đừng phụ mấy người trong
 gió bụi

(Trần Quý Cáp : Bài ca khuyến hiệp thương)

Nhằm tạo cho người dân ý thức tiến bộ, các nhà cách mạng cố gắng hô hào loại bỏ óc hư văn, cò võ nhân dân chuộng thực học. Khi dân trí mở mang, người dân biết trọng quyền lợi của mình họ sẽ nỗ lực tranh đấu cho tổ quốc :

Một người học, muôn người đều biết

Trí đã khôn, trăm việc phải hay
 Lợi quyền đã nắm trong tay
 Có ngày tân hóa, có ngày văn minh

Nói cho cùng, Thời kỳ Kháng chiến Cần Vương (1862-1904), thời của văn chương máu lửa :

Hỏa hồng Nhật Tảo, oanh thiên địa
 Kiếm bạt Kiên Giang, khắp quỉ thần

(1) Nhiều đoạn thơ trích trong bài này dẫn theo Thanh Lãng trong Bản Lược đồ VHVN hay Thái Bạch trong « Thi văn quốc, cảm thời Pháp thuộc »

đã khác biệt hẳn với thời kỳ Duy Tân (1904-1913) thời văn chương quy vào nỗ lực “Hóa dân, cường quốc”:

Phen này cắt tóc đi tu

Tụng kinh Độc Lập ở chùa DUY TÂN

Đêm ngày khấn vái chuyên cần

Cầu cho ích quốc lợi dân mới là

Cốt tu sao cho mở trí dân nhà

Tu sao độ được nước ta phú cường.

Nguyễn Quyền

— d) Thời kỳ 1904-1913 cũng khác thời kỳ 1913-1932

Trên ta đã thấy văn tâm thời kỳ 1904-1913 khác hẳn văn tâm thời 1913-1932, một bên văn học được điều động do các nhà ái quốc thực sự Duy Tân muốn học cái hay cái giỏi của Tây phương để phú quốc, cường dân, một bên văn học chịu sự hướng dẫn của các tay phòng nhì Pháp Louis Marty, của kẻ trở giáo Nguyễn Bá Trác, của những công cụ Nguyễn Văn Vĩnh, Phạm Quỳnh, thế tất phải khác nhau một trời một vực cho dầu cùng bàn đến một vấn đề. Một bên chủ trương Pháp Việt đề huề với tư cách bình đẳng một bên lại chủ trương Pháp Việt đề huề có nghĩa là chú bé Việt Nam hãy để cho bác khổng lồ Pháp dắt đi đâu thì đi. Một đảng thì dùng văn chương nuôi dưỡng tiềm lực đấu tranh, một đảng dùng văn chương đưa thanh niên đến chân trời lãng mạn. Rõ ràng hai thời kỳ thật chẳng giống gì nhau.

Từ sau năm 1913 những tiếng thơ

ái quốc của các nhà chí sĩ chỉ còn là những âm vang nơi góc bể chân trời. Trong khi đó Pháp cho mở hàng loạt các tờ báo, với phương tiện ấn loát tân kỳ, phổ biến sâu rộng và nhanh chóng hỗ trợ cho đường lối chánh trị của mình. Vai trò của văn chương trong thời kỳ này chẳng khác gì vai trò của văn nghệ trong kỹ thuật quảng cáo thương mại. Pháp dùng văn chương làm một lối nguy trang trí thức nhằm lôi cuốn thanh niên hợp tác với họ. Những kẻ mị dân, thừa dịp khoác bộ áo thông thái, lên giọng thầy đời : « Ai đã ái quốc tức vị nước Pháp, ai phản đối nước Pháp tất là người không ái quốc » (Phạm Quỳnh-Nam Phong số 6). « Cái cảnh chinh phục nước nhà, thanh niên ngày nay có lẽ chỉ còn trông thấy cái vết rạn của quân Pháp bắn vào một mảnh thành tường Hà Nội, vết ấy ngày nay những cây leo đã mọc chùm lên xanh rì, gần kín khắp, mà cảnh hàng ngày trông thấy trước mắt là cái ảnh hưởng tốt của chính sách bảo hộ Đại Pháp trong các phạm vi hành động của Quốc dân » (Nguyễn văn Nho-NP 72). Thật không còn lời nói trắng trợn nào bộc lộ cái lương tâm sa đọa của họ hơn. Cái tinh thần đó, những nhà văn của thời cách mạng Duy Tân đã lên án, đã khinh miệt. Họ đâu có ngây thơ và chủ bại như lớp nhà văn thế hệ sau. (1) Vì họ đã biết bộ mặt thật

(1) Ở đây chúng tôi chỉ đề cập đến những nhà văn cộng tác với Pháp. Nói đúng ra, văn học Duy Tân không hẳn đã chấm dứt năm 1913. Thật sự giòng văn học

(Xem tiếp chú thích ở trang kế)

của thực dân :

« Khốn vì dân tộc yếu hèn, mắc phải
Lang-sa đô hộ,
Mang chiêu bài khai hóa, thực chất
xâm lược cường quyền.
Bộ mặt thực dân, một bước không
cho tiến bộ.

(Văn tế truy điệu Huỳnh Tâm)

Điểm căn bản mà Thời văn học Duy Tân (1904-1913) với thời văn học công cụ (1913-1932) tự phân biệt nhau chính là ý hướng Duy Tân.

Một đảng là chính Duy Tân vì dân tộc nên tạo thành phong trào ái quốc, một đảng là ngụy Duy Tân vì Pháp chỉ tạo hình thức của cái gọi là Duy-tân-hóa như Giáo sư Nguyễn Văn Xuân đã phân tích xác đáng : « Duy-tân-hóa chỉ cần một bọn thực dân, tư bản tới để bày dạy để truyền giáo » người bản xứ thụ động tuân theo. Phong trào Duy Tân do chính người bản xứ giác ngộ, chủ động đi tìm hiểu, đi tra gạn đến nguồn gốc nó từ chỗ căn nguyên. Do đó Duy-tân-hóa chỉ ảnh hưởng tới

(tiếp theo trang 36)

này vẫn còn tiếp tục cùng với cuộc đấu tranh trường kỳ của dân tộc. Ta sẽ thấy văn học Duy Tân sẽ lại xuất hiện với Hữu Thanh, với Tiếng Dân rồi Nguyễn An Ninh sau này. Tuy thế sự hiện diện của văn học Duy Tân trong thời kỳ sau cùng chỉ để chống lại lối ngụy Duy Tân của Phạm Quỳnh hay quân bình hóa lối Duy Tân quá mức của thể hệ trẻ chứ không có tính cách độc tôn như thời kỳ 1904-1913.

(1) Nguyễn Văn Xuân—phong trào Duy Tân — Lá Bối xb — tr. 97.

các tầng lớp tư sản, còn phong trào Duy Tân, vì là phong trào ái quốc, Duy Tân để cứu nước nên không chỉ các tầng lớp tư sản mà cả nhân dân đều hưởng ứng. » (1)

Chính hai tinh thần đó đã làm nên hai sắc thái khác biệt của văn học hai thời kỳ.

oOo

Nhìn chung chúng ta thấy rằng tuy thời kỳ 1904-1913 chỉ vỏn vẹn có mười năm nhưng thật sự đã là thời kỳ huy hoàng và tiến bộ nhất trong lịch sử văn học Việt-Nam—văn học hướng thượng—nó chứa đựng tất cả cái bi hùng của thời đại, thời của những con người kiêu dũng. Thơ văn của họ vừa khẳng khái vừa hiện thực. Họ vừa có nhiệt tâm, vừa có ý thức, có khí phách dám mở con đường mới hô hào, thức tỉnh đồng bào Duy Tân, thực hiện cuộc cách mạng Dân quyền, cuộc cách mạng Tân văn hóa.

Ngày nào nước Việt Nam chưa thực hiện được cuộc cách mạng xã hội, chưa thoát được cảnh áp bức của ngoại bang, chưa cạnh tranh được với liệt cường để giành quyền sống, ngày đó tiếng thơ của họ vẫn còn vang dội trong tâm hồn chúng ta, như một lời nguyện, vẫn còn khiến lòng ta thao thức bồn khoăn.

Thế thì tại sao chúng ta lại để thơ văn họ bị lu mờ, mai một trong khi họ xứng đáng chiếm địa vị vẻ vang trong Văn học.

NGUYỄN-THIẾU-DŨNG

THƯ LÂM ẨM THƯ QUÁN

231-233-235, Phạm-Ngũ-Lão — SAIGON

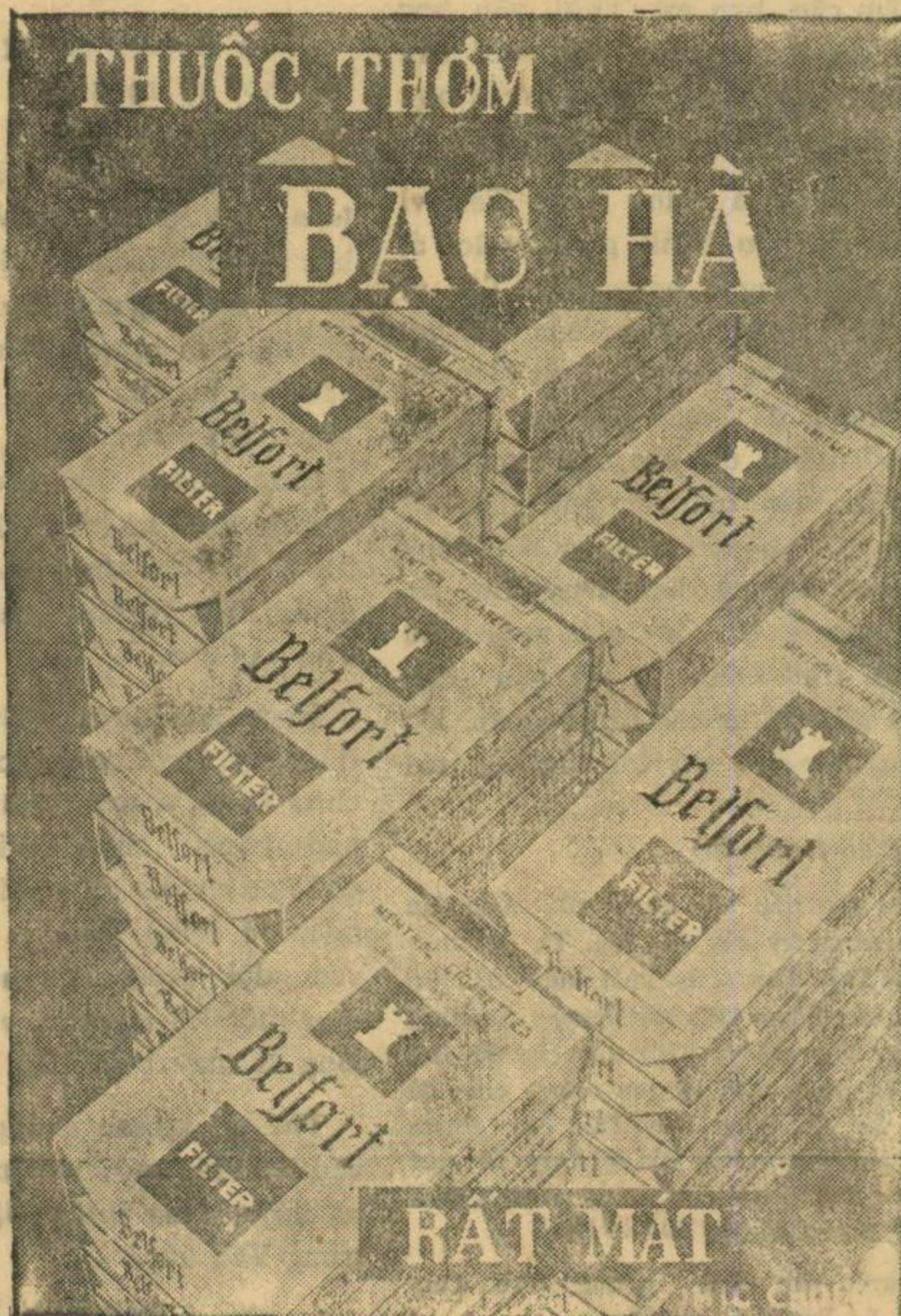
Dây nói : 25.861

NHÀ IN — XUẤT BẢN — CUNG CẤP DỤNG CỤ VĂN PHÒNG

có xưởng cung cấp phù hiệu, cờ hiệu đoàn, nhãn cò áo (étiquette)
màu đẹp, bền, không phai

Gởi tiền thanh toán xin chuyển vào Trương-mục Bưu-điện SAIGON

Số : 2.701 THƯ LÂM ẨM THƯ QUÁN



Nhân xem một kỷ-niệm của Nguyễn Tường Long

Trong một lần trở lại Hội-An để hỏi thăm một số vấn đề, có cơ hội tìm đến Văn-miếu Cẩm-Phô để xem lại cái kỷ niệm của Nguyễn Tường Long Hoàng Đạo.

Trên đường xuống Hội-An, trước khi vào thành phố, Văn miếu đã ở bên tay trái chúng tôi. Phía trước có một sân rộng nay nhiều người di cư đã choán chỗ làm nhà cửa ngồn ngang.

Cái Văn miếu nằm đó với phía trước hàng chữ thếp vàng to trên bức hoành phi lớn « Văn Thánh Miếu ». Tôi và bạn đồng hành leo lên nền nhà cao và định vào trong để xem. Nhưng cửa khóa. Chúng tôi đành kiễng chân dòm vào trong. Không thấy gì ngoài bức hoành của một vị án sát sứ treo ngay giữa ; ngoài ra chung quanh chỉ cột với tường. Tôi rất ngạc nhiên vì chính ông N.T. Mai bảo với tôi là bức hoành ấy còn kia mà. Chẳng lẽ ông lại nói sai ? Hoặc giả chiến tranh đã làm tiêu mất rồi chăng ?

Hoàng Đạo có rất ít chứng tích lưu lại. Tôi nhớ trong một số Văn, ông Trần Phong Giao cũng cho biết là ông muốn làm một số *trởng niệm Hoàng Đạo* từ lâu mà không làm được là vì không có tài liệu, hoặc người giữ tài liệu — nếu còn — cũng không dễ dãi với người tới xin. Vả chăng, dù sao đi nữa thì các tài liệu đó không quý hơn các tài liệu

mà tôi đang tìm đây : một sự kiện nó lên khá nhiều những gì của một Hoàng Đạo lúc còn trẻ, còn bôn ba trên đường công danh và biết đâu những chữ trên bức hoành phi không mang theo nó một tâm sự nào đó của ông.

Tôi sắp đi gọi người mở hộ cánh cửa thì tình cờ nhìn lại ba chữ thếp vàng trên bức hoành phi đen treo ngay trên đầu, trước miếu — một ngôi miếu ba gian, không lớn lắm, của một xã ở một thành phố — tôi bỗng thở phào một cách ngạc nhiên. Vì rõ ràng tôi đọc thấy những hàng chữ này:

Bảo Đại ngũ niên Canh Ngọ Mạnh Đông

VĂN THÁNH MIẾU

Hàn-lâm-viện Kiểm thảo

Nguyễn Tường Long bái tiến

Nguyễn Tường Long ! Nếu là một nơi nào khác, tôi có quyền ngờ không phải ông. Nhưng rành rành là tôi đang ở Cẩm Phô, làng của ông, và không có tộc Nguyễn Tường nào khác, lại không ai trong tộc Nguyễn Tường đi đặt trùng tên ông. Tôi lại thử tính ngày tháng : Bảo Đại ngũ niên là 1930 thì đúng là năm ấy, Nguyễn Tường Long thi Tham-tá Lục-sự (Commis greffier) ở Tòa án Nhượng địa Tourane (Đà Nẵng).

Tiểu-sử ông ghi : sinh năm 1907 ở Cẩm Giàng Hải Dương, đỗ Tú tài Pháp năm 17 tuổi. Làm Tham tá kho bạc rồi vào học trường Luật Hà-

nội. Vài người lầm là ông có đồ Cử nhân Luật. Thật ra, thời đó chưa có Cử nhân Luật và ông thi Tham tá Lục sự tại Tòa án Đà Nẵng ; người nhà cho biết ông cũng có làm tại Tòa án Saigon trước khi lại ra Bắc (1) và ông cúng tẩm hoành (biển) này, như lời ông Nguyễn Tường Mai nói, vào dịp :

— Ông Nguyễn Tường Long về Hội-An lần đầu vào lúc ông đang chuẩn bị thi Tham tá Lục sự.

Như thế đúng là vào năm 1930. Lý do ông trở về quê cũ là do cha ông, Nguyễn Tường Nhu, đã trần trối trước khi chết :

— Sau này, dù thế nào các con cũng phải tìm về lại quê cha đất tổ.

Ông Nhu (hay Chiếu) sinh và lớn lên ở ngoài Bắc, vợ ông cũng người gốc Quảng Nam, người cha ra làm Lãn-binh ngoài Bắc rồi hai người quen biết, lấy nhau. Ông Nhu chết rất trẻ và tôi không rõ đã có bao giờ ông về Quảng hay chưa, chỉ biết là ông làm việc ở tòa sứ Lào và bên cạnh những nhân vật tiếng tăm của giòng họ Nguyễn Tường, ông chỉ có một sự nghiệp khiêm tốn. Việc ông bảo con cái về làng cũ, theo lời một nhân vật họ Nguyễn Tường cho biết cũng là ý cụ tổ Binh-bộ Nguyễn-Tường-Vân xưa kia. Vốn người Tống Sơn, Thanh Hóa, vào lập nghiệp trong Nam (Bình Định và Nam Kỳ), khi ra làm quan ở Quảng Nam với cương vị cao cấp, cụ nhìn hấy non sông, đất nước địa linh, nhân kiệt nên mới nhập tịch Chăm

Phô, không trở vào Nam nữa. Các con cụ đều sống tại vùng này, dựng nhà thờ, mua đất ruộng. Đến thời ông Nguyễn Tường Tiếp ra làm quan tại Chăm Giàng thì mới lưu cư tại Bắc mà vẫn giữ chánh quán Chăm Phô. Các con cái ông tiếp tục giữ chánh quán ấy có lẽ để không quên chí định của Nguyễn Tường Vân.

Theo lời gia huấn, Nguyễn Tường Chăm và Nguyễn Tường Long đã về thăm lại quê xưa.

Theo tẩm hoành này thì Nguyễn Tường Long, lúc về Hội-An, không còn là một bạch diện thư sinh mà đã là một ông "quan" của Nam triều rồi. Ngày xưa, miễn có *hàn lâm*, bất luận *hàn lâm* gì cũng đều được gọi là *quan* *nghe* cả. *Hàn lâm* là phẩm tước. Ngoài Bắc thời đó, tuy không còn liên lạc gì với triều đình Huế song còn rất trọng bằng sắc (2) của vua ban, xem như bảo vật không gì so sánh kịp. Cứ xem qua các sách báo, các phóng sự thì rõ là tinh thần trọng quan lại, trọng việc làng, sự mua quan, bán tước còn cao gấp mấy lần ở Trung, nơi có vua quan, và vua quan đang cầm quyền là khác.

Theo cách xếp đặt cũ của triều đình Huế thì ta có thể thấy về phẩm trật :

(1) Về tiểu sử Nguyễn Tường Long, có vài điểm sai biệt nhỏ. Tôi chỉ ghi theo những gì đã nghe và thấy.

(2) Vô hình trung, đây cũng là một phương tiện, cơ hội quý báu (dù tiêu cực) để thống nhất tinh thần nhân dân Trung và Bắc dưới thời Pháp thuộc.

Hàn lâm viện :

- 1/ Đãi chiếu tòng Cửu phẩm văn giai (9-2)
- 2/ Cung phụng Cửu phẩm văn giai (9-1)
- 3/ Điền bộ tòng Bát phẩm văn giai (8-2)
- 4/ Điền tịch bát phẩm văn giai (8-1)
- 5/ Kiểm thảo tòng thất phẩm văn giai (7-2)

Thời đó, có phẩm trật đó, cũng không phải là nhỏ. Như thế, ông Nguyễn Tường Long cũng đã từng nhận tước phẩm của triều đình Huế, đã từng là người «chịu ơn mưa móc» rồi. Có người sẽ bảo : Nhưng cũng không có gì lạ, Ông Long đã làm Tham tá Ngân khố rồi mới đậu ú tài, chuyển qua (bằng một kỳ thi ?) Tham tá Lục sự Tòa án Tây. Vậy thời kỳ có Hàn lâm viện Kiểm thảo, ông chưa sang ngạch Tây. Về sau không rõ ông còn « tiến » tới đâu, vì ta vẫn thấy nhiều người theo ngạch Tây mà vẫn đòi sang hàm *đương* được là khác.

Dù sao, xét lại, ông Long lúc trẻ cũng đã nặng với việc thăng quan tiến chức : mới ra đời năm 1924 với bằng Trung học mà đến 1930 đã lên tới được phẩm trật ấy thì cũng là hạng tích cực lắm !

Có một điều các bạn trẻ sẽ lầm lẫn tưởng ông Nguyễn Tường Long tự đứng ra xin các sắc ban phẩm hàm này. Cũng có thể như thế, nếu ông muốn mau mau ăn trên, ngồi trước ; nhưng tôi không có chứng tích gì để quyết đoán. Vậy chỉ có thể hiểu theo

lối thông thường : Ông đã được thưởng phẩm hàm tương đương theo ngạch trật, thâm niên. Thời Pháp thuộc, triều đình Huế không có quyền hạn gì đối với Bắc-kỳ, nhưng nhà vua vẫn còn một cái quyền tối thượng là ban sắc cho người vắng mặt (thần hoàng hay lương tướng, lương thần) và các công chức phục vụ cho chính quyền Pháp. Ngay trong Nam, tuy không còn chịu quyền hạn gì về tinh thần mà đối với những công chức người miền Trung vào phục vụ trong đó, triều đình Huế cũng gọi sắc cho họ. Đã có lần Bửu Đình, tác giả những tiểu thuyết *Cậu Tám Lọ, Mảnh trăng thu*, nhà văn có tư tưởng dân chủ mới mẻ và tiếng tăm thời đó (1) phục vụ ở sở Bưu-điện, được Nam triều gọi một cái sắc phong Hàn lâm, liền gọi nguyên như thế trong ống trả lại cho triều đình. Ông Nguyễn Tường Long không gọi trả, ông cũng không xem thường tước phẩm mà còn *đề nó lên trên họ tên mình* tỏ ra ông cũng không quá lãnh đạm với công danh như chúng ta vẫn tưởng. Và chẳng vào thời ấy, mà còn về *bái yết văn thánh*, lại tặng bức hoành quí báu chữ thép vàng khá đắt tiền thì không chỉ lòng công danh chưa phai, tình yêu quê cha đất cũ còn sâu đậm, mà nhất định đối với *Khổng giáo*, ông còn mang nặng một tinh thần tôn kính *thiên liêng* ! Không phải người nào có Tây học cũng hành động như ông đâu !

(1) Về sau, hình như Bửu Đình (hay BD) chết ở Côn Lôn. Sách báo bây giờ ít nhắc tên ông cũng là một bất công văn học.

Điều này cũng dễ hiểu và thuộc vào một chặng đường của anh em Hoàng Đạo — Nhất Linh. Nguyễn Tường Tam, vào những năm trước 1930, đã chẳng sản xuất toàn là tác phẩm đề cao Nho-giáo đó sao? Các sách ấy hôm nay vẫn còn tái bản: *Nho Phong* (1926: truy. n dài), *Người quay tơ* (1927: tập truyện ngắn). Những truyện này, nay vẫn gọi là *tiểu thuyết lý tưởng*, còn mang nặng dấu vết yêu Nho-giáo, trọng nhà Nho, có cảm tình mật thiết với đời sống «thôn dã». Một vài truyện ngắn trong tập *Người quay tơ* gọn gàng, sắc bén và hùng tráng đã báo trước một tài năng khác hẳn cái tài năng biểu lộ trong *Đôi bạn*, *Bướm trắng* sau này.

Như thế, nghiên cứu Tự Lực Văn Đoàn và riêng Hoàng Đạo, Nhất Linh, đây là chặng đường không thể quên được: thời kỳ trước 1932, hai ông đều còn chịu ảnh hưởng sâu đậm Nho-giáo, nặng tình quê hương: Không chỉ Nguyễn Tường Long mà Nguyễn Tường Tam, trước khi sang Pháp và sau khi ở Pháp về, đều có ghé lại thăm nhà thờ ở Cẩm Phô, gắn chặt tình thân yêu với những thân nhân ở đây. Và riêng bà Nhất Linh thì mối liên quan ấy sẽ bền vững lâu dài cả khi ông Tam còn sống lẫn khi ông đã chết...

oOo

Nhân nói chuyện Hoàng Đạo, Nhất Linh, tôi lại không khỏi mỉm cười về những trớ trêu của Văn-ngệ và cuộc đời và phải chăng, do đó, ta có

thể khám phá ra những phản ứng đặc biệt của nhà văn còn ghi dấu vết sâu xa trong tác phẩm mình?

Tôi muốn nói tới các *truyện* của Nhất Linh và Hoàng Đạo khi bàn tới chính truyện của đời các ông. Năm 1930, Nguyễn Tường Tam sang du học Pháp về thì ông hoàn toàn thay đổi tư tưởng, tình cảm, xu hướng và chắc là do đó đã lôi kéo Nguyễn Tường Long theo mình. Ta sẽ thấy các anh em Nguyễn Tường «từ tôi phút trước sang tôi phút này» đã là kẻ khác Nghĩa là họ «theo mới, hoàn toàn theo mới» không chút do dự.

Họ viết báo, viết tiểu thuyết. Hoàng Đạo nổi tiếng vì các bài báo, tài trào phúng, bút chiến, một thời làm mưa gió ở Hà nội. Còn Nhất Linh nổi tiếng vì những tiểu thuyết mới lạ, gây những xúc động sâu xa mãnh liệt, tựa hồ làm lung lay cả nếp sống, nếp suy tư của những người tiểu tư sản thành thị và những người theo Tây học. Nhưng chỉ đến 1936 thì khả năng thu hút của nhóm Phong Hóa, Ngày Nay bắt đầu yếu hoặc phải nhường chỗ hoạt động cho các tư tưởng mới khác, không còn cảnh «một mình một chợ» nữa.

Nhưng đó lại là những chuyện không mấy quan hệ tới bài này, ngoại trừ phần *theo mới* của các tác giả ấy nhìn qua những tác phẩm của các ông.

Cái điểm đáng quan tâm là ở chỗ này:

Hoàng Đạo sang năm 1933 thì

cưới vợ. Ông cưới một cô gái con một gia đình giàu có, kinh doanh lớn (và nay gia đình bà Hoàng Đạo vẫn có sự nghiệp lớn ở Saigon). Về cuộc hôn nhân này, Thế Uyên, trong tập *Văn Tướng* niệm Hoàng Đạo (1968) có ghi sơ lược — vì chính ông cũng không biết rõ — « Theo bà (nợ tác giả) người anh cả và người thứ tư về phương diện lập gia đình, giống nhau ở một điểm: lấy các thiếu nữ có học thức Tây-phương và thuộc các gia đình giàu có, những cô Hảo mà Thạch-Lam đã mô tả trong truyện dài *Ngày-Mới*. Về người anh thứ tư là Hoàng Đạo, mọi sự bắt đầu vào một ngày nào đó khi bà tôi xét thấy cần phải lập gia đình. Qua mai mối, bà tôi tiếp xúc với gia đình trưởng giả điển hình đương thời. Sau vài buổi thăm viếng theo tục lệ, Hoàng Đạo được khuyến cáo tới coi mặt thiếu nữ. Ông tới và gặp trực tiếp. Đến đây bắt đầu có trục trặc nhỏ; bà tôi không muốn nữa vì hai lý do: gia đình bên đó, bên này không hợp nhau và thiếu nữ có sức khỏe mong manh. Nhưng Hoàng Đạo cương quyết lấy, bởi vì sau những lần gặp gỡ riêng, một tình yêu đã nảy nở và hình thành. Dĩ nhiên bà tôi nhượng bộ và cuộc tình duyên được kết liễu tốt đẹp. Mẹ tôi không nói và tôi cũng không tiện hỏi Hoàng Đạo sung sướng nhiều ít thế nào khi gia nhập một gia đình có nền nếp khá dị biệt với tư tưởng xã hội lúc đó đã manh nha trong ông. Mẹ tôi chỉ nói ông có đặc điểm là rất cương quyết trong các vấn đề liên

quan tới đại gia đình, dẹp bỏ thẳng thắn và công bằng những bất đồng của đàn bà muôn thuở. Nhưng bấy nhiêu vẫn chưa giải quyết được vấn đề: Làm sao một người sống trong một nếp sống như vậy lại có thể tư tưởng và hành động như thế kia ».

Thế Uyên cho là Hoàng Đạo, « một con người viết văn tư tưởng cấp tiến tả khuynh và cũng là một lãnh tụ cách mạng » mà tại sao lấy vợ như thế, sống đời sống trưởng giả như thế.

Cũng có một số người như nhà văn trẻ Thế Uyên, không công nhận Tự Lực Văn Đoàn là lớp nhà văn *cúi mình xuống với bình dân* mà vẫn yên trí họ cũng ở tầng lớp nghèo khổ xuất thân rồi gặp vận may, có chỗ đứng trong xã hội. Thật ra, anh em ông Nguyễn Tường Tam có thể đã phải trải qua một thời nghèo khổ vì ông Nguyễn Tường Nhu chết sớm (khoảng 1918, nghĩa là khi Nhất Linh mới 14 tuổi và Hoàng Đạo 12 tuổi), nhưng ta đừng quên cả một dọc dài các ông quan lớn trong đại gia đình kia mà nề nếp, tính chất, thói quen còn nguyên vẹn đó. Bà nội, một bà *Phủ*, mẹ, một bà *Thông phán* còn sống đề nhắc nhở cả một quá khứ chưa bao giờ mất hẳn. Rồi lớn lên, anh diu em, em diu anh, cả gia đình ấy đều chóng thành đạt. Hoàng Đạo mới hai mươi tuổi đã nghiêm nhiên là một *quan Tham-tá Ngân-khố Hà-nội* và hai mươi lăm tuổi đã là một *quan* nghề «Hàn lâm viện Kiểm thảo» rồi. Thế thì lấy vợ giàu, trưởng giả, chỉ là sự thông gia của *phú* và *quí*,

nhưng bản thân Hoàng Đạo dù không giàu, ông cũng đã được lãnh lương ngạch Pháp, cao nhất trong các ngành trung cấp thời bấy giờ. Đời sống của ông, không cần hồi-môn vợ, cũng đã có «gia đình của cái thế giới cửa cao đóng kín, chó béc-giê sữa vang, xe hơi bóng lộn, người làm khinh khỉnh» (Thế Uyên bdd) rồi.

Nhưng Hoàng Đạo có là *tả khuynh* như Thế Uyên viết không? Hoàng Đạo thường chỉ chống các bất công trong xã hội và binh vực những người kém thế hoặc các hạng nhân dân sống sau lũy tre xanh, nơi bùn lầy nước đọng. Nhưng ông là người cấp tiến mà không thể gọi là *tả khuynh*, nếu hiểu là *Chiến-sĩ Xã-hội* (Socialiste). Không có lúc nào ông đặt vấn đề vô sản làm căn bản của thợ thuyền, nông dân, mà đặc biệt cái cách ruộng đất là chính, là chủ chốt của khuynh hướng này, xét về phương diện nông thôn. Tư tưởng ông biểu lộ rất rõ ràng qua tập *Con đường sáng*. Tôi đã phê bình quyền tiểu thuyết ấy, nhận xét về tư tưởng hành vi của nhân vật trong tập *Vấn tưởng niệm* nói trên. Quyền *Con đường sáng* biểu lộ rất đúng chỉ hướng ông trong khuôn khổ gia đình vợ ông : hạng tư-sản đang cúi mình xuống tầng lớp nghèo ; nhưng những cái cách của họ còn thô sơ hơn nhiều Tây chủ đồn điền đối với cu ly Việt-Nam và dân Việt-Nam đã có thái độ nào đối với các ông Tây đồn điền tiến-bộ đó ! Chúng ta quá biết.

Nhưng bài này không vụ về vấn đề cao xa nào. Tôi chỉ muốn trình bày cái điểm khá gọi là *tréo-căng-ngổng* này : Những nhân vật phái yếu trong các tiểu thuyết của Hoàng Đạo Nhất Linh có phải là những phản ứng của chính đời sống tình cảm các ông không ?

Hoàng Đạo có đời sống đó, có vợ con, gia đình như thế thì lại tạo ra *cô Thơ*, (1) một cô gái trong trắng, dản dị, sống nơi thôn dã, chỉ thích làm những hành vi nhân đức. Thật hoàn toàn trái ngược với *cô Thơ* của ông đang ôm ấp. Hai con người, hai cuộc đời, hai quan niệm và người này trong thực tế chỉ đáp ứng được những tham vọng « thực tế » của ông mà chắc không đáp ứng tham vọng, nhu cầu tình cảm của ông chẳng ? Như tôi đã trình bày, Hoàng Đạo lúc trẻ dù khí khái mà thật đầy tham vọng về quan tước, địa vị cũng như tình duyên. Làm Tham tá Ngân khố chưa đủ, được Hàn lâm viện Kiểm thảo chưa bằng lòng, ông còn muốn ngoi lên một bậc cao sang hơn nữa : đậu Tú tài, làm Tham tá Lục sự Tòa án Tây. Rồi cưới vợ, ông lại cưới người vào hạng giàu có tiếng tăm, cô gái theo học chữ Pháp... Nhưng trong thâm tâm, trong đáy tình cảm, ông lại yêu quê hương, cụ thể quê cha đất tổ, yêu Nho giáo... Cho nên, phải chăng tạo ra *Thơ* là một phản ứng của tâm hồn phức tạp mà các tiện nghi vật chất, Tây phương không đủ lấp kín các tham vọng, phải mở đường,

(1) Tiểu thuyết *Con đường sáng*.

rẽ lối... Thơ, cô con gái của dĩ vãng, hiện thân xinh đẹp và đậm thắm của đồng quê đã hiện ra để vuốt ve, mơn trớn và gây cho ông cái ảo tưởng chưa hề quên dĩ vãng, chưa tách rời cuộc sống nông thôn mà ông từng trải qua suốt thiếu thời và có lẽ đã có lúc lòng tự hứa lòng sẽ đem tâm sức ra hoạt động để cải tạo, dặt dìu... Hóa cho nên, có nhà cửa sang trọng ở thị thành, ông mơ ước một đồn điền hẻo lánh, ngồi trong ô-tô, ông tưởng tượng cỡi ngựa qua các xóm, các đồi; có cô vợ yếu đuối, học thức Tây phương, ông tưởng tượng ra thiếu nữ lành mạnh, chỉ được hưởng nền giáo dục đơn sơ, còn gắn liền với đất nước, với đồng quê, với đồng bào, với cái nghèo nàn cơ cực của bao nhiêu sinh linh... với tất cả những ai mà cuộc sống hiện tại của ông chỉ mỗi ngày một khiến ông xa cách... dù ông vẫn không thôi dùng ngòi bút bênh vực họ.

Trong cuộc đời thực tế, Cầm Phô, từ ngày Hoàng Đạo có vợ rồi, không bao giờ còn cơ hội gặp lại ông hay vợ ông nữa... Nhưng tấm hoành với ba chữ « Văn Thánh Miếu » vẫn còn đó, nhắc nhở tư tưởng, tình cảm ông một độ nào.

oOo

Trong khi đó, Nhất Linh lại tìm tới những cô gái khác biệt hẳn. Những cô gái của Nhất Linh đều có học Tây phương, tiêm nhiễm sâu sa lối sống Tây phương, dù là Loan, Nhung hay Thu... Điều này là do nền giáo dục Nhất Linh đã hấp thụ

ở Pháp mấy năm hay cũng chỉ lại là một phản ứng của chính đời sống gia đình ông? Có thể là cái này, cái kia mà có thể cả đôi. Nhưng trong cùng tận đáy tình cảm, hình như Nhất Linh tạo ra những người kia là cốt để đáp ứng những thiếu thốn mà chính ông đã gặp phải ngay trong ước vọng riêng tư. Ở đây, tôi chỉ muốn trình bày một trái ngược, một nghịch thường của tinh thần sáng tạo. Nhưng tôi cũng đồng thời thử tìm hiểu một tâm lý sáng tác.

Nếu bà Hoàng Đạo là một cô gái mới thì bà Nhất Linh, trái lại, thuộc thế hệ cũ, mặc dầu Nhất Linh chỉ hơn Hoàng Đạo vài tuổi.

Bà hình như cũng gốc người Trung (?) còn giữ nguyên bộ răng đen, còn sống cuộc đời giản dị của một thương nhân. Thật vậy, bà theo dì, có nghề buôn cau. Không rõ vì lẽ gì. Chỉ biết là nghề này có mối quan hệ rất mật thiết với tỉnh Quảng Nam, nơi sản xuất nhiều cau ngon và vẫn chở *ghe bầu* ra bán ở Bắc. Đó cũng lại thêm một lý do để bà liên lạc thường xuyên với bà con ở quê cha đất tổ của chồng. Có thể nói bà là hình ảnh hoàn toàn trái ngược những nhân vật giới nữ của Nhất Linh, những người ham theo mới, thích cuộc đời hoạt động theo mới, vượt lên trên tất cả những gì là phong tục, lễ giáo cò truyền. Người biết chuyện bảo là Nhất Linh có sự nghiệp dù văn học, dù chính trị, cũng phân nửa là công của bà vợ. Đó là một thứ bà Trần Tế Xương của thời Pháp học, tuy ông Nhất Linh

chưa bao giờ liễu lĩnh, sống cực khổ như nhà thơ trào phúng họ Trần. Bà hy sinh rất nhiều cho chồng, người chồng bà lấy lúc ông đỗ Tú tài rồi từ đó hết sang Pháp học lại theo đuổi sự nghiệp văn chương, cách mạng. Nhất Linh khi cần tiền, có khi khá nhiều, lại quay về nhà:

— Mơ có tiền không, cho tôi mượn một ít.

— Đấy tiền để trong cái ô đồng, cậu lấy bao nhiêu thì lấy.

Bà đưa chìa khóa, ông trái mù-xoa ra, có bao nhiêu, trút cả vào rồi cột mù-xoa lại, lạng lẽ ra đi.

Bà vợ chỉ cười, nhìn theo...

Người đàn bà có bộ răng đen, buôn cau, với phong thái đó rõ ràng là một người của Đạo Nho, của xã hội cũ, gần như trái ngược hẳn những nhân vật khác mà chúng ta quen biết quá nhiều thuở thanh niên. Nay, cô Loan dám đá cái hỏa lò khi vào lễ gia tiên nhà chồng, hay cãi lại mẹ chồng và dẫn tới cảnh đoạn tuyệt gia đình chồng; này cô Nhung (Lạnh lùng) người đàn bà đúng như câu ca dao thô thiển thường chê trách:

Chồng chết chưa kịp mãn tang

Cái... nhóp nhép như mang cá mè.

Cô Thu trong bướm trắng, có thể nói là hình ảnh đẹp nhất của một tân nhân vật đã có vào thời đó, ít ra về phương diện gọi cho thanh niên yêu đương, mơ mộng... Tất cả đều mới từ trong nếp cảm nghĩ đến hành động, những hành động mà người lớp cũ cho là táo bạo, dâm loạn,

điên rồ...

Họ có giống gì với bà Nhất Linh bằng xương, bằng thịt đâu. Trái lại một cách sâu xa. Như thế chính Nhất Linh lật ngược lại tất cả những gì là hạnh phúc riêng tư để tìm thấy khởi phát từ đó cái mà ông gọi là mới, là mơ mộng, là yêu đương...

Phải chăng đó là những nhân vật ông thành thật tạo ra để tiêu biểu cho lý tưởng đời mới của ông hay những phản ứng của một đời sống lứa đôi ông chưa toại ý và những ăn ức ấy đã tìm cơ hội thực hiện trên giấy trắng bằng những Loan, Thu...

oOo

Dù sao, những nhân vật mới của Nhất Linh cũng chỉ lôi cuốn được người ta mà không thuyết phục được thực tế. Vì cái mới Nhất Linh tạo ra đã bị chính đời sống cũ của bà Nhất Linh nghi ngờ hay phủ nhận. Vì cái mới ấy chỉ là của một số người ít ỏi, không sản xuất, không tiêu biểu cho quảng đại quần chúng đang tiến dần về cái mới đứng đắn lấy cần lao làm căn bản, như chính cuộc đời bà Nhất Linh hé cho chúng ta thấy một phần chân lý. Và tôi tin ông Nhất Linh rất cuộc cũng phải hiểu tại sao những nhân vật không-có-chỗ-đứng-trong-một-xã-hội-tiến-bộ-đích-thật, do ông tạo ra, đã không giúp chút gì cho ông trên bước đường hành động để thực hiện giấc mơ Duy tân, Cách mạng của mình. Cũng như những nhân vật liên minh của Hoàng Đạo—Duy trong *Con đường sáng*—đã là ai trong xã hội mới này. Tôi đã phê bình và

chỉ mặt bọn họ khá kỹ trong tạp chí Tuổi trẻ niệm Hoàng-Đạo (Văn 1968), xin khỏi nhắc lại. Chỉ nhắc lại cô Thơ, «con người (...) cho đến sự hiện diện của cô bao giờ cũng phảng phất dĩ vãng. Duy yêu cô gần như một sự bám víu vào dĩ vãng, khoảng đời sống mà chàng gần như không bao giờ quên, nơi chàng mơ ước về tất cả những gì là trong trắng, đẹp đẽ mà chàng đã mất trong hiện tại. Hoàn toàn mất! Thơ tiếp tục những hành vi nhân đức khi lấy chồng... » (Phê bình Con đường sáng, Sđd trg 96). Duy hay chính Hoàng Đạo đã thất vọng vì đường công danh, lao đầu vào tầng lớp trưởng giả. Chắc ông đã có nhiều ảo tưởng về hạng người này và nhất là đối với các tiểu thư có học thức Tây phương. Nhưng rồi ông cũng lại thất vọng, phải tìm ra một lối thoát: Trở về với những thiếu nữ nông thôn mà ông đã từng quen biết, từng yêu chuộng, xem như tiêu biểu cho

trong trắng nhân từ...

Họ có giúp ông giải quyết được cái gì không? Chắc hẳn cũng lại không nữa vì những cô Thơ ấy chỉ là món trang sức cho tình nhân đạo mà không bao giờ là nhân đạo!

Và ngày nay, từ Saigon đến các tỉnh lỵ khác, có bao giờ và có nơi nào thiếu những chàng Dũng, chàng Duy áo mũ xanh xang bên cạnh những nàng-Thơ-phu-nhân chuyên bày trò «hành vi nhân đức», mặt còn mang đầy dĩ vãng nông thôn!

oOo

Ngoài lý do chính trị, thiết tưởng nhà văn Nhất Linh cũng còn nhiều ẽ khác đề xa lánh cuộc đời: Xa lánh chính những nhân vật ông lỡ tay tạo ra một thuở nào...

Dù ông đã dám chết một cái chết đẹp như người trong lịch sử.

NGUYỄN VĂN XUÂN

Đã phát hành toàn quốc :

ĐỐT XÁC

Truyện dài ; Tác phẩm thứ ba của BÙI KIM ĐÌNH

— Tiếng thở dài bi thương của quê hương, làng xóm, ruộng đồng, quần quai triền miên trong khói lửa.

— Niềm u-uất khôn nguôi của những ước mơ nhỏ bé tan vỡ nghẹn ngào trong chiến tranh.

— Nỗi xót xa tủi nhục của tình người, tình mẹ, tình anh em, chồng vợ, bạn bè dậy lên từ những nghịch cảnh của 25 năm chinh chiến từng ngày.

HUYỀN TRẦN xuất bản

Giá 200đ.

קולנוע

A votre service

tous les services de la

**BANQUE
NATIONALE
DE PARIS**

Nữ văn-hào Pearl Buck

*một cây bút Tây phương phục vụ cho
đạo lý Đông phương*



Pearl Buck

Pearl Buck là người đầu tiên phá vỡ huyền thoại của Kipling cho rằng Đông phương và Tây phương là hai thế giới khác nhau và không bao giờ gặp nhau. Pearl Buck đã đem tài năng và nghị lực của mình để chứng minh rằng dưới bộ mặt tưởng như lạnh lùng, người dân Trung-hoa nói riêng và người phương Đông nói chung, vẫn là những người có tình cảm, có trái tim biết rung động chẳng khác gì những người phương Tây. Hơn thế nữa, Pearl Buck còn cố gắng đề cao đạo đức Á Đông và ca tụng triết lý Đông phương. Không những phục vụ đạo

Ngày 6-3-1973 nữ văn hào Mỹ, Pearl Buck, đã từ trần tại Danby (Vermont) hưởng thọ 81 tuổi. Từ trên nửa thế kỷ vừa qua, Pearl Buck đã hoạt động không ngừng để bắc một nhịp cầu thông cảm giữa một thế-giới Đông phương huyền bí và một thế-giới Tây phương cởi mở. Là một phụ nữ Mỹ, nhưng lại có một tâm-hồn Á-Đông, Pearl Buck, hơn ai hết, đã cảm thông được tính tình của người phương Đông, và đã dùng ngòi bút của mình thể hiện những tính tình này trong các tác phẩm của bà để giới thiệu với độc giả phương Tây.

đức Đông phương qua ngòi bút, Pearl Buck còn dồn mọi vốn liếng riêng tư vào các tổ chức bảo-trợ trẻ em lai Mỹ ở Á Đông nữa.

Cuộc đời của nữ văn-hào Pearl Buck là cuộc đời của một người mẹ, một người vợ bình dị, là cuộc đời của một bà giáo nghiêm trang mà dịu hiền. Nhưng không vì thế mà tiếng tăm bà không vang dội khắp hoàn cầu. Văn của bà tuy có nhiều khiếm khuyết về kỹ thuật mà vẫn được cả thế giới ưa chuộng. Phải chăng vì văn của bà trước hết nhằm phục vụ một đạo lý và đời của bà nhằm gây dựng tình thương cho nhân loại.

NHỊP CẦU THÔNG CẢM ĐÔNG TÂY

Nữ văn hào Pearl Buck, nữ danh là Pearl Sydenstricker sinh ngày 6-5-1892 tại Hillsboro thuộc tiểu-bang Tây Virginia, nơi sản xuất thuốc lá nổi tiếng. Gia đình Sydenstricker gốc Hòa-lan sang Hoa-kỳ lập nghiệp từ lâu. Cha của Pearl là một nhà truyền-giáo đã đưa vợ sang Trung-hoa để « khai hóa » dân tộc này. Khi bà Sydenstricker có mang Pearl được ít lâu thì ông Sydenstricker, quá vất vả trong cuộc đời của một giáo-sĩ phục vụ ở một vùng đất xa xôi, đã quyết định đưa vợ về sanh nở tại Hoa-kỳ, « văn minh hơn nên có nhiều bác-sĩ hơn ». Vì vậy mà Pearl không được ra chào đời tại vùng đất mà về sau cô yêu quý đến độ trở lại sống trên 40 năm tại nơi này.

Pearl ra đời được 5 tháng thì ông bà Sydenstricker trở lại Trung-hoa để tiếp nối công cuộc truyền giáo. Như vậy tuy không sinh ra trên đất Trung-hoa nhưng Pearl đã được an ủi một phần nào, vì cô bé tóc đen mắt xanh này cũng đã « lớn lên » trên lãnh-thổ đế-quốc của nhà Mãn-Thanh.

Pearl sống tuổi ấu thơ trong khung cảnh êm đềm của một nước Trung-hoa chưa tỉnh giấc mộng Thiên triều. Nhà cô xây trên một ngọn đồi xanh, bát ngát cỏ hoa, soi bóng trên dòng sông Dương-tử. Tuy có trú ngụ tại phía Bắc thành-phố Thượng-hải bị chia năm sẻ bảy thành những nhượng-địa Âu-châu, nhưng đời

sống của cô vẫn còn đầy hương vị Trung-hoa cổ kính. Tuổi xanh của Pearl đã trôi qua giữa khung cảnh thiên nhiên trong lành, bên cạnh người nông dân Trung-hoa thực thà chất phác. Đến tuổi đi học thì cha của Pearl lại đưa cô tới thụ giáo một ông đồ già tên là Kung để học chữ Tàu.

Ngày ngày ngâm nga những câu chữ Hán bên cạnh ông Kung, lại được chị bếp người Tàu thủ thi chỉ dẫn cho nếp sống thông thường của người dân địa phương, nên văn-minh Trung Hoa đã in những nét sâu đậm vào tâm hồn cô gái Tây phương đa cảm.

Năm Pearl 13 tuổi thì ông thầy Tàu bị chứng bệnh dịch tả, đột ngột qua đời. Cha cô đưa cô vào một trường Tin-lành ở Thượng-hải. Và Thượng-hải là một đô-thị lớn nên Pearl đã có một cuộc sống khác hẳn ngày trước. Cô không còn được tung tăng sống gần gũi những người nông dân Trung-hoa yên phận và bình thản nữa. Trái lại, tại nơi đây, cô đã phải chứng kiến những cảnh bất công của một xã-hội Trung-hoa phong-kiến. Cô đã thấy những phụ-nữ Trung-hoa, thuộc giai cấp thượng lưu, phải bó chân từ khi còn nhỏ tuổi để lúc lớn lên, mỗi khi bước đi phải có hai người dìu hai bên. Cô đã thấy những em gái nhỏ, con nhà nghèo, bị bán cho nhà giàu để phải khép mình trong kiếp tôi đòi.

Nhưng xã-hội Trung-hoa, với ưu-khuyết-điểm của nó, đã lôi cuốn tâm-hồn Pearl. Cô biết nói tiếng

Trung-hoa trước khi nói tiếng Anh. Cô quen thuộc nếp sống Trung-hoa và yêu mến xã-hội Trung-hoa đến nỗi trở thành xa lạ giữa xã-hội của nước mình sau này.

Năm 1909, khi Pearl vừa được 17 tuổi thì song thân gửi cô về Hoa-kỳ để theo học bậc Đại-học. Giữa một xã hội văn minh vật chất càng ngày càng mất nhân tính, Pearl chỉ mong ngóng trở lại đất Trung-hoa.

Khi vừa tốt-nghiệp bậc Đại-học Pearl đã vội vã trở lại sống ở Bắc-kinh. Năm 1917, lịch sử Trung-hoa trải qua một giai đoạn vô cùng rối ren. Tại Quảng-đông, một chính-phủ Nam Hoa do Tôn-Trung-Sơn cầm đầu và tại Bắc-kinh một chính phủ Bắc Hoa nằm trong tay một nhóm quân-phiệt đảo chính liên miên, chia nhau cai trị lãnh thổ Trung quốc. Nhưng cũng vào năm này Pearl đã gặp được người bạn đời là John Lessing Buck. John là một chàng kỹ-sư canh-nông có lý tưởng và rất mộ đạo. Pearl và John đã gặp nhau tại Tòa Đại-sứ Hoa-kỳ ở Bắc-kinh và tình yêu đã nảy nở trong khi cùng hoạt-động truyền giáo Tin-lành John Buck không ngờ rằng khi kết hôn với Pearl tên của anh ta lại trở thành "bất tử". Vì từ năm 1920 trở đi, Pearl Sydenstricker, giờ đây trở thành Pearl Buck, đã dẫn mình vào cuộc đời văn nghiệp. Năm 1923 bài báo của Pearl Buck xuất hiện lần đầu tiên trên một tạp chí Mỹ. Năm 1930 thì cuốn tiểu thuyết đầu tay của bà ra đời lấy tên là « *Gió Đông-Gió Tây* » (East wind, West wind). Năm 1931

cuốn « *Đất lành* » (Good earth) ra đời và được toàn thể thế giới nồng nhiệt đón nhận. Năm 1932 Pearl Buck đoạt giải thưởng Pulitzer là một giải thưởng Văn chương lớn nhất của Hoa-kỳ.

Sau đó liên tiếp cuốn « *Những người con trai Vương Long* » (Sons) ra đời năm 1932, cuốn « *Lòng mẹ* » (The Mother) năm 1934. « *Một gia-đình ly tán* » (A house divided) 1935, cuốn « *Kẻ lưu đầy* » (The Exile) và cuốn « *Thiên thần chiến đấu* » (Fighting Angel) năm 1936. Những cuốn sách này đều có ngoại-cảnh là đất Trung-hoa. Ngoài các cuốn tiểu thuyết về đời sống người Trung-hoa bà còn sáng tác cuốn « *This Proud Heart* » để kể một chuyện bên Mỹ và dịch một tiểu thuyết trường thiên Tàu sang Anh-ngữ.

Vì vậy mà trong khoảng có 8 năm trời Pearl Buck đã có một công trình văn chương hết sức lớn lao. Năm 1938, khi bà được 46 tuổi, Hàn-lâm-viện Thụy-điển quyết định trao cho bà giải thưởng Nobel về Văn chương. Pearl Buck đã là người đàn bà Mỹ đầu tiên đoạt giải Nobel về Văn chương và là người Mỹ thứ ba đoạt giải này, sau Sinclair Lewis năm 1930 và Eugene O'Neill năm 1936.

Dân tộc Mỹ rất lấy làm hãnh diện. Vì Sinclair Lewis cùng Eugene O'Neill đã khiến cho thế giới phải thừa nhận nền văn chương còn mới mẻ của Hoa-kỳ và Pearl Buck đã củng cố địa vị của Hoa-kỳ trên văn đàn thế giới. Tuy nhiên các nhà văn trên thế giới, kể cả các nhà văn Mỹ, cũng đều ngạc

nhiên không hiểu tại sao Pearl Buck lại được chọn đề trao giải Nobel Văn chương. Theo tiêu chuẩn của Cơ sở Nobel thì giải thưởng phải được trao cho những nhân vật đã làm lợi ích nhất cho nhân loại trong các lãnh vực Vật-lý, Hóa-học, Y-khoa và Văn-chương.

Riêng về giải Văn chương thì Hàn-lâm-viện Thụy-điền ấn định 2 tiêu chuẩn là thâm mỹ và đạo lý. Về phương diện thâm mỹ thì tuy lời văn của Pearl Buck sáng sủa nhẹ nhàng nhưng tư tưởng của bà không có gì mới lạ để người ta có thể coi bà là một người đi tiên phong trong một hệ-thống tư-tưởng mới của con người. Các tiểu thuyết của bà chỉ mô tả cảnh sống bình dị của người dân Trung-hoa với tất cả những tình tiết không lấy gì làm éo le, gay cấn. Nhưng người ta lựa chọn bà vì khía cạnh đạo-đức của các tiểu

thuyết mà bà đã viết. Hơn nữa lối hành văn tươi vui cũng như cốt truyện luôn luôn tốt đẹp của bà đã có tác dụng trấn an và xoa dịu độc giả vào lúc mà cả thế-giới đang bị mất tinh thần sau cuộc khủng-hoảng kinh-tế năm 1929 và đang lo lắng trước những đe dọa chiến tranh có thể bùng nổ vào bất cứ lúc nào.

Không những trấn an độc giả Pearl Buck lại còn cố gắng bắc một nhịp cầu thông cảm giữa Đông phương và Tây phương. Nhờ có các tiểu thuyết của bà mà người Tây phương hiểu rõ được người Đông phương hơn. Bằng ngòi bút chân thành của mình tác giả «Đất lành» đã cố gắng đề cao đạo đức Đông phương để nền đạo đức này có dịp vượt biên giới Trung-hoa và Á-châu mà sang tới Âu Mỹ để «khai hóa» lại người da trắng!

II) NGỌN BÚT TÂY PHƯƠNG ĐỀ CAO ĐẠO LÝ ĐÔNG PHƯƠNG

Thiên-tài của Pearl Buck được này sinh trong những điều kiện hết sức bình thường nếu không nói là tầm thường. Thật vậy, khi gặp anh kỹ sư canh nông trẻ tuổi, đẹp trai, John Lessing Buck, Pearl Sydentricker không có hoài bão nào khác hơn là lập một tổ ấm để sống êm đềm trong vùng thung lũng sông Dương-tử.

Nhưng John Buck đã không đáp ứng với hoài vọng này. John là một kỹ sư thuộc tôn giáo Tin-lành Presbyterian như Pearl, nhưng chàng ta không thâm cảm đạo lý Đông

phương như vợ và do đó tính tình lại phù hợp với cha vợ hơn! Tuy không là giáo-sĩ nhưng John hăng hái giúp ông nhạc truyền bá đạo Tin-lành «khai hóa» dân chúng Trung hoa, trong khi Pearl lại muốn truyền bá lý thuyết Khổng Mạnh để soi sáng cho người Mỹ. Sự bất đồng ý kiến này đã manh nha ngay từ khi hai người mới lập gia đình.

Ngoài công việc truyền đạo Tin-lành, John Buck còn hăng say không kém trong việc phổ biến kỹ thuật canh tác tân tiến cho người Trung

quốc. Vì vậy mà người ta đã gán cho chàng cái biệt hiệu là «Giáo sĩ canh nông». Tuy nhiên Pearl vẫn cố gắng chịu đựng mỗi bất hòa mỗi ngày một tăng trong gia đình. Pearl và John đã sống với nhau trong 18 năm trời, tính tình xung khắc. Pearl Buck đã từng nói : «Tôi đã lấy ảnh vì cái mã ngoài. Người nào đã thử sống với một cái mã bảnh trai mới biết cảnh ngộ tôi».

Khi Pearl sinh được cô gái đầu lòng, Carol, bà đã tưởng gia đình trở lại đầm ấm hơn. Nào ngờ Carol có lớn mà không có khôn. Cô bị bệnh chậm tiến về tinh thần nên tuy lớn xác mà đầu óc vẫn không mở mang thêm được chút nào. Hơn nữa Pearl lại không thể có con được nữa nên bà đã vô cùng đau khổ. Nhưng lúc đó bà thường hướng vào chồng để có một cột trụ tinh thần mà nương tựa. Nhưng chàng John cả ngày chỉ chạy theo việc truyền giáo và mở mang canh nông bỏ mặc cho vợ xoay sở chuyện nhà. Gia đình lại càng thêm lúng củng khi John qui lỗi cho vợ là đã không sinh đẻ được thêm nữa. Để có tiền chữa bệnh cho con gái, Pearl đành phải ký một hợp đồng với nhà xuất bản John Day. Theo hợp đồng này bà phải sáng tác càng nhiều càng tốt.

Vì sản xuất quá nhiều nên lối hành văn của bà nhiều khi buông thả, không được chau chuốt. Nhưng các nhà bình luận cũng như Hàn-lâm-viện Thụy-điền đều nhận thấy rằng ưu điểm của bà không phải ở lối

hành văn mà ở cốt truyện. Chính bà cũng vậy, bà chỉ dùng hình thức tiểu thuyết để truyền đạt tư tưởng tới độc giả. Ngay từ khi còn nhỏ theo truyền thống văn chương Trung quốc Pearl Buck thường có một thái độ khinh miệt đối với tiểu thuyết. Ông thầy Trung-hoa của bà đã luôn luôn nói với bà rằng một văn-hào không bao giờ hạ mình viết tiểu thuyết cả. Vì vậy mà khi giảng huấn tại Trường Huấn luyện ký giả tại Columbia bà đã nói : «Tôi không cho việc viết và đọc tiểu thuyết là một điều cần thiết. Tại Trung-hoa có hàng triệu người sống một cách sung sướng và thông minh mà không cần đọc tiểu thuyết.»

Vì vậy mà khi đọc văn Pearl Buck người ta không mấy chú trọng tới khía cạnh văn chương và chỉ đề ý tới «thông điệp» mà tác giả muốn gửi tới người đọc. Các «thông điệp» này luôn luôn súc tích trong các cuốn tiểu thuyết của Pearl Buck.

Trung cuốn «*Thiên thần chiến đấu*» (Fighting Angel) Pearl Buck đã kể lại cuộc đời của cha bà. Tuy mô tả cuộc đời truyền giáo của cha một cách vô tư nhưng người ta vẫn thấy bà chỉ trích những giáo-điều cứng nhắc, bất di bất dịch của một đạo Tin-lành không chịu thích ứng với điều-kiện Trung-hoa. Bà luôn luôn ngó ý trác

cha bà là đã coi thường văn minh Á-châu trong khi văn-minh Á-châu còn có giá-trị hơn cả văn-minh Âu-Mỹ. Bà cho rằng các giáo sĩ như cha bà đã quá mải miết tìm cách cứu vớt linh hồn con người ở cõi Thiên-đàng xa xôi đến nỗi không còn trông thấy thực-trạng của chính những người này lúc họ còn đang sống knắc khoải trong vòng tục lụy.

Trong cuốn « *Kẻ lưu đày* » (The Exile) Pearl Buck đã không dấu diếm lòng thương mến đối với một bà mẹ dịu dàng, tốt bụng, luôn luôn có một cuộc đời khiêm nhượng và kín đáo.

Trong cuốn « *Đất lành* » bà đã mô tả cảnh sống cơ cực của người dân quê Trung-hoa với những xúc động của một tác giả thông cảm được với nỗi lòng người dân nghèo túng. Nhưng « *Đất lành* » không phải là một cảnh tượng đen tối của con người. Ngược lại « *Đất lành* » là cả một hình ảnh trong sáng và tươi vui chứa đựng một sự lạc quan vô biên. Trong cuốn tiểu thuyết này nhân vật Vương Long và vợ là O Lan chỉ vì căn cù và chăm chỉ mà đã từ một tình trạng nghèo túng vươn tới địa vị của một gia đình giàu sang phú quý. Nếu « *Đất lành* » nói lên sự phấn uất của một tầng lớp nông dân Trung-hoa căn cù bị đè nén, thì cuốn sách này vẫn mở một lối thoát cho họ. Sự thành công nhờ đức tính cần mẫn của Vương Long đã tạo cho không những người dân Trung-hoa mà cả mọi người dân khác trên thế giới đang ngụp lặn trong khó khăn kinh tế và

chính trị của thập niên 1930, một nguồn hy vọng man mác.

Trong các cuốn « *Những con trai Vương Long* » và « *Gia đình chia rẽ* » Pearl Buck đã mô tả trạng huống xã hội Trung-hoa chìm đắm trong cuộc nội chiến. Trong xã-hội này người ta thấy những tay quân phiệt lợi dụng chiến tranh để làm giàu, để cướp một chút quyền hành nhưng cuối cùng cũng chỉ thấy cuộc đời mình rỗng tuếch vô nghĩa lý.

Trong cuốn « *Người yêu nước* » Pearl Buck đã tạo nên một chàng Huy Văn bị ray rứt giữa tình nhà và nợ nước. Đời sống của Huy-Văn trên đất Nhật bên cạnh cô vợ Nhật Tama cũng khắc khoải không kém gì tấn thảm kịch Le Cid.

Qua các cuốn tiểu thuyết của bà, Pearl Buck đã cho người Tây-phương thấy rằng người Đông-phương không phải là những kẻ thâm trầm, bí hiểm như họ lầm tưởng. Người Đông-phương, qua sáng tác của Pearl Buck, là những người đầy nhân tính, với những tình cảm hồn nhiên chẳng khác gì các người Âu Mỹ. Hơn thế nữa, Pearl Buck cho rằng văn-minh Đông-phương còn cao siêu hơn văn minh Tây-phương, đạo đức Đông-phương còn sâu sắc hơn Đạo-lý Tây-phương. Ngòi bút của Pearl Buck đã phô diễn, dưới hình thức tiểu thuyết, những lý-thuyết căn bản của đạo-lý Đông-phương. Ngọn bút tài hoa của Pearl Buck đã đưa đạo lý Khổng Mạnh vào tiềm-thức của người Tây-Phương khi bà tả đời sống đức hạnh của người dân bà

Trung quốc, lối sống tiết tháo của người dân ông Trung-quốc. Pearl Buck còn tìm cách dung hòa đạo lý Đông Tây như trong tác phẩm « *Gió Đông Gió Tây* ».

Trong khi độc giả Tây-phương biết ơn Pearl Buck đã có công mở cửa thế-giới Đông-phương cho họ thì chính nước Trung-hoa Cộng sản lại phủ nhận giá trị văn phẩm của bà.

Sau khi Mao-Trạch-Đông cướp chính quyền ở Hoa-lục, bà Pearl Buck đã bị trục xuất khỏi lãnh thổ Trung-hoa và từ đó bà luôn luôn ôm mộng trở về Hoa-lục. Nhưng chính phủ Bắc Kinh luôn luôn từ chối không cấp chiếu khán nhập cảnh cho bà. Chính phủ Cộng sản cho rằng bà đã bóp méo sự thật, đưa ra một hình ảnh sai lầm về Trung hoa.

Không được trở về Hoa-lục bà chỉ còn niềm vui nhỏ là tổ chức một hội thiện lấy tên là Hội Pearl Buck để đón nhận những trẻ con Mỹ lai Á châu. Bầy trẻ lai này làm bà quên đi bớt những sóng gió trong cuộc sống gia đình.

Sau 18 năm chung sống, không chịu nổi «bộ mặt đẹp trai» của John Buck, Pearl Buck đã xin ly dị và tái giá với ông Richard J. Walsh, một nhà xuất-bản sách của bà. Bà đã nuôi 9 đứa con nuôi trong số đó có nhiều đứa mang hai giòng máu Á-Mỹ. Hội Pearl Buck cũng có một chi nhánh tại Việt-Nam để tiếp nhận những đứa trẻ con lai Mỹ không được ai thừa nhận.

Vào cuối đời bà, đã có lúc bà tưởng trở lại Hoa-lục khi Hoa-kỳ và Trung Cộng xích lại gần nhau. Nhưng tia hy vọng mỏng manh này chỉ mới ló lên đã vội tắt. Vì nếu chính quyền Bắc-Kinh chịu tiếp rước trọng thê Tổng Thống Hoa-kỳ Nixon thì họ lại sợ ảnh hưởng cuộc viếng thăm của một nhà văn Pearl Buck, một bà già yếu đuối, ngoại tám mươi đầu tóc bạc phơ. Vì vậy Pearl Buck vĩnh viễn ra đi mà đều tâm nguyện bình dị trở lại mảnh « Đất lành » Trung-hoa lần cuối vẫn còn chưa đạt. Bà qua đời trước khi hoàn tất tác phẩm « Đất hồng » mô tả cuộc đời lũ con cháu Vương Long và O Lan trong « Đất lành ».

oOo

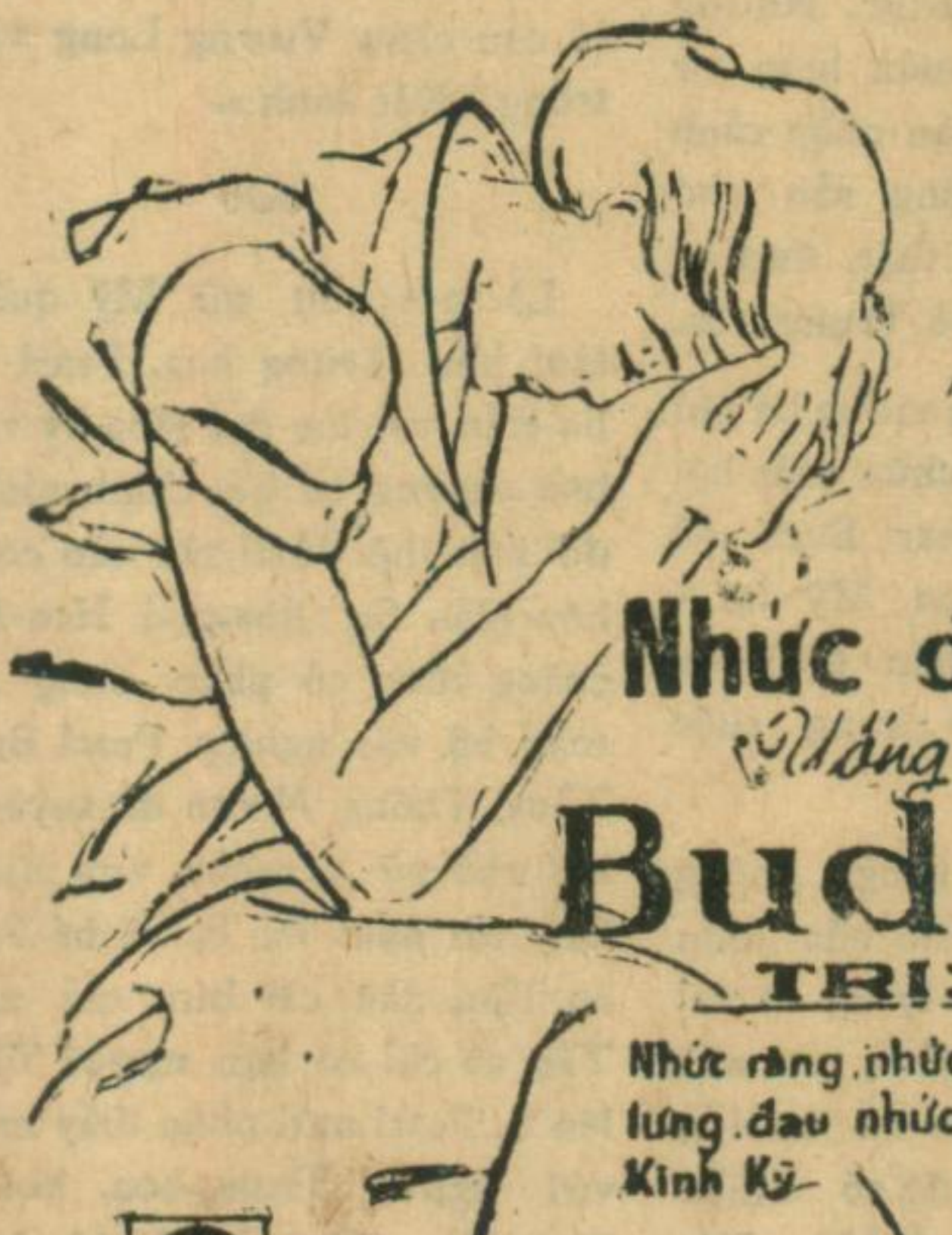
Là một phụ nữ Mỹ quốc mang tâm hồn Trung hoa, Pearl Buck đã lìa trần vào lúc mà Hoa-kỳ và Trung-hoa đương từ bỏ chính sách chống đối hận thù để đi sâu vào con đường hòa giải. Sự hòa-giải Hoa-Mỹ phải chăng cũng có phần đóng góp của toàn bộ văn nghiệp Pearl Buck như Tổng Thống Nixon đã tuyên dương khi nhà nữ văn-hào vừa nhắm mắt. Cho tới năm lên 8, cô bé Pearl mặc áo Tàu, đầu cài bím chỉ nói tiếng Tàu và chỉ có bạn người Tàu. Năm lên 8, Pearl mới nhận thấy mình khác với người Trung-hoa, khi Từ-Hi Thái-hậu, đàn áp Nghĩa-hòa-đoàn, đã ra lệnh giết hết người da trắng. Để tránh cái chết, gia đình Pearl đã phải ăn náu tại Thượng-hải là nhượng địa của người da trắng. Năm

1927 khi Pearl Buck 35 tuổi, lại một lần nữa Bà phải mang con chạy vì lúc đó, chiếm được Nam-kinh, phe Cách-mạng Trung-hoa đang truy lùng người ngoại quốc để tàn sát. Rồi lại nhờ một người đàn bà nhà quê Tàu giúp đỡ mà mấy mẹ con bà đã thoát chết.

Tuy cuộc đời bà đã nhiều lần bị đe dọa chính trên đất Trung-hoa và lại bị người Trung-hoa cộng sản hắt hủi, nhưng Pearl Buck vẫn là văn-hào đầu tiên mở rộng cửa thế giới Á-đông

để cố gắng bắc một nhịp cầu thông cảm Đông-Tây. Bà cũng đã là một nhà văn tiên-phong phổ biến đạo lý Đông-phương để cảm hóa Tây-phương. Những tác phẩm của Bà đã góp phần gây dựng thái độ thân hữu với Á-châu của người Mỹ và về mặt tinh thần những tác phẩm trên đã chẳng khác gì một chuỗi dây liên hệ ràng buộc người Mỹ với phần đất xa xôi này suốt từ khi Đệ-nhị Thế-chiến chấm dứt tới nay.

TỪ MINH



Nhức đầu
Đau
Budon
TRI:

Nhức răng, nhức môi, đau
 lưng, đau nhức lúc có
 Kinh Kỳ



KH 121/BYT/6009

Bạn không ở trong không khí Phật giáo
Bạn chưa là người Phật tử
Bạn là Phật tử
Bạn là người hết mình bên vực cho hòa bình
Bạn đã am hiểu giáo lý Phật dạy
Bạn đã thực hành giáo lý
Các bạn đều nên đọc :

ĐẠO PHẬT ÁP DỤNG VÀO ĐỜI SỐNG HÀNG NGÀY

THÍCH HUYỀN-QUANG
THÍCH NHẬT-HẠNH

*diễn giải cương lĩnh giáo lý nhập thế của nền Phật-
giáo hiện đại theo huấn chỉ của hai Viện Tăng
Thống và Hóa Đạo.*

*Sách đã bày bán khắp các tỉnh Giáo-hội, các Chùa,
các Tự viện, các nhà sách toàn quốc.*

VIỆN HÓA ĐẠO xuất bản giá 200\$

NHÀ SÁCH LÁ BỒI HUẾ

Đại diện phát hành sách LÁ BỒI, AN TIÊM, CA DAO,
TRÍ ĐĂNG, VÕ TÁNH, LỬA THIÊNNG v.v...

do Đình-Cường trông coi

Địa chỉ : Khuôn viên Trường Cao Đẳng Mỹ Thuật
Đại Nội HUẾ

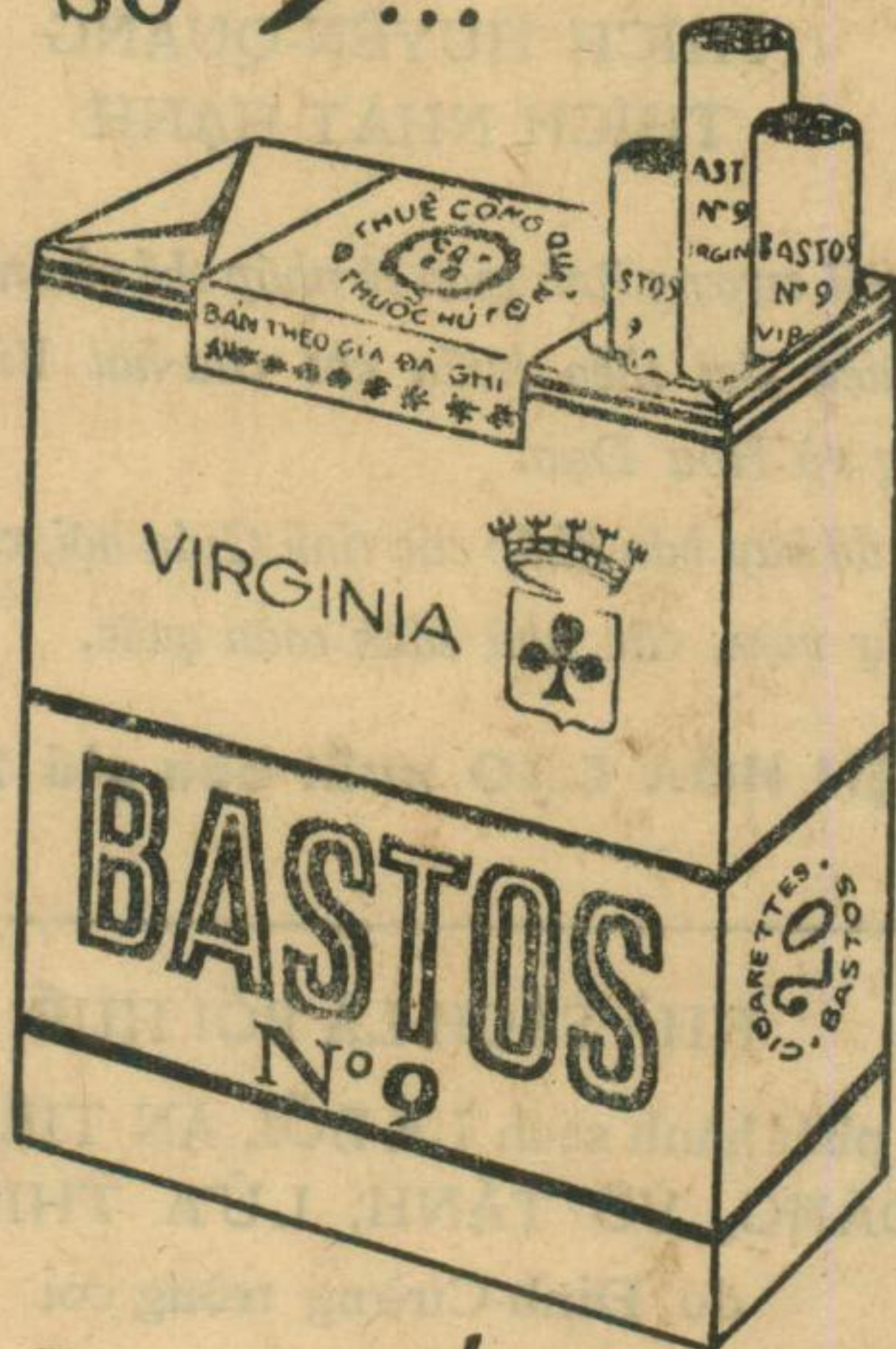
ĐẤT BÁN TỪNG NỀN NHÀ

TẠI BIÊN HÒA

- Khu-vực mát-mẻ, có điện, nước.
- Gần Trường học, chợ, và tiện đường xe Lam.
- Giá hạ.

Xin hỏi :
Ông Sơn 124/6 Quốc lộ 15 Biên Hòa
(đối diện CÀFÉ LYNH)

số 9 ...



... LÃ THUỐC THƠM
CỦA BẠN

Lá thư Vạn-tượng

● MINH-ĐỨC HOÀI-TRINH (2)

Anh Ch.

Thư này đề kể tiếp cái công việc đi làm với ngoại nhân cho anh nghe. Cái nghề làm báo lắm lúc thật vô duyên, chỉ chạy theo những gì mình không thích, có thể gọi là mình rất ghét, đề rồi bỏ lại bên lề cuộc đời những gì mình vẫn say mê.

Suốt mấy ngày sống trong chờ đợi. Phòng khách sạn có đến cả trăm nhà báo và trong số ấy có vài chục nhà nhiếp ảnh, quay phim. Người ta hẹn lần lữa cái ngày ngưng bắn mà sao mãi vẫn chưa thấy. Báo hại các anh ký-giả có chương-trình định trước phải đi đâu, họ đã giữ sẵn vé máy bay và phòng trọ ở các nơi khác, mà cứ phải đánh điện thay đổi.

Cái khách sạn ở Vạn-tượng, theo lệ thường cứ vào độ 9 giờ đêm là tắt hết đèn đuốc chìm trong giấc ngủ, thì hôm nay đèn sáng đến 12 giờ đêm. Thiếu phòng thì tha hồ cho mấy bác tắc-xi và bồi phòng nhận tiền nước.

Đề phá anh em, tôi định đi mua một mẫu phấn vẽ viết vào tấm bảng đen kê ở ngay cầu thang loan một cái tin vịt. Vừa đưa ý kiến ra thì có một đồng nghiệp hưởng ứng ngay. Đêm ấy chờ mọi người ngủ hấn vào ăn cắp phấn viết vào tấm bảng: “Ngày 29 tháng hai sẽ có cuộc ngưng bắn. Yêu cầu các ký giả ăn mặc lễ phục có cà-vạt đảng hoàng”

Sáng ngày ra anh nào cũng ngỡ ngàng vì còn cả tuần lễ mới đến ngày 29. Nhưng một vài anh khôn ngoan tính ra, biết rằng tháng hai làm gì có ngày 29. Thế là mọi người biết ngay có kẻ phá rối. Lệ thường tấm bảng chỉ dành ghi những thông cáo của Bộ Thông tin hoặc của Văn phòng Hoàng thân Souvanna Phouma, hoặc Văn phòng bên phía Pathet Lao, khi có hợp báo hoặc lễ lạc gì. Nói cho anh nghe câu chuyện khá vui này. Buổi trưa hôm ấy chúng tôi có công

việc phải đi đâu, gọi một bác tắc-xi, Bác này nói tiếng Pháp tương đối khá hơn mấy người khác. Bác ấy vẫn khoe là trước có làm dân biểu mấy năm. Bây giờ thì giọng nói bác ta lúc nào cũng chỉ đề cao phía Pathet. Ai muốn gì cứ hỏi tôi, đừng đi đâu xa cho mất thì giờ. Bác ấy luôn luôn chứng tỏ rằng mình là con người của bên kia. Hôm ấy bác ta hỏi dạm chúng tôi có muốn mua cái bản ký kết không, giá 1 triệu kip tức là vào khoảng 500 đô-la. Chúng tôi chỉ cười, sự thật thì vừa không tin vừa không tiền. Ông đạo diễn trả lời rằng chúng tôi là ký giả thu hình, tin tức của chúng tôi phải đưa ra bằng hình ảnh... Đề chúng tôi về hỏi lại các anh khác. Bác ta khoe rằng vì có em út làm nghề đánh máy ở trong nội bộ .v.v...

Vừa đi ăn xong chúng tôi về nhà thì một người Hoa-kỳ làm việc ở USIS đến thăm, hỏi là đã đọc bảng



Minh-Đức Hoài-Trinh và ông Tổng-trưởng Quốc-phòng Ai-lao

tin hôm nay chưa : Ngày mai sẽ ký kết ngưng bắn ! Chúng tôi ngần ngại, gọi điện-thoại khắp nơi để hỏi xem đó là tin vịt xiêm hay vịt lèo. Nhưng không, đó là sự thật. Ông Tổng-trưởng Quốc phòng Sisuck Na Cham-passac đã xác nhận bằng một giọng cay đắng :

— Ngày mai các anh đến dinh Thủ-tướng vào 10 giờ, đến 11 giờ sẽ ký.

Sáng ngày 21, mới bảy giờ sáng chúng tôi vừa ăn sáng thì có điện-thoại gọi bảo rằng phía Pathet Lao muốn dành riêng cho chúng tôi một buổi phỏng-vấn chưa ai có. Mừng như mẹ sống dậy, nhưng anh em lại chẳng ai có giấy đề vào trụ sở của Pathet Lao ! Muốn vào đó phải có giấy riêng do Bộ Ngoại-giao cấp và phải ghi rõ tên từng người. Chúng tôi chỉ có một tờ giấy mang tên ông Đạo-diễn và bầu đoàn chứ không có

tên từng người một trong đoàn, nên Cảnh-sát quốc-gia Lào nhất định sẽ không cho vào. Mà Đạo-diễn đến một mình thì làm ăn gì. Đã thế đoàn chúng tôi còn mượn một anh thâu tiếng người Pháp lai cư ngụ ở Lào. Anh chàng mẹ Việt bố lai nên nói được nhiều thứ tiếng và anh chàng rất lo ngại, sợ sau này sẽ bị chính quyền làm khó dễ. Tôi đứng giữa nói chuyện với hai bên, đây cũng là nghề của ký - giả trong một nhóm truyền-hình, không phải chỉ có đi góp tin tức, lo giấy tờ, cộng tác trong những cuộc phỏng-vấn v.v... mà còn làm trung gian giữa chuyên-viên với đạo-diễn, có khi còn phải đi mua thuốc hoặc mua thức ăn cho mình mà không được quên anh em.

May quá, hôm ấy là một ngày đặc biệt nên mấy bác cảnh-sát cũng làm ngơ cho. Một phần nhờ có sự dàn-xếp, xe chúng tôi ngừng ở gần chợ, hai anh chàng quay phim, thâu tiếng

và tôi đi vào chợ, giả vờ như đi quay phim chợ. Trong khi ông Đạo diễn đến đưa giấy cho cảnh sát xem. Máy bác cảnh sát đương bận xem giấy tờ thì chúng tôi đi thẳng vào cửa trụ-sở Pathet Lao, đi không nhanh (sợ nồ súng) cũng không chậm (sợ lộ cái sự thiếu giấy) mặc dầu trên nguyên-tắc chúng tôi rất là hợp-pháp.

Cuộc phỏng vấn kéo dài một tiếng đồng hồ, trong đó mất 20 phút chuẩn bị đèn đuốc, sửa soạn máy móc v.v. Lúc ra về chúng tôi cũng ra theo cách đi vào, nghĩa là để cho ông Đạo diễn ra trước, như cho cảnh-sát bao quanh, rồi chúng tôi mới lên ra, đi thẳng vào chợ để ra xe.

Ông Đạo diễn mừng rỡ vì thấy cả mấy chục hãng truyền hình chỉ có hãng này được chiếu cổ. Tuy nhiên tôi cũng phải vạch tai ông ra mà nói cho biết chẳng qua ký giả cũng chỉ là một công cụ cho người ta lợi dụng chứ chẳng ai thương yêu gì mình và đừng có tưởng bở mà vênh váo.

Đề tôi kể nốt cho anh nghe câu chuyện ký kết: Vào đến dinh ông Thủ tướng tức Hoàng thân Souvana Phouma các anh em bắt đầu bị hạch sách sao không có cà-vạt. Đây cũng là một kinh nghiệm, chắc anh đã biết cái kiểu áo 4 túi của ký giả chẳng ai mang cà-vạt bao giờ. Xứ Lào lại nóng nực, chúng tôi phải chạy từ sáng sớm nên quên mất câu chuyện mang cái cà-vạt. Tất cả đều ăn mặc giống nhau mà chỉ có tôi là đàn bà thì được

miễn, còn ba người kia thì nói thế nào Ông Nghi lễ cũng cứ khăng khăng bắt phải trở về phòng trọ lấy cà-vạt. Ký giả la hét ầm ĩ mà vẫn không tranh đấu được. Cuối cùng, tôi phải xung phong chạy xuống phố mua cà-vạt. Làm sao nói cho người tài xế tắc-xi biết được tôi muốn đi mua cà-vạt, nên tôi chỉ biết bảo họ xuống chợ. Đến chợ mới thấy rằng làm gì có bán cà-vạt mà lúc ấy đã mười giờ sáng. Chỉ còn một giờ nữa là người ta vào bàn ký kết với nhau. Cuối cùng tôi chợt nhớ đến quyển sách học tiếng Thái ở trong bị, tôi lật ra chỉ cho tài-xế tắc-xi câu: «Tôi muốn đi mua quần áo» may ra ở chỗ đó có bán cà-vạt chăng?

Đúng như thế, người tài-xế đọc được tiếng Thái nên anh ta đưa tôi đến một hiệu may. Tôi đã mua vội ở đây ba cái cà-vạt rồi nhảy lên xe trở về. Cố nhiên là kịp giờ nhưng phải trả tiền xe đắt gấp ba! Nghi cũng không trách bác tài-xế, lâu lâu mới có dịp tặng giá mà. Ba cái cà-vạt giống như ba cái ruột mèo, chúng tôi đã vớt lại phòng trọ không tiếc rẻ trước khi rời Vạn-tượng. Kề anh nghe đề anh có gặp anh em đồng nghiệp, thì dặn họ có dịp nào phải vào cửa quan lớn nhớ mang theo cái ruột mèo cho đỡ mất thì giờ.

Đúng 11 giờ người ta ký kết. Trước hết là hai bên đứng đọc những lời cam kết rất đối «mật ngọt». Ông nào cũng nói đến dân tộc đau thương, nước nhà rách nát, máu đổ xương rơi v.v...

Ký xong họ nâng cốc với nhau cho

ký-giả đứng ngoài nhìn vào chảy nước miếng. Tiếc rằng cái gian phòng lịch-sử ấy quá bé nhỏ đối với tầm quan trọng của một bản hiệp-ước nói lên sự hàn gắn một dân tộc, một quốc-gia !

Ông Đại-diễn của đoàn chúng tôi vốn tham lam, sáng nay đã có một buổi phỏng-vấn đặc biệt rồi, thế mà sau đó nhất định nài nỉ xin cho được một cuộc phỏng vấn chớp nhoáng ông Thủ-tướng Hoàng-thân nữa. Thế là đoàn chúng tôi ăn đứt tất cả mấy đoàn khác nhờ có ông Đạo diễn dai như đĩa.

Sau đó còn phải lo chạy đi gọi phim gấp. Chiếc máy bay nào sẽ bay trước nhất đưa qua Thái-lan, rồi đánh điện cho hãng máy bay ở Thái chuyển sang chiếc máy bay nào sẽ đi sang Pháp ngày hôm ấy. Một mặt khác phải đánh Telex cho đài Truyền hình ở Pháp ra đón chuyển bay của hãng nào, số mấy, đến vào lúc mấy giờ, đề về họ còn rửa, cắt, ráp và chiếu ngay cho kịp kỳ tin tức đêm sau.

Đây là loại tin thời sự nóng sốt. Chúng tôi phải đánh nhau với thời gian, bỏ ăn bỏ ngủ là thường. Cố nhiên là có nhiều lúc bức mình, mạnh dứa nào dứa ấy cắn nhằn la hét. Nhưng sau đó lại hòa giải ngay, đưa nhau đi ăn, kể cho nhau nghe tại sao tui chọn nghề quay phim, tại sao tui chọn nghề viết báo v.v... Và những lúc tranh nhau đề phỏng vấn hoặc chèn nhau thầu hình thì cái tinh thần tranh đấu cho hãng mình lại

được đặt trên hết !

Ngày mai, chúng tôi đi Long-Tiên để xem cái giờ phút ngưng bắn ở ngay tiền-đồn nó quan trọng đến thế nào.

Nhưng thư này mà kể lẽ hết ra thì anh sẽ không đủ giấy mực để in. Chỉ xin nói ngay rằng ngưng bắn mới có một giờ mà nghe đã có sự vi-phạm rồi, mặc dầu cũng ngày 21-3 ấy, sau đó vào lối 5 giờ, phía Pathet Lao có mở cuộc họp báo rất là nhộn nhịp. Lần đầu tiên ký-giả trong và ngoài nước mới được ra vào nơi ấy một cách thông thả, tuy mỗi ký-giả, trước khi vào, đều phải đặt tấm thẻ ký-giả của mình ở trạm canh-sát gần đấy.

Các ông bà ký (có độ 3 bà thôi) mãi lo hỏi những câu thuộc về bản ký kết. Họ hỏi xem bao giờ có thể đi Săm-nưá ? Bao giờ gặp ông Hoàng em Souphanouvong ? Ai sẽ là Thủ-tướng v.v... Họ quên không nhắc đến kinh nghiệm xứ Việt-Nam ta. Tôi đành phải đứng lên khai tên tuổi, cơ quan và hỏi rằng : « Theo kinh-nghiệm V.N. thì sau khi ký xong hiệp-định ngưng bắn đã có bao nhiêu là vụ vi phạm. Vậy thì xứ Ai-lao sẽ ra sao ? Liệu có vi-phạm như vậy không ? Ông Đại-diện và Cố vấn thay mặt ông Hoàng Pathet Lao nói :

« Câu hỏi này khó trả lời quá. Việt Nam là Việt Nam và Ai-Lao là Ai-Lao. Chúng tôi sẽ cố gắng thi hành nghiêm chỉnh nhưng nếu người ta

buộc chúng tôi vi-phạm thì chúng tôi cũng phải vi-phạm vậy ! »

Sự thề ra sao mấy hôm nay nghe tin tức chắc anh đã rõ.

Hai ngày sau lại có một cuộc họp báo của Thủ-ướng. Ông cảnh cáo rằng : « Mức chưa khô mà sự vi phạm đã quá mức chờ đợi. Người ta đã lừa gạt chúng tôi và nếu cứ tình trạng này thì bắt buộc chúng tôi phải kêu gọi sự trợ giúp của Hoa-kỳ. »

Thư trước (1) nói với anh rằng Lào không có giới nghiêm là sai đó. Giới nghiêm bắt đầu từ 11 giờ đêm đến 5 giờ sáng. Nhưng người ngoại-quốc, ký-giả và quân nhân đặc biệt vẫn đi lại được.

Nói sơ qua cho anh biết thêm về xứ Lào và Vạn-tượng, vì tôi ở đây tổng cộng có 27 hôm và mới đi được có ba bốn chỗ gì đó thôi : Long Tiên, Takhet, Luang. Prabang, Patse... Nhưng trèo lên tuột xuống mãi mấy chiếc máy bay quân sự với mấy chiếc G.M.C. chán lắm và bụi đỏ cả mặt mày, tóc, và quần áo nên tôi cũng chẳng mong đi thêm nữa.

Mách cho anh một chuyện là phở Vạn-tượng ngon hơn phở Saigon nhiều. Sau này người ta cho tôi biết tại trong phở Vạn-tượng có chất cần-sa. Tôi chẳng biết thật hay bịa nhưng phải công nhận là ăn vào thì nhớ mãi và chắc không nơi nào nấu ngon hơn được.

Ở Luang-Prabang có ngôi chùa của người Việt, tôi vào viếng chùa

và được nhà sư cho một quyển kinh Địa-tạng. Oai không ? « Tại cái mặt mũi người ta lễ phép, dễ thương, chứ bộ ai đến rồi nhà sư cũng cho kinh cả sao ? » Đây là câu nói lúc tôi ra khỏi chùa về nhà khoe với các anh em. Mà sự thực là thế, nhà sư bảo kinh hay bị mất cắp lắm, độ này rất khó gửi lên.

Xứ Lào này ngày xưa có bán thuốc phiện ở ngoài chợ, thảo nào mà mấy tên ngoại nhân nghiện chỉ mớ sang Lào. Từ độ Hoa-kỳ mở chiến dịch bài trừ ma-túy, Thái-lan cũng bài trừ theo, thì bớt rất nhiều.

Người ta bảo thuốc phiện cũng như rượu đỏ rượu trắng của Âu-Tây. Có nơi rượu ngon nhờ đất đai, có nơi rượu dở. Nơi nào núi cao và có sương mù ẩm thì mới trồng ra được các cây có nhựa thuốc phiện ngon. Đáng lẽ chúng tôi dự định đi làm một cuộn phim về cái chất ma-túy ấy nhưng người ta đòi nhiều tiền quá nên ông Xếp tối cao của hãng nóng ruột không chịu bỏ ra cái số tiền đầu tiên ấy. Anh chịu khó đợi nhé, bao giờ người ta dàn xếp với nhau xong, người ta cho tôi biết, và tôi đi về sẽ kể cho anh nghe.

Chỉ sợ mấy cái đài và mấy hãng khác nó bỏ tiền ra dành trước thì nguội mất. Anh thấy không, trong cái nghề này cũng có sự cạnh tranh nhau một cách ghê sợ. Lắm khi thấy họ tranh dành nhau đề hỏi, đề quay phim, như lũ lợn dành ăn tôi có cảm tưởng tôi cũng đang biến thành con

(1) Bách Khoa số H. trang 57.

lợn sống chung với họ. Tôi chợt có ý định sẽ viết một thiên tiểu thuyết nói cái cuộc đời lợn này cho vui. Nhưng chẳng biết bao giờ mới thực hành, vì có nhiều thứ để viết quá đi mất.

Thư này xong là chúng tôi dọn hành trang đi sang Căm-Bốt để tìm một khung cảnh chiến tranh. Sẽ kể cho anh nghe trong thư sau, cho anh thấy cái cuộc sống vất vả của người nữ ký-giả khi phải đi làm cái công việc của một nam ký-giả. Đã vậy còn kiêm thêm: thông dịch-viên, thư ký và... phu khuân vác hộ anh em, cầm

đèn, khi quay ở nơi không đủ ánh sáng, ngoài cái công việc sưu tầm tài liệu, tin tức, đề lúc về, khi ráp phim, làm bình luận với đạo diễn hoặc đề phác chương trình khi mới đến một nơi nào. Kể lể cho các anh đề các anh thương. Tuy nhiên tôi thấy sự đi làm với ngoại nhân thật là vô duyên trong khi ở nước nhà dù ít lương nhưng mỗi tuần, mỗi ngày, gặp được các anh em vẫn vui hơn nhiều.

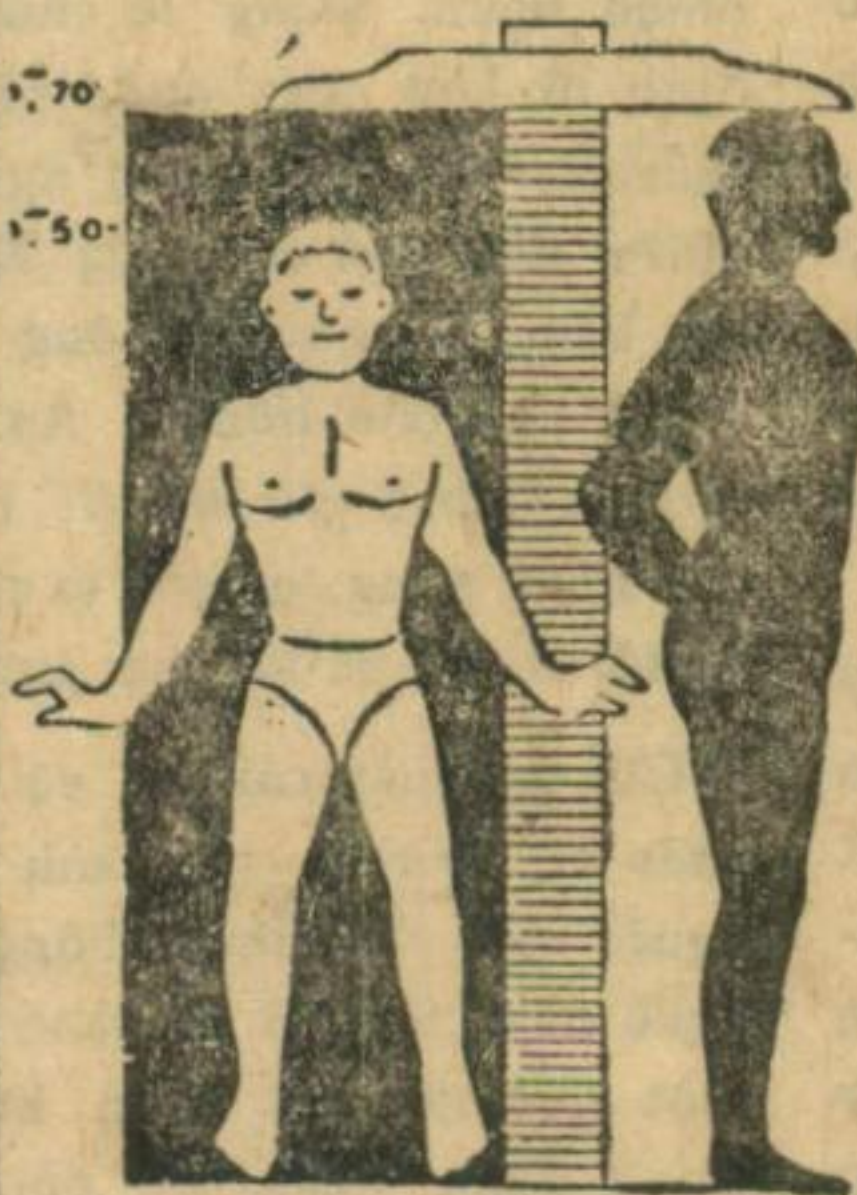
Hẹn anh thư sau.

MINH-ĐỨC HOÀI-TRINH

6-3-73.

Vitaplex

CALCIUM + 6 SINH-TỐ
C - D - PP - B2 - B6 - B12



CON NÍT MAU
BIẾT ĐI
CÙNG XƯƠNG.
MẠNH KHOẺ.
NGƯỜI LỚN
CÙNG RĂNG.
ÍT ĐAU RĂNG.
YẾU PHỔI.
MỆT MỎI.

LABOHADZER

VỪA THƠM NGON - VỪA BỔ.

ĐẠI-Á NGÂN-HÀNG

TRỤ-SỞ CHÁNH : 61-63-65, Đại-Lộ Hàm-Nghi SAIGON

Điện thoại : 98.460 — 98.700

Chi-Nhánh	Cholon : 47-49 Tổng Đốc Phương Cholon	ĐT : 51.047
—	Cầu Ông Lãnh : 21 Bác-sĩ Yersin Saigon	ĐT : 99.386
—	Gia-Long : 121-123 Gia-Long Saigon	ĐT : 96.827
—	Biên Hòa : 10 Nguyễn Hữu Cảnh BH	ĐT : 36
—	Ban Mê Thuột : 80-82 Quang Trung BMT	ĐT : 148.083
—	Vinh Bình : 24 Gia-Long Vinh-Bình	ĐT : 092
—	Sa-Đéc : 139-141 Tổng Phước Hòa Sa-Đéc	ĐT : 114
—	Đà-Nẵng : 197 Độc Lập Đà-Nẵng	ĐT : 21.077
—	Thị-Nghè : 22 Hùng Vương Thị-Nghè	ĐT : 96.251
—	Long An : 36 Thống Nhất Long-An	ĐT : 48
—	Vinh Long, 49 : Phan Thanh Giản V.L.	ĐT : 093

LÃI-XUẤT TIẾT-KIỆM ĐỊNH-KỲ VÀ ĐỊNH-KỲ :

— Dưới 3 tháng	17%
— Từ 3 đến dưới 6 tháng	19%
— Từ 6 đến dưới 9 tháng	21%
— Từ 9 đến dưới 12 tháng	22%
— Từ 12 tháng	24%

LÃI-XUẤT TIẾT-KIỆM :

- 17% mỗi năm : nếu không dự xđ-số
- 13% mỗi năm : nếu có dự xđ-số
- 4% mỗi năm : để xđ-số
- Tiền lời tính theo kết-số dư hàng ngày
- Muốn rút vốn ra bất cứ lúc nào cũng được

LÃI-XUẤT TÍN-DỤNG :

- Từ 14% đến 28%.

Khi trở về Hội-An

Thơ HOÀNG LỘC

*Khi anh về — thành phố cũ lên sương
đôi chút lạnh — đôi chút sâu thẳm chập
vừa đủ mỗi đôi chân thẳng lẳng bạt
anh nghiêng vai ngó lại cuộc đời mình:*

*áo bụi mù và tóc gió phai xanh
tay vẫn ngắn (để trăm lần thua thiệt)
phố thì nhỏ anh còn qua chưa hết
lại hoài công đi bắt mộng bên trời
anh bỗng giật mình tuổi đã ba mươi
(ba mươi tuổi sao cứ còn lơ vẩn ?)*

*khi anh về — buồn hơn loài mây trắng
nghĩ người xưa phú quý mới hồi hương
chuyện công danh như muối xát trong hồn
chưa áo gấm—chắc hoài hoài viễn xứ ?
anh ngại qua nhà từng bằng hữu cũ
ngại qua đường gặp những dáng tình xưa
kỷ niệm thì xa — xa lắm — mơ hồ
chẳng lẽ nhắc để làm nên yêu dấu ?*

*khi anh về — bé vừa lên mười sáu
rất dịu dàng nhưng rất lạ đời anh
tay hoang mang gõ vội trái tim mình
nên sai lỡ như một lần dâu bể
anh đã già rồi, hồn khô, ý trề
tương lai mù trên mấy ngọn sâu đóng
yêu vô vàn cũng rớt giọt tình không...*

khi anh về — bất ngờ anh biết khóc
qua hiên nhà người — bé vào lớp học
bé đâu hay trời phố đỏ lên sương
là khi anh cúi xuống một đời buồn...

HOÀNG LỘC

ĐẠI LẤN

Thơ NGUYỄN BẮC SƠN

Lúc tuyệt nhất là lúc chờ sung rụng
Nằm lơ mơ trên ghế dựa ngoài hiên
Con chim sâu, mây nhăm mắt lim dim
Rồi mới hót mới thật là riu rít
Tôi đẹp sách vì sách là lá mít
Không ngọt bùi bằng một củ khoai lang
Không nhẹ nhàng như nghĩ ngợi lan man
Không thẳng thốt như vừa nghe gió hát
Bạc thánh triết là những tay biếng nhác
Sống khề khà quanh bữa tiệc nhân sinh
Kết bạn bè cùng cây cỏ vô minh
Rất chán ghét những trò chơi thể sự
Trò thể sự khiến con người mệt lử
Khiến con người quên ý nghĩa du sinh
Quên trăm năm trong cảnh giới hữu tình
Là tặng vật đất trời kia gửi biểu
Và vĩ nhân là những tay lão lêu
Như ta đây chờ sung rụng ngoài hiên

Ăn Tết xong mời bạn lại đọc :

- **SỬ KÝ CỦA TƯ MÃ THIÊN**

Giản-Chi và Nguyễn-Hiến-Lê dịch, chú thích và giới thiệu.

- **CHIẾN QUỐC SÁCH**

Giản-Chi và Nguyễn-Hiến-Lê dịch, chú thích và giới thiệu.

- **GÓP NHẶT CÁT ĐÁ**

Thiền sư Muju — Đỗ-Đình-Đồng dịch

- **BÀI HỌC CỦA LỊCH SỬ**

Will và Ariel Durant — Nguyễn-Hiến-Lê và Trần Lương-Ngọc dịch.

- **BIỆN CHỨNG PHÁP LÀ GÌ ?**

*của Trần-Thái-Đĩnh do Văn Mới xuất bản
Lá Bối phát hành.*

*Muốn liên lạc các nhà sách sòng phăng về tiền bạc ở
các tỉnh sau đây :*

Quảng-Ngãi
Bình-Tuy
Sa-Đéc
Kiến-Phong

Quảng-Tín
Phước-Tuy
Bạc-Liêu

Kontum
Long-An
Rạch-Giá

Pleiku
Ban-Mê-Thuột
Bình-Dương

Thư về Ông VÕ-THẮNG-TIỆT

Lô O, 121, Chung-cư Minh-Mạng Saigon 10

Trong tủ sách của bạn đọc không thể thiếu quyển :

KỊCH ĐỜI

của WILLIAM SAROYAN

Bản dịch của ĐẶNG TÂM

● William Saroyan đã viết đề kính dâng thân mẫu ông, với những hàng như sau : « Con đã chần chờ mãi trước khi viết một cuốn truyện dành riêng cho Mẹ, bởi vì con hằng ao ước làm sao viết được một cuốn truyện hay, hay nhất mà sức con có thể viết được ».

● Cuốn truyện hay nhất đó là KỊCH ĐỜI, một tác phẩm nổi danh của một nhà văn Hoa-kỳ nổi danh, được bạn trẻ ưa chuộng nhất.

đã ra mắt bạn đọc

ĐỒNG NAI XUẤT BẢN

270 Đề Thám Saigon

Đ.T. 20.942

Cadao mới phát hành

— MỐI TÌNH CỦA CHÀNG NHẠC SĨ
của Herman Hesse — Vũ Đăng dịch

— GIÁO DỤC VÀ Ý NGHĨA CUỘC SỐNG
của Krishnamurti — Hoài Khanh dịch

(Sách in lần thứ hai theo lời yêu cầu của một số thân hữu)

TỦ SÁCH NHÀ THƠ VÀ TIẾNG THƠ (sắp phát hành)

— TÔ ĐÔNG PHA, NHỮNG PHƯƠNG TRỜI
VIỄN MỘNG Tuệ Sỹ viết.

— NGUYỄN ĐÌNH CHIỀU, TIẾNG THƠ BẤT
KHUẤT Hoài Khanh viết.

NHÀ XUẤT BẢN CỬU LONG

đã hoàn tất và phát hành một kiệt tác :

TOM PAINE

của HOWARD FAST

Tom Paine là nhà cách mạng lừng danh trong lịch sử cách mạng ở Châu Mỹ.

Nhưng Tom Paine lại cũng là một nhà cách mạng đơn độc, một đời tranh đấu cho người, trọn đời vì người, vì đời, vì nhân loại. Đến rồi sau cùng, khi nhắm mắt nằm xuống, không một giọt nước mắt nhỏ cho người đã suốt đời làm cách mạng phục vụ cho đời, cho nhân loại.

Tom Paine

Đã sống lại dưới bút pháp độc đáo tân kỳ của Howard Fast trong tác phẩm :

TOM PAINE

làm say mê và làm hài lòng những bạn đọc khó tính nhất.

ĐỒNG NAI TỔNG PHÁT HÀNH

270 Đề Thám Saigon

Đ.T. 20.942

Thời sự thế giới

• TỬ MINH

Trong những tuần vừa qua, thời sự thế giới được đánh dấu bằng những cuộc bầu cử tại Chili, Á-căn-đinh và Pháp. Nếu tại Chili cuộc bầu cử Quốc-hội không mang lại yếu tố gì mới lạ thì tại Á-căn-đinh và Pháp các cuộc bầu cử mới nhất đã thay đổi bộ mặt chính-trị của hai nước này.

Mỹ-châu được người ta chú ý tới nhiều nhất. Ngoài các cuộc bầu cử gây chấn tại Chili và Á-căn-đinh, việc chính phủ Panama đòi Mỹ trả lại lãnh thổ vùng kinh đào Panama, đã tạo nên những cuộc thảo luận sôi nổi tại Hội-đồng Bảo-an Liên-Hiệp Quốc.

Bầu cử tại Chili

Thực hiện chủ-nghĩa xã-hội tại Chili bằng đường lối ôn-hòa là mộng ước của Tổng Thống Salvador Allende Gossens. Nhưng từ khi ông Allende lên cầm quyền 2 năm nay, các biện pháp « xã-hội-hóa » của ông đã tạo cho Chili một nền kinh-tế hết sức khó khăn. Nạn lạm phát gia tăng mau lẹ trong khi mức sản-xuất kỹ-nghệ và canh-nông giảm sút rất nhiều đến nỗi các bà nội-trợ phải xếp hàng chờ trước các cửa tiệm để mua thịt bò và bánh mì.

Vì vậy mà khi cuộc bầu cử Quốc-hội được tổ chức người ta đã tưởng rằng Khối Nhân-dân Thống-nhất quy tụ 2 đảng Cộng-sản và Xã-hội của ông Allende sẽ bị mất rất nhiều phiếu.

Các đảng đối lập Dân-chủ Thiên-Chúa-giáo của cựu Tổng Thống Frei và đảng Quốc-gia đã vận dụng mọi nỗ lực để đẩy khối Nhân-dân Thống-nhất vào thế thiếu số : từng đoàn xe đã sang Á-căn-đinh lân cận để đưa các người Chili trở về bỏ phiếu.

Nhưng khi kết quả cuộc bầu cử được công bố thì đảng cầm quyền của ông Allende không những không bị loại khỏi chính quyền mà lại còn lấy được thêm 6 ghế ở Hạ-viện và 20 ghế ở Thượng-viện.

Các đảng đối lập đã nhao nhao phản đối là ông Allende bầu cử gian lận. Ông Frei, lãnh-tụ đối lập, cho rằng đảng của ông Allende chỉ thu được có 44% phiếu trong khi phe đối lập được 54%. Dù sao đi nữa thì ông Allende vẫn được coi là thắng lợi trong cuộc bầu cử vừa qua. Nhưng thắng lợi này vẫn không cho phép ông Allende giải quyết nổi các khó khăn kinh-tế.

Trước các biện pháp « xã-hội-hóa » của ông Allende, các giới kinh-tài Chili đã chuyển vốn ra ngoại-quốc làm ảm. Các chương-trình quốc-hữu-hóa đã khiến cho mức sản-xuất trong nước giảm sút. Riêng nhập cảng thực phẩm cho dân chúng đủ tiêu thụ, Chili đã phải trả mỗi năm 500 triệu Mỹ-kim. Một kinh-tế-gia đã tiên đoán là đến tháng 9 Chili sẽ chết đói.

Thí-nghiệm thực-hiện chủ-nghĩa của Karl Marx bằng đường lối ôn

hòa tại Chili đang bị sa lầy và rất có thể đưa tới một cuộc đảo - chính quân-sự.

Bầu cử tại Á-căn-đình

Tại Á-căn-đình, một nước láng giềng của Chili, một cuộc bầu cử đã làm thay đổi bộ mặt của chính-thể hiện-hữu. Sau 17 năm bị loại khỏi chính-quyền người ta thấy cựu Tổng-thống Juan Péron lại bắt đầu xuất hiện trở lại.

Tuy bị chính phủ quân sự hiện tại cấm ra ứng cử, cấm về nước, nhưng Péron đã đưa ra một tay đàn em thân tín là ông Hector Campora ra ứng cử. Ông Campora là một nhà-sĩ, đã từng làm Chủ-tịch Quốc-hội dưới thời Péron từ năm 1948 tới năm 1952. Lúc làm Chủ-tịch Quốc-hội, ông ta được mọi người chú ý khi ông đưa ra đề-nghị là tại mỗi đô-thị của Á-căn-đình đều phải có một công trường mang tên Juan hay Eva Péron !

Khi Péron bị lật đổ và lưu đày ở Madrid, Campora cứ ít lâu lại sang xin chỉ-thị. Nay được Péron đưa ra làm đại-diện đảng Công-lý, ông Campora, đã đắc cử Tổng-thống. Và ngay sau đó các đảng viên đảng Công-lý đã đưa ra khẩu hiệu «Campora lập chính phủ. Péron nắm chính quyền. »

Chắc chắn là Campora sẽ phải nhờ Péron yểm trợ để ổn-định tình-hình kinh-tế trong nước. Péron sẽ giúp cho Campora không phải tăng lương cho thợ thuyền để có thể tránh được nạn lạm phát.

vẫn tiếp tục gia-nhập tổ-chức các Quốc gia Mỹ-châu do Hoa-kỳ lãnh đạo. Như vậy cuộc bầu cử Tổng-thống vừa qua tại Á-căn-đình lại đưa nước này trở lại một tình-trạng của 17 năm về trước.

Bầu cử Quốc-hội tại Pháp.

Sau cuộc bầu cử Hạ-viện gây chấn nhất từ 15 năm qua, đảng De Gaulle cầm quyền tuy mất 90 ghế nhưng vẫn giữ được đa số 29 ghế. Hai Tổng-trưởng của ông Pompidou là Maurice Schumann, Tổng trưởng Ngoại giao, và René Pléven, Tổng-trưởng Tư-pháp bị cử tri cho về vườn ngay trong vòng đầu.

Theo đúng truyền thống, Thủ-tướng Messmer đã đệ đơn từ chức đề Tổng-thống Pompidou rảnh tay lập một Nội-các mới phù hợp với nguyện-vọng dân chúng hơn. Cùng một lúc các sinh viên và học sinh biểu-tình chống luật « quân-dịch » của Tổng-trưởng Quốc-phòng Michel Debré.

Lợi dụng cơ hội này ông Pompidou đã loại một lượt các đàn em cũ của Tướng De Gaulle. Ông Debré là Thủ-tướng đầu tiên của Đệ-ngũ Cộng-hòa Pháp, và là người tiền nhiệm của ông Pompidou trong chức vụ này, phải ra đi chỉ vì ông ta có một lập-trường quá cứng rắn, từ chối mọi sự cộng-tác với Trung phái. Ông Schumann xin từ chức cũng không được mời ở lại vì có một đường lối chống Mỹ quá rõ rệt. Chỉ có

ông Giscard d'Estaing, Tổng-trưởng Tài-chánh, là uy tín gia tăng nên có hy vọng được cử làm Thủ - tướng sau này, khi ông Messmer ra đi. Tuy hiện thời ông Messmer còn ở lại chức vụ Thủ-tướng nhưng các Tổng-trưởng phần lớn đều là học trò cũ của ông Pompidou tại Trường Chính-trị-học Paris hay Trường Quốc - gia Hành - chánh ngày trước. Đó là trường hợp của các ông tân Tổng-trưởng Michel Jobert và Chirac.

Cuộc bầu cử vừa qua có kết quả là đám đàn em của Pompidou đã loại bỏ đám đàn em của De Gaulle. Tuy còn tuyên bố là trung thành với De Gaulle nhưng thật ra nước Pháp đã từ một thời đại De Gaulle bước vào thời đại Pompidou.

Panama đòi kênh đào Panama.

Năm 1903, để có quyền tự do đào kênh Panama, Hoa-kỳ đã tạo nên một phong trào « Quốc-gia Panama » nổi loạn chống lại nước Colombie và ly khai khỏi nước này. Từ đó một phần đất của Colombie đã trở thành một quốc gia Panama. Panama có một chính-phủ thân Mỹ và cho Mỹ đào kênh Panama. Kênh Panama cho phép các tàu bè Mỹ đi từ Đại-Tây Dương sang Thái-Bình-Dương mà khỏi cần phải đi vòng lục-địa Nam Mỹ.

Omar Torrijos, tự nhận là lãnh tụ Cách-mạng Panama, đòi đặt lại vấn đề kênh Panama vì kênh này « là một thuộc-địa của Hoa-kỳ ở giữa đất Panama » và đòi lại chủ-quyền:

Hội-đồng Bảo-an Li ên-Hiệp-Quốc đã nhóm họp tại ngay Panama City là thủ-đô Panama để cứu xét vấn-đề. Sau khi nghiên cứu tại chỗ và thảo luận tình-hình trong vùng kênh đào Panama, nhượng-địa của Hoa-kỳ, một quyết-nghị đã được đưa ra đề xin Hội-đồng biểu-quyết. Quyết-nghị này đòi Mỹ phải trả lại ngay chủ-quyền trên vùng kênh đào Panama cho Panama.

Rút cục lại thì quyết-nghị được 13 phiếu ủng hộ 1 phiếu chống của Hoa-kỳ và Anh bỏ phiếu trắng.

Phiếu chống của Hoa-kỳ có nghĩa là Hoa-kỳ dùng quyền phủ-quyết để chống lại việc chấp thuận quyết-nghị. Vì vậy mà tuy được 13 trên 15 phiếu ủng-hộ, quyết nghị vẫn bị bác. Đây là lần thứ 3 trong lịch-sử Liên-Hiệp-Quốc mà Hoa-kỳ sử dụng quyền phủ quyết. Hoa-kỳ cho rằng việc chủ quyền trên kênh Panama là một việc giữa Panama và Hoa-Kỳ chứ không dính dáng gì tới Liên-Hiệp-Quốc.

TỪ-MINH

70 năm đã trôi qua, Thiếu tướng

Công dụng mới
thuốc mới

hemocalcium B12

Ợ, SUY YẾU. CHẬM LỚN
KÉM ĂN. THIẾU MÁU



hemocalcium B12



SIPAPP SAIGON

Có chất Sorbitol để giúp cho
sự thẩm nhuận sinh tố B12
qua màng ruột mà không bị
tiêu hao.

Bán tại các nhà thuốc tây

SAIGON 1948

Công thức môn
thuốc mới :

HÊMOCALCIUM B 12

trị : SUY YẾU — CHẬM LỚN
KÉM ĂN — THIẾU MÁU

Có chất Sorbitol để giúp cho sự thẩm
nhuần sinh tố B 12 qua màng ruột mà
không bị tiêu hao.

Bán tại các nhà thuốc tây.

SOCIÉTÉ D'OXYGÈNE ET D'ACÉTYLÈNE D'EXTRÊME-ORIENT

(S. O. A. E. O.)

DIVISION VIETNAMIENNE :

2, Nguyễn-Trường-Tập (Khánh-Hội) SAIGON

Tél : 21.266 — 21.273

Fabrication : OXYGÈNE — ACÉTYLÈNE GAZ — CARBONIQUE

Vente : HYDROGÈNE — AMMONIAQUE — CYCLOPROPANE
— PROTOXYDE D'AZOTE — ARGON etc...

Matériel pour soudures oxy-acétylénique et électrique
Installations de gazothérapie

NOTE SERVICE TECHNIQUE D'APPLICATION EST À LA DISPOSITION DE LA
CLIENTÈLE POUR TOUTES ÉTUDES ET INSTALLATIONS

NGUYỄN TRÃI

Huyền thực và Sắc không

(tiếp theo trang 15)

kì-diệu giữa hình-thức và nội-dung trong thơ của Ông, và qua sự hoà-hợp ấy, đã tô điểm thuyết sắc-không của nhà Phật với những lời thơ và âm-diệu huyền-ảo hiếm-có. Sau Nguyễn Trãi, Việt-thi có thể nào-nùng hơn như thơ *Cung Oán*, có thể dài-các hơn như thơ *Kiều*, có thể bi-thống hơn như thơ *Thập Loại Chúng Sinh*, có thể réo-rất hơn như thơ *Chinh Phụ*, có thể bay-bướm hơn

như thơ của Nguyễn Công Trứ, có thể nhẹ-nhàng hơn như thơ của Nguyễn Khuyến, có thể xúc-động hơn như thơ của Phan Bội Châu. Nhưng thực khó mà đạt được đến sự cao-cả, sự chân-thành, sự sáng-sủa và sự thanh-nhã của Nguyễn Trãi trong tâm-tư, trong thi-tứ, và trong ngôn-từ của thơ.

TRẦN NGỌC NINH

CHÚ THÍCH

Kim-việt-ngữ : Vietnamien moderne.

Trung-việt-ngữ : Vietnamien moyen.

Lịch-sử của việt-ngữ được phân thành bốn thời-kì :

- 1- Thái-cổ việt-ngữ : Trước thế-kỉ I.
- 2- Cổ-việt-ngữ : Thế-kỉ I — Thế-kỉ X.
- 3- Trung-việt-ngữ : Thế-kỉ X — Thế-kỉ XV.
- 4- Kim-việt-ngữ : thành-lập : Thế-kỉ XV — Thế-kỉ XVII
hiện tại : Thế-kỉ XVI — Thế-kỉ XX.

Bình-diện biểu-hiện : Plan de l'expression.

Bình-diện nội-dung : Plan du contenu.

(Hai danh-từ này là mượn của L. Hjelmslev (về ngữ-lí-học).

Đối : Opposition.

Nghịch : Contraste.

Đối-nghịch : Opposition et contraste.

Tương-quan : Corrélation.

Liên-hệ : Relation.

Sử-trình : Procès.

(Những danh-từ trên cũng là mượn trong ngữ-lí-học cơ-cấu).

Bản-thể : Essence.

Bản-chất : Nature.

Chất-liệu : Substance.

Hình-thức : Forme.

Sắc-tướng : Apparence.

(Những danh-từ này có tính-cách triết học. Danh-từ cuối-cùng thuộc về Phật-học).

Cơ-cấu : Structure.

Kiến-trúc : Architecture.

Xây-dựng : Construction.

Mẫu-hình : Pattern.

Niêm-luật : Règles prosodiques.

Thi-thước : Mètre.

Thước-luật : Métrique.

Thi điệu : Mélodie.

Nhịp : Rythme.

Cặp câu : Distique

Vần : Rime.

Điểm-ngưng : Pause (Morae).

(Những tiếng trên đều về thi-luật).

Chú-ý : Điệu dùng cho cả thơ (thi-điệu) và nhạc (nhạc-điệu)

Âm : Son.

Phụ-âm : Consonne.

Chính-âm : Voyelle.

Thanh : Ton.

Thanh lên : Ton montant.

Thanh uốn : Ton infléchi.

Cao-độ : Hauteur.

Cường-độ : Accent.

Trưởng-độ : Longueur.

Tiếng : Mot unisyllabique.

Vần : Noyau syllabique.

Ngữ-pháp : Grammaire.

Cú-pháp : Syntaxe.

(Những tiếng này về ngữ-lí-học, bao gồm ngữ-âm, ngữ-pháp và ý-nghĩa-học). *Chú-ý* : *Vần* có hai nghĩa, *vần thơ* và *vần của tiếng*.

Jean Cocteau : *La poésie est une langue à part que les gens prennent pour une autre manière d'employer la leur. Il en résulte que tous les poètes du monde peuvent se comprendre entre eux.*

(Thơ là một-ngôn-ngữ riêng-biệt mà người thường cho là một cách dùng cái ngôn-ngữ của họ. Vì thế cho nên tất cả các thi-sĩ trên thế-giới đều có thể hiểu được nhau).

R. Jakobson — *Poésie de la grammaire et grammaire de la poésie.*

(Đầu-đề một cuốn sách mà ông đang viết)

J. Cocteau là một thi-sĩ (mới mất) của nước Pháp.

R. Jakobson là một nhà ngữ-lí-học gốc Nga, nay dạy ở Hoa-kì, Ông đã cùng với Trubetzkoï lập ra *Hội Ngữ-lí Prage*, do đó đã phát triển Ngữ lí-học mới.

Tác giả xin lỗi tất cả các bạn đọc vì đã không tránh được sự dùng một số danh-từ chuyên-môn và một vài danh-từ mới (hoặc danh-từ cũ nhưng với nghĩa mới). Tác-giả cũng xin phép được dùng ba tiếng tư, tứ, từ, mà tác giả học được của Ô. Nguyễn Đức Quỳnh.

TIN MỪNG

Được hồng thiếp 'áo tin Ông Bà TRẦN VĂN KHÊ sẽ làm lễ thành hôn cho con gái út là Cô **TRẦN THỊ THỦY NGỌC** cùng cậu **NGUYỄN VĂN TIÊU**, và hôn lễ sẽ cử hành vào ngày 7-4-1973 tại Thị-xã Ville Juif bên Pháp.

Xin chân thành mừng Ông Bà Trần Văn Khê và chúc cô dâu chú rể trăm năm hạnh phúc.

Lê Ngộ Châu, Minh Quân, Phạm Duy, Nguyễn Ngu Í.

KỸ THUẬT THẢO LUẬN HỘI NGHỊ của TRẦN ĐẠI

- Giảng viên Trường Chánh Trị Kinh Doanh và Đại học Sư phạm Dalat
- Một cây bút quen thuộc của độc giả Bách-Khoa

Đây là cuốn sách đầu tiên tại Việt-Nam đã khảo-cứu một cách kỹ lưỡng về Thảo-Luận Hội-Nghị. Cuốn sách rất cần thiết cho các vị giáo-chức, chỉ huy, chuyên viên thuộc các lãnh vực học đường, kinh doanh, lao động, chánh quyền, cơ quan dân cử, các hội đoàn.

Sách Lửa Thiêng

Bách-khoa đã nhận được của nhà xuất bản Lửa Thiêng những sách sau đây, xin ân cần giới thiệu cùng bạn đọc và xin trân trọng cảm ơn nhà xuất bản :

— **Đóng góp 1. Lãnh vực kinh-tế (1965 — 1972)** của Nguyễn văn Hào, dày 338 trang, sau những nhận định về tình hình kinh tế và xuất cảng tại V.N. đề cập các vấn đề. Phát triển nông nghiệp, Tín dụng và ngân hàng, Thử tìm một đường lối mới cho kinh tế V.N và Đường hướng phát triển kinh tế cho V.N.C N. Giá 700đ.

— **Lược khảo dân số của Ó. Bà Lâm Thanh Liêm**, dày 394 trang, gồm 4 phần chính : Các vấn đề nhân khẩu học, Dân hoạt động, Sự giao động dân số, Dân số V.N.C.H. Giá 700đ.

— **Kế-toán căn-bản Quyền II** của Hoàng Ngọc Khiêm dày trên 270 trang, trình bày Hệ-thống kế-toán và kiểm - soát, gồm 6 chương, khổ 16 × 24,5. Bản đặc biệt. Giá 750đ.

Sách Tuổi Hoa

Bách Khoa đã nhận được những sách sau đây của nhà xuất bản Tuổi Hoa :

— **Đôi vòng huyết dụ của Xuân Quang**, loại « Hoa đỏ » bản đặc biệt, dày 120 trang. Giá 100đ.

— **Dấu tay trên cửa của Khương**

— **Văn-học Tây-sơn** của Phạm văn Đang, dày 250 trang, gồm những chương : Đặc tính văn học Tây Sơn, Văn học bình dân, Văn học chữ Hán, Các tác giả : Nguyễn Hữu Lượng, Nguyễn Hứa Chính, Lê Ngọc Hân, Phan Huy Ích v.v... Dư hưởng của văn học Tây Sơn. Bản đặc biệt. ○

— **Văn-học Nam-Hà** (Văn học xứ Đàng Trong) của Nguyễn văn Sâm, dày 442 trang, trình bày bộ mặt của văn học miền đất từ Thuận-Hóa đến Hà Tiên, thời gian từ khi Nguyễn Hoàng thật sự rời đất Bắc (Canh Tý 1598) đến lúc Nguyễn Ánh lên ngôi (Nhâm Tuất 1802), có một số lớn tác giả và tác phẩm. Phụ bản 3 tài liệu bằng chữ Nôm. Bản đặc biệt.

— **Tôn giáo và dân tộc của Lý Chánh Trung**, dày 124 trang, tác giả suy nghĩ về những mâu thuẫn căn bản giữa tôn giáo và dân tộc để tìm kiếm những đường hướng khả dĩ đưa tới một sự hòa hợp chân thực và lâu bền. Giá 200đ.

Hồng, loại « Hoa đỏ » bản đặc biệt, dày 116 trang, giá 90đ.

— **Cây đàn huyền diệu của Vũ Hạnh** (cuộc đời bậc thiên tài vĩ cầm Pa-ga-ni-ni) loại « Hoa xanh », bản đặc biệt, dày 102 trang, giá 90đ.

Các sách trên đây đều do Họa sĩ Vi Vi vẽ bìa rất đẹp. Xin trân trọng cảm ơn nhà xuất bản.

9 nhà văn nhìn về Đông Hồ

Trước một số cử tọa đông đảo chưa bao giờ thấy tại Trung Tâm Văn Bút, 9 nhà văn và một học trò của thi sĩ Đông Hồ đã trình bày, dưới những khía cạnh khác nhau, về thi sĩ.

Đa số chỉ là những kỷ niệm giữa người quá cố với người sống, nhưng trong buổi nói chuyện trên, (1) những nét đặc biệt, đôi khi chưa bao giờ được trình bày, về thi sĩ Đông Hồ, đã lôi cuốn người nghe một cách đáng kể.

Sơn Nam : Cái hồ của Đông Hồ, rất cạn và bẩn

Nhà văn Sơn Nam đã dí dỏm khi nói về Hà Tiên, quê hương của Đông Hồ : Hà Tiên là một thành phố nước mặn, đồng chua và rất nghèo nàn. Bút hiệu của Đông Hồ thì rất đẹp nhưng cái hồ của Đông Hồ lại rất dơ và cạn. Con cò đứng đậu cũng chỉ tới đầu gối.

Tuy vậy, Sơn Nam đã tỏ ra khâm phục Đông Hồ rất nhiều. Với một xứ như trên, đường giao thông liên lạc rất khó khăn, kiếm được một tờ báo cũng là cả một kỳ công, nhưng « không hiểu làm sao Đông Hồ lại có thể viết cho Nam-phong » ?

Sơn Nam cũng cho rằng nếu yếu tố tiền bạc không có, người làm văn nghệ cũng còn được « vỗ tay bảy bậ », nhưng ở Hà-Tiên đa số là người Minh Hương và Kampuchea, mà Đông Hồ không những viết văn mà

còn mở cả trường dạy Việt văn là một điều vô cùng can đảm, so với tuổi còn trẻ của ông thời bấy giờ.

Không những thế, ông lại chỉ tự học, tự tìm tòi, mà dám mở Trí-Đức Học-xá bên bờ Đông Hồ. Thật « tôi cũng ngán ông ấy quá » !

L.m. Thanh Lãng : Đông Hồ có nhiều điểm đặc biệt

Linh-mục Thanh Lãng đã kể ra một số điều đặc biệt của Đông Hồ :

— Không qua một trường dạy làm báo nào mà có tiếng tăm ở cả làng báo Nam-Kỳ và Bắc-Kỳ.

— Đông-Hồ luôn luôn khai phá : từ 1923 tới 1933, chưa ai viết tùy bút, ký sự thì Đông Hồ đã nhẩy vào địa hạt này và rất nổi tiếng như các bài « Linh Phượng », « Trác Chi lệ tập » v.v... Mọi người, cũng trong thời kỳ này, thích thơ ái quốc, Đông Hồ lại làm thơ ca ngợi ái tình. Năm 1934, khi giới già lo gìn giữ loại thơ cũ thì Đông Hồ lại bước vào vườn thơ mới, với bút hiệu Xuân Giang và khi Phan-văn-Hùm lên tiếng khen, mới nhận « Xuân Giang là tôi ! »

— Đông-Hồ mới học qua bậc Tiểu học, mà lại làm giáo sư Đại học.

— Sống giữa thời xã giao ồn ào, Đông Hồ lại luôn luôn mặc áo dài, khăn đóng, đi hài thêu và trịnh trọng bưng một bình trầm hương đặt giữa bàn rồi mới nói chuyện.

— Đông Hồ là người miền Nam, nhưng rất rành giọng Bắc, yêu cảnh sắc và văn chương miền Bắc.

— Cái chết của thi sĩ cũng đặc biệt : yêu văn chương và dạy học lại chết ngay trước mặt học trò, sau khi ngâm xong một bài thơ.

Hồ Hữu Tường, Vi Huyền Đắc :
Đông Hồ, một thi sĩ trào phúng

Hồ-Hữu-Tường cho rằng Đông Hồ có óc hài hước ; ông kể lại chuyện : đề răn ông về các vụ « bay bướm » của ông hồi đó, Đông Hồ đã dựa vào bài thơ « Từ Thứ qui Tào » của Tôn Thọ Tường, sửa đi như sau :

*Thảo đâu dám sánh kẻ cày mèo
Muối sát lòng ai nấy mặn queo
Ở Hán còn nhiều trang cột cả
Về Tào chi xá một cây đào
Bâng khuâng nhớ mẹ khôn nưng chén
Bịn rịn vì vua biếng dỡ kèo
Chẳng được khôn Lưu thà đại Ngụy
Thân này gác để ngoài chuồng heo*

Theo Hồ Hữu Tường, Đông Hồ có ý nói bóng gió là : anh mà cày ruộng ba góc của Mèo, bà xã hay được cho anh nằm queo. Rùi cô bồ mang bầu, anh lại phải đào thêm một bà nữa. Bà xã hay được chắc sẽ vác heo mà rượt anh. Nếu anh không tồn thì tương lai ba vợ là sẽ ngủ « chuồng heo ».

Kịch tác gia Vi Huyền Đắc cũng nói rằng đã có lần bị Đông Hồ gọi là « cậu », khi đùa kêu ông là « thầy », tại trường Đại học Văn khoa.

**Những đặc điểm khác
về Đông Hồ**

Ông Phạm-Việt Tuyên thì cho rằng Đông Hồ đã rất lỗi lạc khi ông làm

thơ về hòa bình và chiến tranh. Ông đã đơn cử bài « Xuân lạc lối về » trong tập « Bội Lan Hành » và « Chinh chiến » trong tập *Trình Trăng* đề dẫn chứng điều trên.

Thi sĩ Vũ Hoàng Chương chẳng bao giờ quên được cốt cách nho phong, không khí đầy trầm hương trong lần gặp gỡ đầu tiên và tiếng ngâm nga của Đông Hồ vẫn còn vương vấn bên chén trà tàu.

Bình Nguyên Lộc nói về thú chơi trầm hương của Đông Hồ và cho rằng Đông Hồ chơi trầm còn hơn cả người Trung Hoa. Học giả Đào Đăng Vỹ thì mãi cảm động về lá thư khen tặng khuyến khích công trình tạo nên Từ điển của nhà học-giả.

Ông Nguyễn-văn-Sấm, Giáo sư Trường Đại học Văn khoa Saigon, trình bày về các công trình sáng tác của Đông Hồ. Ông cho rằng những tài liệu về phong cảnh, tập quán, phong tục miền Nam là những tập tài liệu đáng kể để nghiên cứu sau này.

Ngoài ra cũng trong buổi hội thoại này, một học trò cũ của thi sĩ đã phát biểu : thi sĩ là một nhà giáo nhân-bản nhất mà ông đã gặp

Qua lời nói chuyện của 9 nhà văn đối với bạn, và một học trò đối với thầy, người ta thấy quá nhiều điểm đặc biệt về Đông Hồ. Điều nào cũng dễ mến như cái nếp sống cổ kính xa lạ mà ôn nhã của người quá cố trong thời hiện tại.

TRẦN ĐẠI

(1) Buổi nói chuyện kể trên vào ngày 25-3-1973, hồi 10 giờ sáng, tại Trung Tâm Văn Bút Việt Nam để truy điệu Đông Hồ.

THỜI SỰ VĂN NGHỆ

Picasso 1881-1973

Pablo Ruiz Picasso, nhà đại danh họa của thế kỷ 20, đã từ trần tại một biệt thự ở Mougins, thuộc Miền Nam nước Pháp, vào sáng Chủ nhật 8-4 vừa qua, sau những ngày dài đau ốm, hưởng thọ 92 tuổi. Picasso là người Tây-ban-nha, nhưng không chịu sống dưới chế độ độc tài của tướng Franco tại nước ông, nên phải lưu lạc 40 năm trời tại đất Pháp, và ông đã trút hơi thở cuối cùng 1 tháng trước khi khai mạc một cuộc triển lãm lớn của ông.

Picasso sanh 25-10-1881 tại Malaga (Tây-ban-nha) có khiếu về hội họa từ thuở nhỏ và bắt đầu theo học hội họa tại các trường Mỹ-thuật ở Barcelone và Madrid. Năm 1904, ông sang cư ngụ hẳn ở Balè và những tranh của ông được giới thưởng ngoạn đề ý ngay. Ông tìm tòi và sáng tạo không ngừng nên nhắc đến Picasso là người ta nghĩ ngay đến những thời kỳ màu xanh, thời kỳ màu hồng, thời kỳ màu lục v.v... Picasso vẫn được coi là người sáng lập ra trường phái Lập-thể, (1909-1914). Nhưng từ năm 1923 thì ông lại chuyển sang nghệ thuật Siêu-thực rồi nhiều năm sau ông lại vẽ theo môn phái Biểu-hiện v.v... Ngoài hội họa ông cũng còn sáng tác một số công trình điêu khắc siêu-thực nữa. Mọi sáng tác phẩm của ông đều được giới thưởng ngoạn khắp thế giới tranh nhau mua với giá rất cao.

Ông lại làm việc không ngừng nên toàn bộ tác phẩm của ông có tới

14 000 bức tranh với 34.000 bức minh họa nhân vật trong sách và tiểu thuyết, 300 công trình điêu khắc và đồ gốm. Ông được nhiều giải thưởng trong có giải Lénine vào năm 1962. Năm ông 90 tuổi, tác phẩm của ông có mặt tại khắp các Viện Bảo tàng trên thế giới và hầu hết các báo chí Âu Mỹ đều viết bài ca tụng nghệ thuật của ông.

Tuy nhiên tại Việt Nam, báo chí có nhắc đến nhà danh họa Picasso khá nhiều, nhưng giới hội họa Việt-nam thì lại rất ít người chịu ảnh hưởng của ông và quần chúng thưởng ngoạn lại càng ít người thưởng thức được nghệ thuật của ông hơn nữa.

Trong kỳ tới Bách Khoa sẽ có một bài đầy đủ hơn để giới thiệu cuộc đời và sự nghiệp của Picasso.

Viết trở lại và sáng tác trở lại

Trên Bách Khoa số xuân Tân Sửu vừa qua, nhà văn Nguyễn Ngu Í « bỏ nghiệp viết » từ 5 năm nay vì bệnh tâm trí—có hẹn sẽ viết trở lại và anh đã viết lại khá đều trên Bách-Khoa, Phở-Thông v.v... Được biết anh đang lo in một tập thơ « *Có những bài thơ...* » và Phủ Quốc vụ khanh đặc trách Văn hóa cũng sẽ xuất bản cho anh tập « *Phỏng vấn các nhà văn, thơ, nhạc, họa* » — một cuộc phỏng vấn rất công phu, giá trị, kéo dài trong 2, 3 năm trời — mà anh đã đăng trên Bách Khoa từ 12, 13 năm rày.

Nhờ văn Võ Phiến, người đã đăng

truyện ngắn trên Bách Khoa từ 1957, trong nhiều năm nay hầu như rất ít có sáng tác mới trên các báo. Người ta chỉ được đọc các bài tạp bút, tiểu luận, tùy bút... của ông trên các tuần báo và tập san văn nghệ. Nay ông định sẽ viết truyện trở lại sau loạt bài tiểu luận trên Bách-Khoa. Tất cả những bài tùy bút, tiểu luận này đã được gom lại thành sách và bạn đọc sẽ lần lượt sắp có trong tay những cuốn sau đây: *Chúng ta, qua cách viết* do Giao Điểm xuất bản, *Tạp luận* do Trí Đăng xuất bản, *Đất nước, quê hương* do Lửa Thiêng xuất bản. Ngoài ra nhà An Tiêm cũng đang cho in lại truyện dài *Một mình* của Võ Phiến, xuất bản từ năm 1965, rất nhiều bạn đọc tìm mua từ lâu mà không còn nữa.

Bùi Kim Đinh, một cây bút viết nhiều truyện ngắn đặc sắc cho Bách Khoa từ các năm 1966 trở đi, đã ngưng viết mấy năm liền vì công vụ sau khi cho ra các cuốn *Chợ đêm* (tập truyện) do Thời Mới xuất bản và *Ngược sông* (truyện dài) do Hồng Đức xuất bản. Năm 72 vừa qua Bùi Kim Đinh lại cầm bút trở lại và anh đã cho ra được một truyện dài *Đốt xác* (Huyền Trân xb), lấy khung cảnh nông thôn ở Miền Tây Nam-phần, là nơi anh đã làm việc trong những năm qua. Anh cho biết sẽ viết một truyện dài đặc biệt về thế giới người

cùi lấy tên là *Xã hội xám* sẽ xuất bản vào năm tới.

THU THỦY

Mua sách rẻ

«Book Club», «Club du Livre», một tổ chức của Âu Mỹ mà từ lâu các độc giả yêu sách đều mong đợi, lần đầu tiên đã ra đời tại Việt Nam, với tên gọi là Câu-lạc-bộ Văn-Tuyền.

Do một nhóm nhà văn, học giả và nhà báo chủ trương, Văn-Tuyền hoàn toàn có tính cách vô vị lợi. Mọi người yêu sách đều có thể gia nhập Văn Tuyền mà không phải tốn một phí khoản nào.

Được biết, các độc giả gia nhập Văn Tuyền có thể mua những tác phẩm giá trị, nhanh chóng và giá rẻ hơn thị trường. Riêng đối với những người chơi sách, Văn Tuyền có thể giúp mua những ấn bản đặc biệt với thủ bút và chữ ký của tác giả. Ngoài ra, Câu-lạc-bộ mỗi tháng còn ấn hành một bản tin lưu hành miễn phí trong nội bộ Câu-lạc-bộ Văn-Tuyền. Bản tin, ngoài những tin tức liên quan đến tình hình sách xuất bản trong nước và ngoại quốc, còn giới thiệu, phê bình ba tác phẩm giá trị và được ưa chuộng nhất trong tháng.

Câu-lạc-bộ Văn-Tuyền hiện đã bắt đầu sinh hoạt thường xuyên tại 219 Hai Bà Trưng (Lầu I), Hộp thư 2633 Saigon.

VĂN-TUYỀN

Sách Nguyễn Hiến Lê

Bách Khoa đã nhận được những sách sau đây do Ô. Nguyễn Hiến Lê biên soạn hoặc phiên dịch và gửi tặng.

— **Gương hy sinh** — Nhà xuất bản Nguyễn Hiến Lê — gồm tiểu sử 10 nhà bác học hoặc phát minh Âu Mỹ : I. Newton, L. Pasteur, T.A. Edison, J.B. Dunlop, Ông Bà Curie, G. Marconi, R. Diesel, J.L. Baird, N. Wiener, I.P. Semmelweis. Sách dày 206 trang. Giá 300đ.

— **Gương danh nhân** — Nhà xuất bản Nguyễn Hiến Lê — gồm tiểu-sử danh nhân Tây, Đông : H. Schliemann, Quán Trọng, B. Franklin, M. Gandhi, L. Tolstoi, Vương-Dương-Minh, A. Lincoln. Sách dày 190 trang. Giá 300đ.

— **Nghệ thuật nói trước công chúng** — Nhà xuất bản Nguyễn Hiến Lê — in lần thứ 7, có sửa chữa, giúp cho người đọc luyện những đức tính, giọng nói, điệu bộ, soạn diễn văn đề thuyết phục thính giả. Có phụ lục : những diễn văn kiểu mẫu. Sách dày 328 trang. Giá 380đ.

— **Huấn luyện tình cảm** — Nhà xuất bản Nguyễn Hiến Lê — lược dịch cuốn « L'éducation des sentiments » của P. Félix Thomas, phân tích các tình cảm của con người và luyện cho người ta các tính tự chủ, lòng yêu nước, yêu sự thực, yêu điều thiện v.v... Sách dày 160 trang. Giá 250đ.

— **Săn sóc sự học của con em** — Nhà xuất bản Thanh Tân in lần 2 — trình bày với người đọc là trẻ nào cũng có thể học giỏi được nếu ta biết cách săn sóc, lập thời dụng biểu,

kiểm soát, giảng dạy các môn, trị tật làm biếng của trẻ v.v... Sách dày trên 130 trang. Giá 180đ.

— **Tay trắng làm nên** — Nhà xuất bản Thanh Tân — dịch cuốn « The three Keys to success » của Huân tước Beaverbrook, kinh nghiệm sống của một nhà đại doanh nghiệp Gia-nã-đại, rất quý cho các người có óc kinh doanh. Sách dày 124 trang.

— **Chiến quốc sách** — Nhà xuất bản Lá Bối in lần thứ 2 — tác giả cùng ông Giản Chi hợp soạn, giới thiệu, trích dịch và chú thích. Sách dày 760 trang, gồm Phần I : giới thiệu Thời Chiến quốc, Nguồn gốc Chiến quốc sách, Xã hội Trung hoa trong Chiến quốc sách, Giá trị lịch sử và văn học của tác phẩm. Phần II : 10 chương trích dịch từ Chu sách, Tần sách đến Tề, Sở, Triệu, Ngụy, Hàn, Yên, Tống, Vệ, Trung Sơn sách. Dịch phẩm giá trị với những chú thích rõ ràng. Bản đặc biệt.

— **Sử ký Tư Mã Thiên** — Nhà xuất bản Lá Bối in lần thứ 2 — tác giả cùng ông Giản Chi hợp soạn, giới thiệu, trích dịch và chú thích. Sách dày 840 trang gồm Phần I : Giới thiệu thời Hán Vũ Đế, Tiểu sử Tư Mã Thiên, Các bộ sử trước bộ Sử ký, Nội dung bộ Sử ký, Phương pháp, tư tưởng, bút pháp của Tư Mã Thiên... Phần II : trích dịch Bản Kí, Biêu, Thư, Thế gia, Liệt truyện. Giá 1500đ.

Xin trân trọng cảm ơn ông Nguyễn Hiến Lê và nhà xuất bản Lá Bối.

HÃNG SAVON
HẠNH PHƯỚC

31 đường Đào Nguyên Phổ — Chợ lớn

THÂN TẶNG

**– 20.000đ. cho người nào biết
và chỉ chỗ bán Savon BABY giả.**

**– 50.000đ. cho người nào
biết và chỉ nơi sản xuất Savon
BABY giả.**

***Cam đoan không tiết lộ danh
tánh người chỉ dẫn.***

— Muốn tránh sự giả mạo, xin quý khách dùng
BABY SOAP, nhận kỹ nhãn hiệu và mua sỉ, lẻ tại Hãng
Savon HẠNH PHƯỚC 31 đường Đào-Nguyên-Phổ
Chợ lớn



Đây là mẫu hộp Savon BABY thật

Sách mới

Bách Khoa trân trọng cảm ơn quý vị đã gửi tặng những sách sau đây và xin ân cần giới thiệu cùng quý bạn đọc :

— Nỗi văn thầy Tam Quốc Chí do Đông Hồ và Hồ Hữu Tường diễn nghĩa, « sửa văn La Quán Trung », Việt-Nam Quảng-học Tùng thư xuất bản và Hồ Hữu Tường gửi tặng. Sách dày 52 trang, Đông Hồ diễn nghĩa 6 hồi, Hồ Hữu Tường diễn nghĩa nối theo 2 hồi nữa. Giá 100đ.

— Chiều nắng bên làng truyện dài đồng-quê kháng-chiến của Hàn-Song-Thanh do Trường Giang xuất bản và tác giả gửi tặng. Sách dày 192 trang, Vũ Hạnh giới thiệu. Giá 240đ.

— Tuần trăng mặt màu xanh tiểu thuyết của Nguyễn Thị Hoàng do Đồng Nai xuất bản và tác giả gửi tặng. Tác phẩm thứ 22 đã xuất bản của tác giả dày 300 trang. Bản đặc biệt. Giá 400đ.

— Giáo dục và ý nghĩa cuộc sống nguyên tác « Education and the significance of life » của Krishnamurti, bản dịch của Hoài Khanh, do Ca Dao xuất bản và dịch giả gửi tặng. Sách dày 178 trang gồm 8 chương, in lần thứ 2. Giá 280đ.

— Mỗi tình của chàng nhạc sĩ nguyên tác « Gertrude » của Hermann Hesse, Vũ Đăng dịch, do Ca Dao xuất bản và gửi tặng. Sách dày 410 trang. Giá 550đ.

— Tom Paine nhà cách mạng đơn độc, nguyên tác « Citizen Tom Paine » của Howard Fast, bản dịch của Võ Sơn Thanh, do Cửu Long xuất bản, Đồng Nai phát hành và gửi tặng.

Sách dày 456 trang. Giá 650đ.

— Kịch đời nguyên tác của William Saroyan, bản dịch của Đặng Tâm, do Đồng Nai xuất bản và gửi tặng. Sách dày 336 trang. Giá 400đ.

— Theo cánh gió bay tập thơ của Anh Tuyến do tác giả xuất bản và gửi tặng. Sách dày 130 trang gồm khoảng 30 bài thơ rất cảm động, tưởng niệm 2 sĩ quan trong Sư đoàn Dù — là con đẻ và con nuôi của tác giả — đã hy sinh trong trận tái chiếm Cù Thành Quảng Trị. Khai từ của Phạm văn Bính và bản nhạc « Cánh gió » phổ thơ Anh Tuyến của Lê Thương kết thúc tập thơ. Sách bán lấy tiền giúp Cô nhi từ sĩ Sư đoàn Nhảy Dù VN. Bản đặc biệt.

— Huyền Trân, kịch của Trung Tử do Cát Biền xuất bản và tác giả gửi tặng. Sách dày 56 trang giá 120đ.

— Vị Giang thi tập tập thơ của Trần Gia Phúc do nhà xuất bản Văn Chương ấn hành và tác giả gửi tặng. Sách dày 64 trang, khổ lớn, gồm trên 40 bài thơ thuộc các thể Cổ thi Đường luật, in trên giấy trắng hoa, trình bày trang nhã. Giá 500đ.

— Ca dao của mẹ tập thơ của Trần Hoàng Vy do tác giả xuất bản và gửi tặng. Sách dày 24 trang gồm 14 bài thơ. Giá 60đ.

— Đời nghiêng nửa bóng tuyền tập thơ của 3 tác giả : Vương Anh Lạc, Lê Đông Tùng, Nguyễn Đăng Khải, mỗi tác giả trên 10 bài, in ronéo một mặt.

— Nụ hồng cho tuổi thanh xuân, thơ của Lý thiên Ngô, in ronéo một mặt dày 50 trang gồm 1000 câu lục bát của tác giả.

HỘP THƯ

*Bách Khoa đã nhận được bài của
quí bạn sau đây :*

Hoàng Cổ Hương (thơ), Phan Minh
Trùng (thơ), Trần Quang Thiếu
(thơ), Trần Ngọc Kim (thơ), Vương
Bắc (thơ), Anh Kỳ (thơ), Nguyễn
Mưa Thành Phố (thơ), Trầm Giao
(thơ), Trần Nhật Khánh (thơ), Thái
Duy Thức (thơ), Phạm Trương Ly
(thơ) Lương Hữu Chính (thơ), P.T.
H. (thơ), Nguyễn Nhật Ánh (thơ),
Phan Hải Sơn (thơ), Nguyễn Đức
Nhân (thơ), Võ Lan Hân (Trời hay
mưa bất ngờ), Thu Hoa Đan (thơ),
ĐVX (Phòng của nàng, Li Li), Nguyễn
Đề (thơ), Thảo Sơn (thơ), Thương Ái
Linh (thơ), Như Anh (thơ), Mai Quế
Phương (thơ), Trần Hoàng Vy (thơ),
Phạm Quang Phước (Đêm mộng là)
Trầm Bích Lan (thơ), Từ Dạ Trầm
(thơ), Nguyễn Thanh Hiện (thơ) Đỗ Chu
Thăng (thơ), P. Trinh Nguyên (Pháp
phòng ; thơ), Hoàng Thế Hiệp (thơ),
Hoàng Kha Linh (thơ), Lê Phước
Dạ Đăng (thơ), Đinh Công Thành
(Nói « Dối » hay nói « Thật »), Trần
Hữu Nghiễm (thơ), Hạnh (thơ),

Võ Minh An (thơ), Bùi Đông
Diễn (thơ), Chu Vương Miện (thơ),
Huỳnh Kim Bửu (thơ), Nguyễn Dã
Châu (thơ), Lý Thiện Ngộ (thơ),
Mặc Linh (Tại sao VN mãi chậm tiến),
Bùi Bá Bổng (thơ), Phạm Viết Thiên
(thơ), Nguyễn Thị P.T. (Buổi sáng
trời mưa), Lãng Du (thơ), Cao Trường
Huy (thơ), Hàn Phủ (ngày về); Nguyễn
Long (thơ), Ngữ Luân (thơ), Lộc Vũ
(thơ), Đoàn Khôi (Hiện tượng chuột treo),
Trương Văn Bình (thơ), Hoàng Yên
Sơn (thơ), Nguyễn Chân Thực (thơ),
Nguyễn Triều Kha (Những ngày ngồi
chờ đợi lặng lẽ), Trần Duyên Hiền
(Chữ học ngày nay), Mang Viên
Long (Đến ngưng chiến), Thủy
Triều (thơ).

*Ông Hoàng Lộc ; ông Trần Hoài
Thư :* Mới nhận được thêm sáng
rác của các anh. Rất cảm ơn và sẽ
đăng.

Ô. Trần Chẽ Ngự (Pleiku).— Đã
nhận được thư của ông. Tòa soạn
nhận thấy bài nào có giá trị sẽ đăng
ngay, nếu không bị kẹt bài, không hề
phân biệt người gửi tới là văn hữu
quen hay lạ. Xin ông gửi cho các bài
khác nữa.

TIN MỪNG

Thành thật cầu chúc

ĐỖ - HƯNG
NGUYỄN-THỊ LỆ-LIỀU

trăm năm hạnh phúc.

ĐỖ-VĂN-QUYỀN — LÊ-ĐÌNH-ĐỆ